

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN KHẮC CHINH

QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ THEO HIỆP ĐỊNH  
ĐỐI TÁC TOÀN DIỆN VÀ TIẾN BỘ XUYÊN  
THÁI BÌNH DƯƠNG (CPTPP)

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2023

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN KHẮC CHINH

**QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ THEO HIỆP ĐỊNH  
ĐỐI TÁC TOÀN DIỆN VÀ TIẾN BỘ XUYÊN  
THÁI BÌNH DƯƠNG (CPTPP)**

*Ngành : Luật Kinh tế*

*Mã số : 9 38 01 07*

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Lê Mai Thanh**

**HÀ NỘI - 2023**

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong luận án đảm bảo độ tin cậy, chính xác và trung thực được thu thập từ các nguồn khác nhau. Những kết luận khoa học của luận án chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

**TÁC GIẢ LUẬN ÁN**

**Nguyễn Khắc Chinh**

## **LỜI CẢM ƠN**

Để hoàn thành luận án này, tôi đã nhận được rất nhiều sự giúp đỡ của các thầy cô giáo, đồng nghiệp, bạn bè và người thân.

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến PGS.TS. Lê Mai Thanh – Người đã trực tiếp hướng dẫn, chỉ bảo, động viên, và đóng góp ý kiến cho tôi trong suốt thời gian thực hiện luận án này.

Xin gửi lời cảm ơn đến Lãnh đạo Học viện Khoa học xã hội, các thầy cô ở Khoa Luật, Học viện Khoa học xã hội đã chỉ bảo, góp ý, hỗ trợ tôi rất nhiều trong việc tìm kiếm tư liệu cũng như nâng cao phương pháp, kỹ năng viết luận án.

Xin gửi lời cảm ơn đến Lãnh đạo Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội đã động viên, tạo điều kiện cho tôi trong suốt quá trình hoàn thiện luận án này.

Xin cảm ơn các thầy cô và anh chị em là đồng nghiệp tại Khoa Luật Quốc tế, Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, đã cổ vũ, hỗ trợ cho tôi trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến gia đình, người thân và bạn bè đã luôn đồng hành, tiếp sức cho tôi vượt qua những khó khăn để hoàn thành luận án.

**TÁC GIẢ LUẬN ÁN**

**Nguyễn Khắc Chinh**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT NGHIÊN CỨU</b> .....	9
1.1 Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	9
1.2 Đánh giá tình hình nghiên cứu và các vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu làm rõ .....	26
1.3 Cơ sở lý thuyết, câu hỏi nghiên cứu và giả thiết nghiên cứu.....	29
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 1</b> .....	34
<b>Chương 2: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ VÀ NỘI DUNG THỎA THUẬN VỀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ THEO CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO THẾ HỆ MỚI</b> .....	35
2.1 Lý luận về quyền sở hữu trí tuệ và yêu cầu bảo hộ theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.....	35
2.2 Khái quát về Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương và nội dung thoả thuận bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.....	58
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 2</b> .....	70
<b>Chương 3: THỰC TRẠNG THỰC HIỆN CAM KẾT VỀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ THEO HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC TOÀN DIỆN VÀ TIẾN BỘ XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG VÀ NGHĨA VỤ THỰC HIỆN CAM KẾT ĐỐI VỚI VIỆT NAM</b> .....	72
3.1 Thực trạng các cam kết về quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương .....	72
3.2 Các nghĩa vụ thực hiện và thực trạng thực hiện các cam kết về quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương của Việt Nam .....	77
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 3</b> .....	107

<b>Chương 4: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CÁC CAM KẾT VỀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ THEO HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC TOÀN DIỆN VÀ TIẾN BỘ XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG .....</b>	<b>109</b>
4.1 Phương hướng thực hiện các cam kết về quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương .....	109
4.2 Giải pháp thực hiện các cam kết về quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương .....	117
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 4.....</b>	<b>139</b>
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>141</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>144</b>

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ACTA	Anti-Counterfeiting Trade Agreement <i>Hiệp định thương mại Chống hàng giả</i>
Bộ KH&CN	<i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i>
Bộ VH TTDL	<i>Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</i>
ccTLD	Country code top-level domain <i>Tên miền cao cấp mã quốc gia</i>
CODA	The Content Overseas Distribution Association <i>Hiệp hội phân phối nội dung ở nước ngoài của Nhật Bản</i>
COV	Copyright Office of Vietnam <i>Cục bản quyền tác giả Việt Nam</i>
CPTPP	The Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership <i>Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương</i>
EVFTA	EU- Vietnam Free Trade Agreement <i>Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu</i>
FTA	Free Trade Agreement <i>Hiệp định thương mại tự do</i>
Hiệp ước Budapest	Budapest Treaty on the International Recognition of the Deposit of Microorganisms for the Purposes of Patent Procedure <i>Hiệp ước Budapest về sự công nhận quốc tế đối với việc nộp lưu chủng vi sinh nhằm tiến hành các thủ tục về sáng chế</i>
ICANN	Internet Corporation for Assigned Names and Numbers <i>Tổ chức quản lý tên miền quốc tế</i>
KCC	The Korea Copyright Commission <i>Ủy ban Bản quyền tác giả Hàn Quốc</i>
PCT	The Patent Cooperation Treaty <i>Hiệp ước Hợp tác Sáng chế</i>

QLQ	<i>Quyền liên quan</i>
QTG	<i>Quyền tác giả</i>
RCEP	Regional Comprehensive Economic Partnership <i>Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực</i>
SHCN	<i>Sở hữu công nghiệp</i>
SHTT	<i>Sở hữu trí tuệ</i>
Thỏa ước La-Hay	Hague Agreement Concerning the International Registration of Industrial Designs <i>Thỏa ước La-hay về đăng ký quốc tế kiểu dáng công nghiệp</i>
TPP	The Trans-Pacific Partnership <i>Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương</i>
TRIPS	The Agreement on Trade-Related Aspects of Intellectual Property Rights <i>Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền Sở hữu trí tuệ</i>
UDRP	Uniform Domain-Name Dispute-Resolution Policy <i>Chính sách giải quyết tên miền thống nhất</i>
VCPMC	Vietnam Center for Protection of Music Copyright <i>Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc Việt Nam</i>
WCT	WIPO Copyright Treaty <i>Hiệp ước về Quyền tác giả của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới</i>
WIPO	World Intellectual Property Organization – WIPO <i>Tổ chức sở hữu trí tuệ Thế giới</i>
WPPT	WIPO Performances and Phonograms Treaty <i>Hiệp ước về Biểu diễn và bản ghi âm của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới</i>
WTO	World Trade Organization <i>Tổ chức Thương mại thế giới</i>



## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ là một trong những trụ cột của thương mại toàn cầu trong khuôn khổ của Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Mục tiêu của chính sách bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ nhằm khuyến khích sáng tạo, cân bằng quyền của chủ sở hữu với lợi ích của cộng đồng, và tiếp cận thị trường hợp lý. Tuy nhiên, tác động của việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ không giống nhau bởi trình độ phát triển của nền kinh tế cũng như văn hóa ứng xử của các chủ thể trong thị trường là khác nhau.

Chính sách pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ của Việt Nam chịu ảnh hưởng từ quá trình hợp tác, hội nhập kinh tế quốc tế thông qua các thời kỳ nhất định. Đầu tiên, có thể kể đến Hiệp định thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ được ký kết tháng 7 năm 2000, đây là Hiệp định bao gồm nội dung bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ chặt chẽ với phần lớn nội dung dựa theo Hiệp định về các khía cạnh thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS). Năm 2007, Việt Nam chính thức trở thành thành viên WTO năm 2007 với nghĩa vụ tuân thủ các quy định của Hiệp định TRIPS và trong những năm gần đây là ký kết một số Hiệp định thương mại tự do (FTAs) thế hệ mới bao gồm Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu – Việt Nam (EVFTA); Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP); và đặc biệt là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) với 11 quốc gia thành viên.

Hiệp định CPTPP là quá trình nỗ lực đàm phán của mười một quốc gia thành viên hiệp định bao gồm: Việt Nam, Úc, Brunei, Nhật Bản, Malaysia, Chi lê, Canada, Mexico, Singapore, Peru và New Zealand. Về cơ bản, Hiệp định CPTPP bao gồm 30 chương và 9 phụ lục, trong đó đáng chú ý là chương 18 về Sở hữu trí tuệ. Hiệp định CPTPP xác định chính sách bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở mức độ sâu và rộng hơn các điều ước quốc tế trước đó bao gồm

cả Hiệp định TRIPS. Mục tiêu của chính sách bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) trong Hiệp định CPTPP nhằm:

- (i) Nâng cao chính sách bảo hộ cũng như cân bằng giữa việc bảo hộ và thực thi quyền;
- (ii) Khuyến khích các sản phẩm chứa quyền sở hữu trí tuệ;
- (iii) Tập trung xử lý các vi phạm liên quan đến hàng giả mạo, hàng nhái, hoặc chiếm đoạt bí mật kinh doanh;
- (iv) Tính minh bạch, sự rõ ràng, và hiệu quả của hệ thống nộp đơn và đăng ký sáng chế, nhãn hiệu được chú trọng;
- (v) Thúc đẩy sự phát triển và tiếp cận thuốc mới và thuốc thông thường;
- (vi) Kiến tạo thể chế cho công nghệ số, trong đó có nội dung sáng tạo;
- (vii) Ngăn ngừa sự mở rộng bảo hộ chỉ dẫn địa lý, có biện pháp bảo hộ quyền của chủ sở hữu nhãn hiệu đã có trước và các quy định về việc sử dụng khái niệm thông thường.

Vốn là hình mẫu của Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, Hiệp định CPTPP đã đặt ra những tiêu chuẩn khắt khe về tính minh bạch của chính sách pháp luật liên quan đến quyền SHTT, điều này đòi hỏi các quốc gia thành viên cần có sự sửa đổi, bổ sung nhằm đảm bảo tương thích với các quy định của hiệp định này, trong đó có Việt Nam. Mặc dù, Việt Nam đã thực thi Hiệp định TRIPS và các nghĩa vụ bảo hộ quyền SHTT theo các điều ước quốc tế khác, tuy nhiên, trên thực tế việc bảo hộ và thực thi quyền SHTT ở Việt Nam còn nhiều hạn chế, hiệu lực của hệ thống về bảo hộ và thực thi quyền SHTT còn nhiều bất cập, tính minh bạch và sự nghiêm minh trong thực thi luật còn tồn tại nhiều vấn đề. Xác định được rằng việc bảo hộ và thực thi quyền SHTT là yếu tố then chốt đối với sự phát triển kinh tế của đất nước, đặc biệt là trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam đã sửa đổi và ban hành các văn bản pháp luật mới để phù hợp với các cam kết của Hiệp định CPTPP. Tuy

nhiên, việc hoàn thiện pháp luật này chỉ dựa trên các nền tảng lý luận cơ bản về thực thi nghĩa vụ.

Kể từ khi Hiệp định CPTPP chính thức có hiệu lực đối với các quốc gia thành viên cho đến nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu về quyền sở hữu trí tuệ trong Hiệp định CPTPP nhưng chủ yếu diễn giải về quy định quyền sở hữu trí tuệ, vậy nên việc nghiên cứu các quy định, cam kết trong chương Sở hữu trí tuệ của Hiệp định CPTPP là hết sức cần thiết. Xuất phát từ thực tiễn trên, việc nghiên cứu đề tài “**Quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định Đối tác và Toàn diện xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)**” là một nhu cầu cấp bách của khoa học pháp lý ở Việt Nam hiện nay. Vì vậy, nghiên cứu sinh đã lựa chọn đề tài này nhằm nghiên cứu và làm luận án Tiến sĩ luật học.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

### **2.1 Mục đích nghiên cứu**

*Luận án đặt ra mục đích nghiên cứu:*

Đánh giá thực trạng các cam kết về quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định Đối tác và Toàn diện xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và nghĩa vụ thực hiện cam kết đó đối với Việt Nam nhằm tăng cường năng lực thực hiện các cam kết về quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định CPTPP.

### **2.2 Nhiệm vụ nghiên cứu**

Để đạt được mục đích nêu trên, luận án sẽ thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể sau đây:

*Một là*, làm rõ và xây dựng cơ sở lý luận về quyền sở hữu trí tuệ theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới nói chung, và Hiệp định CPTPP nói riêng. Các nội dung lý luận cần làm rõ bao gồm: Khái niệm, đặc điểm, và phân loại quyền SHTT; nội dung của quyền SHTT; chính sách và mục tiêu bảo hộ quyền SHTT của các quốc gia; yêu cầu bảo hộ quyền SHTT trong các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, đặc biệt là Hiệp định CPTPP.

*Hai là*, phân tích nhằm làm sáng tỏ thực trạng các cam kết về quyền SHTT theo Hiệp định CPTPP và nghĩa vụ thực hiện các cam kết đó đối với

Việt Nam; chỉ ra những bất cập của hệ thống pháp luật hiện tại cũng như các hạn chế, khó khăn trong thực tiễn thực hiện.

*Ba là*, nghiên cứu, đề xuất, làm rõ phương hướng và đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm thực hiện các cam kết về quyền SHTT theo Hiệp định CPTPP và nâng cao năng lực thực hiện các cam kết về quyền SHTT của Việt Nam.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### ***3.1 Đối tượng nghiên cứu***

Đối tượng nghiên cứu của đề tài luận án gồm quyền sở hữu trí tuệ theo cam kết của Hiệp định Đối tác và Toàn diện xuyên Thái Bình Dương và thực trạng thực hiện các cam kết đó của Việt Nam.

#### ***3.2 Phạm vi nghiên cứu***

##### *Về nội dung:*

Quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định CPTPP là vấn đề rất lớn, có thể được tiếp cận ở nhiều khía cạnh khác nhau, đồng thời có thể được phân tích ở nhiều mức độ. Trong phạm vi của Luận án Tiến sĩ này, các nghiên cứu của luận án chỉ tập trung vào các cam kết bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định CPTPP và thực tiễn thực thi của Việt Nam mà không mở rộng ra toàn bộ các khía cạnh khác của quyền sở hữu trí tuệ nói chung.

Cụ thể, Luận án tập trung vào nghiên cứu ba nội dung chính gồm: (i) Lý luận về quyền sở hữu trí tuệ trong các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, bao gồm Hiệp định CPTPP; (ii) thực trạng thực hiện các cam kết về quyền SHTT trong Hiệp định CPTPP; (iii) nghĩa vụ và thực trạng thực hiện các cam kết về quyền SHTT theo Hiệp định CPTPP của Việt Nam trong thời gian qua.

##### *Về thời gian và không gian:*

Khi phân tích các cam kết về quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, luận án lấy mốc thời gian

kể từ khi hiệp định được đàm phán. Các văn bản pháp luật, thông tin, số liệu, và tư liệu chủ yếu phục vụ nghiên cứu Luận án là kể từ khi Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 có hiệu lực thi hành tới nay.

Luận án tập trung nghiên cứu các quy định trong chương 18 của Hiệp định CPTPP về sở hữu trí tuệ, trong đó bao gồm cả các cam kết được tạm hoãn. Luận án đồng thời nghiên cứu các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành về quyền sở hữu trí tuệ, bao gồm: Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (sửa đổi bổ sung năm 2009, 2019, và 2022); Bộ luật dân sự năm 2015; Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;... và các quy định pháp luật liên quan khác. Luận án sử dụng các nội dung, số liệu qua hoạt động thực hiện các cam kết về quyền SHTT trước và sau khi Hiệp định CPTPP chính thức có hiệu lực đối với Việt Nam.

#### **4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của luận án**

Nghiên cứu sinh thực hiện Luận án trên cơ sở vận dụng phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của Triết học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng Cộng sản và Nhà nước Cộng xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền sở hữu trí tuệ trong các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

Nhằm đánh giá kết quả nghiên cứu trước đó, luận án sử dụng phương pháp tổng hợp các kết quả nghiên cứu từ nhiều nguồn khác nhau để phân tích và trả lời cho câu hỏi nghiên cứu về yêu cầu bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, nói chung và Hiệp định CPTPP nói riêng.

Các phương pháp tổng hợp, diễn giải, quy nạp... cũng được luận án sử dụng để giải quyết các vấn đề và nhiệm vụ của luận án. Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng cụ thể như sau:

Phương pháp phân tích và phương pháp so sánh luật học:

Phương pháp này được sử dụng trong chương 1 của luận án nhằm đánh giá, làm rõ những nội dung liên quan đến đề tài nghiên cứu. Theo đó, những vấn đề nào đã được giải quyết, những vấn đề nào vẫn còn chưa rõ hoặc chưa được giải quyết nhằm đưa ra định hướng để tiếp tục nghiên cứu.

Phương pháp phân tích và hệ thống hóa:

Phương pháp này được sử dụng chủ yếu tại chương 2 của luận án nhằm phân tích và làm rõ những vấn đề lý luận liên quan đến đề tài luận án, như khái niệm đặc điểm của quyền SHTT, các cam kết về quyền SHTT và các điều kiện để thực thi các nghĩa vụ bảo hộ quyền SHTT.

Bên cạnh đó, phương pháp hệ thống hóa cũng được sử dụng tại chương 3 của luận án nhằm kế thừa, tổng hợp các kết quả nghiên cứu đã công bố trước đó.

Phương pháp thu thập tài liệu và nghiên cứu trường hợp:

Phương pháp này được sử dụng chủ yếu trong chương 3 của luận án nhằm phân tích, đánh giá thực trạng thực hiện các cam kết về quyền SHTT theo Hiệp định CPTPP. Đồng thời, phân tích thực trạng nội luật hóa các cam kết về quyền SHTT và thực trạng thực thi các cam kết quyền SHTT ở Việt Nam trong thời gian qua.

Phương pháp diễn giải, quy nạp:

Phương pháp này được sử dụng chủ yếu tại chương 4 của luận án để đưa ra các giải pháp nhằm đưa ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao năng lực thực hiện các cam kết về quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định CPTPP.

## **5. Những điểm mới của luận án**

*Thứ nhất*, trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc những kết quả nghiên cứu về pháp luật quyền sở hữu trí tuệ trước đó, luận án đã làm rõ hơn bản chất các cam kết về quyền sở hữu trí tuệ trong Hiệp định CPTPP – hình mẫu hiệp định

thương mại tự do thế hệ mới. Kết quả của việc phân tích và tổng hợp những công trình đã công bố liên quan đến đề tài nghiên cứu làm sâu sắc thêm cơ sở lý luận và nội dung của quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định CPTPP cũng như chính sách bảo hộ quyền của các quốc gia có mức độ phát triển khác nhau.

*Thứ hai*, luận án đã hệ thống và chỉ ra được từng yêu cầu cụ thể của các cam kết về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong Hiệp định CPTPP đối với các quốc gia thành viên, bao gồm cả Việt Nam.

*Thứ ba*, thông qua việc nghiên cứu về thực trạng quy định pháp luật và thực trạng thực hiện các cam kết của Việt Nam về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định CPTPP, luận án đã đánh giá, nhận diện những tồn tại, bất cập, chỉ ra nguyên nhân hạn chế của việc thực hiện các cam kết.

*Thứ tư*, luận án phân tích, chỉ rõ các yêu cầu và đưa ra các đề xuất giải pháp từ tổng thể đến cụ thể để Việt Nam nhanh chóng hoàn thiện pháp luật và nâng cao năng lực thực thi cam kết về quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định CPTPP.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án**

*Về mặt lý luận*, luận án đưa ra phân tích toàn diện về bản chất các cam kết bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới nhằm nhận diện yêu cầu đặt ra đối với Việt Nam trong quá trình nội luật hoá các cam kết về quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định CPTPP; cung cấp những luận cứ khoa học cho thực thi cam kết của Việt Nam.

*Về mặt thực tiễn*, kết quả nghiên cứu của luận án về thực trạng nội luật hoá và thực thi cam kết của Việt Nam về quyền SHTT trong Hiệp định CPTPP cung cấp cho mục tiêu xây dựng và hoàn thiện pháp luật nhằm thực thi các cam kết và nâng cao năng lực của cơ quan thực thi quyền. Luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các cá nhân, tổ chức, cơ quan làm công tác thực thi quyền SHTT. Bên cạnh đó, luận án có thể dùng làm tài liệu

hữu ích cho việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập pháp luật SHTT trong hệ thống các trường đại học.

## **7. Bộ cục của luận án**

Ngoài mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận án được kết cấu gồm 04 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài và cơ sở lý thuyết nghiên cứu.

Chương 2: Những vấn đề lý luận về quyền sở hữu trí tuệ và nội dung thoả thuận về quyền sở hữu trí tuệ theo các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới

Chương 3: Thực trạng cam kết về quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định Đối tác và Toàn diện xuyên Thái Bình Dương và nghĩa vụ thực hiện cam kết đối với Việt Nam

Chương 4: Phương hướng và giải pháp thực hiện các cam kết về quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định Đối tác và Toàn diện xuyên Thái Bình Dương



# Chương 1

## TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT NGHIÊN CỨU

### 1.1 Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Cơ chế bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở mỗi quốc gia hoặc khu vực phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau như hoàn cảnh, vị trí, và đặc biệt là trình phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia hoặc khu vực đó. Do đó, khi đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu cần xuất phát từ tiền đề pháp luật về bảo hộ quyền SHTT ở quốc gia nào phải được xây dựng phù hợp với hoàn cảnh của quốc gia đó.

#### *1.1.1 Nhóm công trình nghiên cứu những vấn đề lý luận về các cam kết bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo các điều ước quốc tế*

##### *Lý luận chung về quyền sở hữu trí tuệ*

Nhóm công trình nghiên cứu Tiếng Việt: Sách chuyên khảo “*Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam – những vấn đề lý luận thực tiễn*” của Lê Hồng Hạnh (chủ biên) và Đinh Thị Mai Phương, NXB Chính trị Quốc gia, xuất bản năm 2004 [40]; Sách chuyên khảo “*Quyền sở hữu trí tuệ*” của tác giả Lê Nét, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, xuất bản năm 2005 [46]; Cuốn sách “*Cẩm nang sở hữu trí tuệ: Chính sách, pháp luật và áp dụng*” do Cục sở hữu trí tuệ phát hành dưới sự cho phép của Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), NXB Văn hóa – Thông tin, xuất bản năm 2006 [71]; “*Bàn về vấn đề bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trên cơ sở Bộ luật Dân sự và Luật Sở hữu trí tuệ*”, Lê Mai Thanh, Nhà nước và Pháp luật. Viện Nhà nước và Pháp luật, số 3/2005, tr. 33-35,66;...[42]

Nhóm công trình nghiên cứu Tiếng Anh: Sách “*Innovation and the Intellectual Property System*” của Andrew Webster và Kathryn Packer, do

Kluwer Law International xuất bản năm 1996 [83]; Sách “*Intellectual Property Law*” của Lionel Bently and Brad Sherman, 4th Edition, do Oxford University Press xuất bản năm 2014 [93]; Sách “*The Economic Structure of Intellectual Property*” của William M.Landes và Richard A. Posner, do Belknap Press of Harvard University Press xuất bản năm 2003 [101].

Các công trình nghiên cứu nêu trên đã cung cấp khái niệm, phân loại và vai trò của sở hữu trí tuệ, các điều ước quốc tế về sở hữu trí tuệ. Đồng thời, làm rõ các biện pháp thực thi quyền sở hữu trí tuệ cũng như pháp luật liên quan. Cụ thể, các công trình nêu trên đã làm rõ đối tượng bảo hộ đối với quyền tác giả và quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng. Đối với quyền tác giả, tác giả Lê Nét đưa ra định nghĩa pháp lý rằng: “*Quyền tác giả là tổng hợp các quy phạm quy định về bảo vệ quyền nhân thân và quyền tài sản của tác giả, chủ sở hữu quyền tài sản đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học*” [46, tr.50]. Tác giả Lê Nét không đưa ra định nghĩa pháp lý đối với quyền sở hữu công nghiệp nói chung, mà thay vào đó tác giả đưa ra định nghĩa đối với từng đối tượng cụ thể, bao gồm: sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý (bao gồm cả tên gọi xuất xứ hàng hoá), tên thương mại, bí mật kinh doanh và thiết kế bố trí mạch bán dẫn [46, tr. 84;106; 118;146;158]. Bên cạnh đó, khái niệm pháp lý của giống cây trồng là: “*quyền của tổ chức, cá nhân đối với giống cây trồng mới do mình chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển hoặc được hưởng quyền sở hữu*” [46, tr.24].

Các công trình đồng thời bàn về các quy định về thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong Hiệp định TRIPS hay Hiệp định thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ [46, tr.187-188]. Bên cạnh đó, các công trình đã chỉ ra thực trạng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của Việt Nam nhằm nhận diện rõ và chân thực hơn những cơ hội và thách thức đặt ra cho Việt Nam trong quá trình hoàn thiện

pháp luật về sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu này mới chỉ dừng lại ở việc nhận diện các đối tượng cụ thể của quyền sở hữu trí tuệ và những khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai các biện pháp thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

*Nhóm công trình nghiên cứu lý luận về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo các hiệp định thương mại tự do*

Sách chuyên khảo “*Hội nhập quốc tế về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam*”, Kiều Thị Thanh, NXB Chính trị - Hành chính, xuất bản năm 2013 [38] giới thiệu về cơ chế bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Tác giả tập trung nghiên cứu các cơ chế về bảo hộ quyền SHTT và các chế tài áp dụng khi có các hành vi xâm phạm bản quyền như biện pháp hình sự (bao gồm phạt tiền hoặc phạt tù) và bồi thường dân sự. Tác giả đồng thời phân tích các yêu cầu về thực thi quyền SHTT theo Hiệp định TRIPS. Tác giả nhận định các biện pháp thực thi quyền SHTT cần phải đảm bảo nhanh chóng, minh bạch và tránh gây lãng phí.

Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ, “*Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả cơ chế thực thi quyền sở hữu trí tuệ đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế*”, thực hiện năm 2015 [9]. Đây là Đề án nghiên cứu khoa học cấp Bộ với nhiệm vụ thực hiện nghiên cứu tổng thể cơ chế thực thi quyền SHTT trong bối cảnh Việt Nam tăng cường hội nhập quốc tế. Đề án tiếp thu các kinh nghiệm quốc tế trong quá trình thực thi quyền SHTT, đồng thời chỉ ra và phân tích các tiêu chí đánh giá tính hiệu quả của các cơ chế thực thi quyền SHTT. Đề án này được nghiên cứu dựa trên các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Bên cạnh các công trình nghiên cứu lý luận chung về bảo hộ quyền SHTT là các công trình nghiên cứu lý luận về bảo hộ đối với từng loại quyền cụ thể như: quyền tác giả và quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp,

quyền đối với giống cây trồng, và thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Các công trình này tập trung vào từng đối tượng hoặc nhóm đối tượng cụ thể với những phân tích, lập luận chuyên sâu hơn.

Luận văn thạc sĩ: *“Bảo hộ sáng chế dược phẩm ở Việt Nam – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”*, Đặng Thị Vân Anh, Đại học luật Hà Nội, 2013, tác giả đã đưa ra những vấn đề lý luận đối với việc bảo hộ sáng chế dược phẩm tại Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Bên cạnh đó, tác giả tập trung phân tích những khó khăn và thách thức mà Việt Nam phải đối mặt trong quá trình bảo hộ sáng chế dược phẩm, đặc biệt xét về mặt thực tiễn. Kết luận, tác giả đưa ra những giải pháp hỗ trợ, nâng cao việc bảo hộ sáng chế dược phẩm ở Việt Nam.

Đồng quan điểm với luận văn của tác giả Đặng Thị Vân Anh nhưng với những nội dung chuyên sâu hơn, đi vào từng vấn đề cụ thể đó là luận án tiến sĩ: *“Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với sáng chế liên quan đến dược phẩm tại Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế”* của tác giả Lê Thị Bích Thủy, Đại học Luật Hà Nội, 2021. Mở đầu bài viết tác giả đã nhận định và trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với sáng chế liên quan đến dược phẩm. Thông qua nghiên cứu của mình về phần lý luận, tác giả đã tập trung nghiên cứu và đưa ra các đánh giá về thực trạng pháp luật quốc cũng như pháp luật của một số quốc gia về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với sáng chế liên quan đến dược phẩm. Thông qua những nghiên cứu nêu trên, tác giả đã tham chiếu và phân tích thực trạng pháp luật Việt Nam hiện hành về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với sáng chế liên quan đến dược phẩm. Luận án đã nhận diện và đem đến cái nhìn đa chiều về thực tiễn thực hiện tại Việt Nam. Trong phần kết luận, tác giả đã đưa ra một loạt kiến nghị và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao

hiệu quả thực thi pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với sáng chế liên quan đến dược phẩm dành riêng cho Việt Nam.

Sách chuyên khảo có tựa đề: “*Quyền tác giả trong không gian ảo*”, Nguyễn Thị Hồng Nhung, Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2015, tác giả đã trình bày những vấn đề lý luận về quyền tác giả cũng như mạng không gian ảo. Tác giả tập trung phân tích những đặc điểm cơ bản bao gồm: những đặc quyền và ngoại lệ của quyền tác giả trong thời đại số; vấn đề lý luận liên quản lý tập thể quyền tác giả; hợp đồng liên quan đến khai thác quyền tác giả; trách nhiệm của các chủ thể liên quan đến việc khai thác tác phẩm trên Internet; các công cụ, biện pháp, và chế tài nhằm xử các hành vi vi phạm cũng như những khía cạnh của tư pháp quốc tế liên quan đến việc xâm phạm quyền tác giả trên Internet và không gian mạng.

“*Việt Nam với việc đàm phán về quyền sở hữu trí tuệ trong khuôn khổ hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương*” –Lê Thị Thu Hà, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 1 (233) Kỳ 1/2013, tác giả tập trung phân tích những kiến nghị và đề xuất của các quốc gia tham gia Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ như Hoa Kỳ, Chi-lê, New Zealand. Bài viết cho rằng đề xuất của Hoa kỳ hàm chứa những đòi hỏi rất cao, và đôi khi vượt quá khả năng thực thi của một bộ phận các bên tham gia đàm phán, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Trong khi đó, đề xuất của New Zealand và Chi-lê chủ yếu hướng tới mục tiêu nhằm đạt được sự cân bằng giữa quyền lợi của tác giả, người sở hữu quyền và cộng đồng, người sử dụng, vốn là người tiêu dùng cuối cùng đối với các sản phẩm trí tuệ. Điều này sẽ giúp đạt được cân bằng về quyền và lợi ích giữa thành viên là nhóm các quốc gia phát triển và các thành viên khác thuộc nhóm các quốc gia đang phát triển khi cùng tham gia vào Hiệp định TPP.

“*Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ*” của Lê Mai Thanh, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 10/2016, tr.61-69 [45], bài viết giới thiệu về Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và bàn về vấn đề bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của Hiệp định này. Có thể nói, Hiệp định này mang đến rất nhiều lợi thế cho Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế với sự tham gia và dẫn dắt của Hoa Kỳ. Tuy vậy, những cam kết về quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định TPP đem đến rất nhiều lợi thế cho Hoa Kỳ, vốn là một quốc gia xuất khẩu “trí tuệ”. Chính vì vậy, tác giả đã phân tích và nhận diện những vấn đề mà Việt Nam cần phải tháo gỡ nhằm đảm bảo thực thi những cam kết về quyền sở hữu trí tuệ của mình khi tham gia Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương. Bên cạnh đó, thông qua bài viết tác giả đã cung cấp, chia sẻ một số định hướng cụ thể và những giải pháp để Việt Nam hoàn thiện pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

*Nhóm công trình nghiên cứu lý luận về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo các hiệp định thương mại tự do bằng tiếng Anh*

Ruth L. Okediji “*WIPO-WTO relations and the Future of Global Intellectual Property Norms*”, Netherlands Yearbook of International Law, Volume 39 December 2008, page 69-125 [95], tác giả chỉ ra sự cần thiết của việc ra đời Tổ chức sở hữu trí tuệ Thế giới (World Intellectual Property Organization – WIPO). Trước khi WIPO được thành lập, Ủy ban quốc tế thống nhất về Bảo hộ sở hữu trí tuệ (United International Bureaux for the Protection of Intellectual Property - BIRPI) được thành lập năm 1893 để quản lý Công ước Berne về Bảo hộ các tác phẩm Văn học và Nghệ thuật và Công ước Paris về Bảo hộ Sở hữu Công nghiệp. Đồng thời, BIRPI chịu trách nhiệm xử lý các công việc hành chính liên quan đến bảo hộ quốc tế về quyền sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên, BIRPI chỉ có sự tham gia chủ yếu của các nước phát triển, thiếu tư cách pháp lý rõ ràng cũng như việc không được trao quyền từ Liên

Hiệp Quốc (United Nation – UN). Điều này dẫn tới yêu cầu phải có sự tái thiết và kết quả đó là sự ra đời của WIPO. Bài viết tập trung phân tích mối quan hệ giữa WIPO và Tổ chức Thương mại thế giới (World Trade Organization – WTO).

Timothy P. Trainer, “*Intellectual Property Enforcement: A Reality Gap (Insufficient Assistance, Ineffective Implementation)?*”, 8 J. Marshall Rev. Intell. Prop. L. 47 (2008) [96], tác giả cho rằng có sự khác nhau giữa việc thực thi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền Sở hữu trí tuệ (TRIPS) giữa nhóm các quốc gia phát triển và nhóm các quốc gia đang phát triển. Đó là, tiêu chuẩn thực thi quyền sở hữu trí tuệ thấp hơn rất nhiều tại các quốc gia đang phát triển so với những gì mà những nhà soạn thảo Hiệp định TRIPS hình dung. Điều đó dẫn đến rất nhiều xung đột liên quan đến việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ giữa nhóm các quốc gia phát triển và nhóm các quốc gia đang phát triển. Tại phần kết luận, bài viết nhận định rằng một hệ thống bảo hộ quyền SHTT đầy đủ sẽ giúp ổn định việc phát triển kinh tế của mỗi quốc gia.

Bryan Christopher Mercurio, “*TRIPS-Plus Provisions in Ftas: Recent Trends*”, Regional Trade Agreement and the WTO Legal System, Lorand Bartels, Federico Ortino, eds., pp.215-237, Oxford University Press, 2006 [85], bài viết tập trung phân tích những tiêu chuẩn của Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền Sở hữu trí tuệ (TRIPS). Các nước đang phát triển cho rằng Hiệp định TRIPS chỉ thiên về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ mang tính có lợi cho các nước phát triển – vốn là những quốc gia có sự phát triển mạnh mẽ về sở hữu trí tuệ, chưa có những quy định về các vấn đề như bảo hộ tri thức truyền thống. Hơn nữa, tại vòng đàm phán Uruguay, các nước phát triển đã đưa ra hàng loạt yêu cầu về thực thi những quy định của TRIPS đối với các nước đang phát triển nhưng không thành công do vượt quá

khả năng của các nước đang phát triển. Điều này dẫn tới việc đàm phán về vấn đề quyền SHTT đi vào bế tắc trong thể chế mậu dịch đa phương.

Bryan Christopher Mercurio, “*Beyond the Text: The Significance of the Anti-Counterfeiting Trade Agreement*”, *Journal of International Economic Law* Vol.15 (2012) 29 [86], đánh giá về Hiệp định thương mại Chống hàng giả (ACTA), tác giả cho rằng Hiệp định này thiên về hợp tác quốc tế về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ hơn là đưa ra một khuôn khổ mới về quyền sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là Hiệp định ACTA không có giá trị hoặc không đem đến những giải pháp, đặc biệt là đối với nhóm các quốc gia phát triển. Theo đó, tác giả đã phân tích và nhận định rằng tầm quan trọng thực sự của Hiệp định ACTA không nằm ở nghĩa vụ văn bản của chính Hiệp định này mà còn có tác dụng như là một điểm khởi đầu trong các cuộc đàm phán thương mại đa phương và song phương.

Kanaga Raja, “*Concerns raised over ACTA at TRIPS Council*”, *TWN Info Service on WTO and Trade Issues*, 2010 [90], bài viết phân tích những vấn đề liên quan đến Hiệp định thương mại chống hàng giả (Anti-Counterfeiting Trade Agreement – ACTA). Sự ra đời của Hiệp định ACTA là nỗ lực của các nước phát triển nhằm làm chậm quá trình suy thoái kinh tế thông qua việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Bên cạnh đó, lợi ích của các nước phát triển phần nào bị bó hẹp trong khuôn khổ pháp lý đa phương hiện hành. Hiệp định ACTA được ra đời đã phần nào giải quyết được thách thức trên thông qua việc áp dụng phương thức một số nước đàm phán thỏa thuận và cùng ký kết hiệp định, sau đó hiệp định này sẽ được phép mở rộng ra cho các thành viên khác nếu như trường hợp họ muốn tham gia cùng.

Nhóm công trình nghiên cứu lý luận về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo các điều ước quốc tế của các tác giả nước ngoài hầu hết chia sẻ chung các quan điểm của các công trình nghiên cứu trong nước. Bên cạnh đó, nhóm



công trình này đem đến những góc nhìn đa chiều hơn khi phân tích về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của các quốc gia, khu vực khác trên thế giới.

### ***1.1.2 Tình hình nghiên cứu về thực trạng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương***

Nhóm các công trình nghiên cứu về thực trạng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định CPTPP nhận được nhiều sự quan tâm của các nhà nghiên cứu. Hầu hết các nghiên cứu đã chỉ ra được những nội dung cơ bản của thực trạng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ các hiệp định thương mại tự do về quyền SHTT. Bên cạnh đó, các công trình đã nhận diện và phân tích những điểm chưa tương thích, còn bất cập trong quy định của pháp luật SHTT như: nội dung, hành vi xâm phạm, biện pháp thực thi,... quyền sở hữu trí tuệ. Đây là nguồn tài liệu tham khảo chất lượng cho tác giả trong quá trình nghiên cứu và hoàn thiện các đề xuất, giải pháp nhằm đáp ứng các yêu cầu của Hiệp định CPTPP nói chung, và đối với Việt Nam nói riêng.

Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ, “*Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả cơ chế thực thi quyền sở hữu trí tuệ đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế*”, thực hiện năm 2015 [9]. Đây là Đề án nghiên cứu khoa học cấp Bộ nhằm nghiên cứu tổng thể về cơ chế thực thi quyền SHTT. Bên cạnh việc đánh giá tính hiệu quả của cơ chế thực thi quyền SHTT ở Việt Nam hiện nay, Đề án đã phân tích các biện pháp nhằm phát hiện và xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHTT như biện pháp kiểm soát hàng hóa tại biên giới hay biện pháp hành chính.

“*Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ - Hiệp định TRIPS, TRIPS Cộng và ACTA*” của tác giả Nguyễn Thị Hải Vân, Khoa học pháp lý, trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, số 1/2012, tr 39-42,53, thông qua bài viết tác giả đã chỉ ra những nguyên tắc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến Thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS) cũng

như sự cần thiết phải có một hệ thống sở hữu trí tuệ. Tác giả cũng đưa ra những lập luận về thách thức mà Việt Nam phải đối mặt khi thực thi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ nhằm thực hiện cam kết khi tham gia Hiệp định TRIPS và các Hiệp định TRIPS cộng. Bài viết đồng thời có những nhận định về xu hướng phát triển của bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ khi nhắc đến Hiệp ước Thương mại chống hàng giả (Anti-Counterfeiting Trade Agreement – ACTA).

Luận văn thạc sĩ: “*Bảo hộ sáng chế liên quan đến dược phẩm theo quy định của Hiệp định TRIPS và pháp luật Việt Nam*”, của tác giả Lê Thị Bích Thủy, năm 2012, Đại học luật Hà Nội, tác giả tập trung phân tích thực trạng bảo hộ sáng chế hiện nay liên quan đến dược phẩm theo quy định của Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến Thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS) cũng như quy định của pháp luật Việt Nam. Thêm vào đó, tác giả cũng chỉ ra những hạn chế trong quy định của pháp luật Việt Nam về việc bảo hộ sáng chế và sở hữu công nghiệp liên quan đến dược phẩm. Tại phần kết luận của luận án, tác giả đưa ra những phương hướng giải quyết nhằm nâng cao việc bảo hộ sáng chế liên quan đến dược phẩm theo quy định Hiệp định TRIPS thông qua các quy định pháp luật của Việt Nam.

“*Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong bối cảnh toàn cầu hóa và những tác động đến các chuẩn mực bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới*”, Nguyễn Thị Quế Anh, Hội thảo khoa học về Hoàn thiện dự thảo luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Sở hữu trí tuệ, Khoa Luật – ĐHQGHN, ngày 12 tháng 05 năm 2022 [61], tác giả nhận định rằng các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTAs) đã và đang ngày càng phổ biến không chỉ tác động trực tiếp tới lưu thông thương mại của Việt Nam mà còn ảnh hưởng đến các khía cạnh khác nhau của đời sống kinh tế. Đặc biệt, những yêu cầu đặt ra trong các cam kết của các hiệp định này chủ yếu hướng đến việc nâng cao khả năng bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ vốn nhận được sự quan tâm không chỉ với

giới nghiên cứu mà cả các cấp chính quyền. Chính vì vậy, tác giả đã tập trung phân tích những thay đổi, tác động của bối cảnh khu vực hóa tới hoạt động tạo dựng, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Thông qua đó, tác giả đã chỉ ra những tác động tới việc xây dựng các chuẩn mực bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

### ***1.1.3 Tình hình nghiên cứu về phương hướng và giải pháp thực hiện các cam kết về quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương***

*Các công trình nghiên cứu phương hướng và giải pháp bằng tiếng Anh*

“*Vietnam: CPTPP brings significant and effective change to Vietnam’s IP landscape*”, Managing Intellectual Property, Euromoney Institutional Investor PLC, Trade Journals (2019), bài viết nhận định rằng Việt Nam là một trong những quốc gia được hưởng lợi rất nhiều từ Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và cần tận dụng mọi cơ hội để phát triển các mục tiêu về kinh tế. Tuy nhiên, ở chiều ngược lại thì Hiệp định CPTPP cũng đặt ra rất nhiều thách thức rất lớn đối với Việt Nam khi những yêu cầu về thực thi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ sẽ được nâng cao với các yêu cầu sâu hơn và khắt khe hơn. Chính vì vậy, Việt Nam cần nhanh chóng rà soát lại pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ để nhằm tránh vi phạm đồng thời đảm bảo thực hiện đúng các cam kết trong Hiệp định CPTPP.

“*From TPP to CPTPP: why intellectual property matters*”, Ilanah Fhima, Journal of Intellectual Property Law Practice, 2018, Vol.14, No.2, tác giả cho rằng mặc dù những điều khoản liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ của Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) đã được tạm hoãn để các quốc gia thành viên, đặc biệt là nhóm các quốc gia đang phát triển có thêm thời gian để chuẩn bị tuy nhiên vẫn còn đó những khó khăn và thách thức không nhỏ đối với các quốc gia này. Những tiêu chuẩn và yêu cầu về quyền

sở hữu trí tuệ theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) trong và nhiều trường hợp cao hơn rất nhiều so với TRIPS và cần sự quyết tâm cao độ để tuân thủ các quy định này của các thành viên Hiệp định CPTPP. Bài viết đã đưa ra ba trường hợp cụ thể liên quan đến vi phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thực tế nhằm khắc họa một cách rõ nét hơn những thách thức mà nhóm các quốc gia đang phát triển sẽ đối mặt.

*Các công trình nghiên cứu phương hướng và giải pháp bằng tiếng Việt*

“*Mô hình pháp luật sở hữu trí tuệ các nước và gợi mở đối với Việt Nam*” của Lê Mai Thanh, Nhà nước và Pháp luật. Viện Nhà nước và Pháp luật, Số 3/2014, tr. 25 -30, tại bài viết này tác giả đã tập trung phân tích các mô hình pháp luật sở hữu trí tuệ phổ biến thế giới theo mối quan hệ pháp luật chuyên ngành – pháp luật dân sự, đồng thời nhận định khái quát hiệu quả điều chỉnh pháp luật của các mô hình đó. Thông qua bài viết, tác giả đã nhận diện và đưa ra những phương hướng và những gợi mở cũng như giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam về sở hữu trí tuệ.

Hoàng Thị Hạnh công bố bài viết về “*Chuyển hướng trong bảo hộ quốc tế đối với quyền sở hữu trí tuệ*”, năm 2015, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Luật học, Tập 31, Số 1, tr. 50-61 giới thiệu về quá trình và xu hướng phát triển của thể chế bảo hộ quốc tế đối với quyền sở hữu trí tuệ, thể chế được thiết lập ban đầu là thể chế đa phương trong khuôn khổ Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) và Tổ chức Thương mại thế giới. Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến Thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS) đã từng được đánh giá là xây dựng một tiêu chuẩn chung về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, đặt ra những yêu cầu, cách thức tiếp cận mới trong bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Tại phần kết luận tác giả cho rằng Hiệp định thương mại chống hàng giả (Anti-Counterfeiting Trade Agreement – ACTA) còn gây nhiều tranh cãi do ACTA thiếu sự tham gia của các quốc gia đang phát triển cũng như việc

không xét đến lợi ích của các nước này do đi ngược lại trật tự cân bằng lợi ích đã được thiết lập trước đó trong WIPO và TRIPS. Vì thế việc xây dựng một thể chế bảo hộ quốc tế quyền SHTT thời kỳ hậu TRIPS là cần thiết và được các quốc gia quan tâm.

“*Rà soát pháp luật Việt Nam với các cam kết của Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) về sở hữu trí tuệ*”, Nguyễn Thị Thu Trang, NXB Công Thương, Hà Nội, 2017, tác giả nghiên cứu và phân tích các cam kết của Việt Nam liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). Bên cạnh đó, tác giả đã chỉ ra những điểm mà quy định pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ của Việt Nam chưa tương thích hoặc phù hợp với những cam kết về quyền sở hữu trí tuệ trong Hiệp định TPP. Đồng thời, tác giả đã đưa ra những đánh giá, tác động của cam kết quyền SHTT trong Hiệp định TPP đối với các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Thông qua những phân tích và nghiên cứu của mình, tác giả đã chỉ ra những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến doanh nghiệp của Việt Nam có thể phải đối mặt trong quá trình thực thi các cam kết về quyền SHTT theo . Kết thúc bài viết, tác giả đã đưa ra những kiến nghị giúp Việt Nam thực hiện những cam kết về quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định TPP cũng như giải pháp dành cho doanh nghiệp để đảm bảo tuân thủ các cam kết.

Nguyễn Bích Thảo với bài báo trên Viện nghiên cứu Lập pháp -Ủy ban thường vụ Quốc hội, “*Hoàn thiện pháp luật sở hữu trí tuệ trong bối cảnh Việt Nam đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế và tham gia các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới*”, năm 2017, cho rằng về tổng thể thì hệ thống pháp luật về sở hữu trí tuệ của Việt Nam được xây dựng và hoàn thiện nhanh chóng và có sự tương thích nhất định với chuẩn mực quốc tế, đặc biệt đó là Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến Thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS). Tuy nhiên, các tiêu chuẩn của Hiệp định TRIPS chỉ mang tính chất khung và

đưa ra định hướng cơ bản để tự mỗi quốc gia thành viên xây dựng quyền sở hữu trí tuệ cho riêng mình. Trên thực tế, pháp luật về quyền SHTT của Việt Nam còn giữ một khoảng cách khá xa so với nhóm các quốc gia phát triển như Mỹ, Liên minh châu Âu hay thậm chí là người láng giềng Trung Quốc. Hướng đề xuất phương hướng nhằm hoàn thiện pháp luật về sở hữu trí tuệ của tác giả bao gồm: mở rộng phạm vi đối tượng được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; chế tài xử lý vi phạm quyền sở hữu trí tuệ cần mạnh mẽ hơn; nâng cấp các quy định về bảo hộ quyền SHTT trong môi trường internet; và phát triển hệ thống án lệ về quyền SHTT.

Nguyễn Thị Quế Anh và Nguyễn Bích Thảo thông qua bài viết “*Tác động của các quy định về sở hữu trí tuệ trong hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương đối với việc hoàn thiện pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam*”, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Luật học, Tập 35, Số 3, tr. 9-19, năm 2019 [60], các tác giả đã tập trung phân tích về các điều khoản sở hữu trí tuệ trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), dẫn chiếu và so sánh với pháp luật Việt Nam hiện hành và với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ vừa được Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2019 để chỉ ra những điểm tương thích và những điểm cần tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện. Bên cạnh việc phân tích các quy định của Chương Sở hữu trí tuệ trong Hiệp định CPTPP, đồng tác giả đã chỉ ra những nghĩa vụ mới mà Việt Nam phải tuân thủ nhằm đảm bảo việc thực thi các điều khoản trong Hiệp định này.

“*Quy định về sở hữu trí tuệ trong CPTPP và những tác động đến chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo*”, Phan Quốc Nguyên, Tạp chí Khoa học Công nghệ Việt Nam, 2020, tác giả nhận định rằng các cam kết về quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đem đến rất nhiều cơ hội phát triển, tuy nhiên

điều này đồng thời cũng đem đến một số vấn đề hoặc thách thức trong việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ ở các quốc gia, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Theo tác giả, để tận dụng được các cam kết về quyền sở hữu trí tuệ trong Hiệp định CPTPP nhằm phục vụ hiệu quả cho hai hoạt động đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ cho Việt Nam, thì cần phải nhận diện và hiểu đúng để có thể hoàn thiện tốt nhất pháp luật về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ.

*“Một số sửa đổi cần thiết nhằm bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu đáp ứng yêu cầu của Hiệp định CPTPP”*, Nguyễn Thị Nguyệt – Khoa Kinh tế - Luật, Đại học Thương mại, trong bối cảnh pháp luật về bảo hộ nhãn hiệu ở Việt Nam trong quá trình sửa đổi để phù hợp với các cam kết trong Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), tác giả nghiên cứu các thỏa thuận trong CPTPP về bảo hộ nhãn hiệu, đối chiếu với quy định của pháp luật Việt Nam để thấy được mức độ tương thích của pháp luật sở hữu trí tuệ của Việt Nam. Tác giả đã tập trung phân tích hai nội dung chính đó là: (i) phân tích và bình luận các quy định pháp luật sở hữu trí tuệ đã được sửa đổi năm 2019 và (ii) các quy định cần tiếp tục sửa đổi nhằm phù hợp với các cam kết của Việt Nam theo Hiệp định CPTPP.

*“Hoàn thiện các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ nhằm thực thi cam kết của Việt Nam trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới”*, Nguyễn Bích Thảo, Hội thảo khoa học về Hoàn thiện dự thảo luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Sở hữu trí tuệ, Khoa Luật – ĐHQGHN, ngày 12 tháng 05 năm 2022, tác giả phân tích quá trình hình thành và phát triển các chuẩn mực quốc tế về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Đặc biệt, tác giả tập trung nghiên cứu các điểm mới trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới về thực thi quyền sở hữu trí tuệ so với Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến

thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS). Từ những phân tích nêu trên, tác giả đã tham chiếu các chuẩn mực này với các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về quyền sở hữu trí tuệ. Đồng thời thông qua phân nghiên cứu của mình, tác giả đã đưa ra những gợi ý nhằm hoàn thiện các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam.

*“Hoàn thiện quy định của Luật Sở hữu trí tuệ liên quan đến nhãn hiệu hình ba chiều và nhãn hiệu âm thanh”*, Vũ Thị Hải Yến, Hội thảo khoa học về Hoàn thiện dự thảo luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Sở hữu trí tuệ, Khoa Luật – ĐHQGHN, ngày 12 tháng 05 năm 2022, tác giả nhận định rằng nhãn hiệu là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hóa hoặc dịch vụ của một doanh nghiệp này với hàng hóa hoặc dịch vụ của doanh nghiệp khác. Các nhãn hiệu truyền thống thường được nhắc đến như biểu tượng hay từ ngữ, phạm vi dấu hiệu được bảo hộ là nhãn hiệu ngày càng được mở rộng bởi sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật đồng thời do nhu cầu của con người ngày càng đa dạng. Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS) đã đưa ra định nghĩa về nhãn hiệu, điều này đã tạo ra nền tảng và mở đường cho việc bảo hộ các nhãn hiệu mới, trong đó bao gồm dấu hiệu là hình dạng ba chiều hay nhãn hiệu âm thanh ở nhiều quốc gia trên thế giới. Đồng thời, tác giả đã đưa ra một bảng tổng hợp các kiến nghị sửa đổi, bổ sung về các quy định pháp luật của Việt Nam có liên quan đến bảo hộ nhãn hiệu hình ba chiều và nhãn hiệu âm thanh nhằm phù hợp với thực tiễn bảo hộ của thế giới.

*“Kinh nghiệm hoàn thiện pháp luật sở hữu trí tuệ hướng tới thực thi cam kết trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới của liên minh Châu Âu”*, Đỗ Giang Nam, Hội thảo khoa học về Hoàn thiện dự thảo luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Sở hữu trí tuệ, Khoa Luật – ĐHQGHN, ngày 12



tháng 05 năm 2022, tác giả nhận định rằng chính sách thương mại quốc tế của Liên minh Châu Âu (EU) trong những năm gần đây đang chuyển hướng và tập trung vào việc đàm phán, thiết lập một chuẩn mực bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở mức độ sâu hơn và rộng hơn thông qua các hiệp định thương mại tự do (FTA) hay các hiệp định đối tác kinh tế (EPA), nổi bật là Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu-Việt Nam (EVFTA). Theo tác giả, các tiêu chuẩn bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định EVFTA trong nhiều trường hợp cao hơn vượt quá cả chuẩn mực của Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS). Đây sẽ là thách thức đối với các quốc gia phát triển như Việt Nam trong việc nỗ lực hoàn thiện, nâng cấp hệ thống pháp luật lẫn hệ thống thực thi các cam kết về sở hữu trí tuệ trong các hiệp định thương mại tự do với Liên minh Châu Âu. Vì vậy, tác giả đã lựa chọn phân tích và nghiên cứu chính sách pháp lý của Liên minh Châu Âu, đồng thời nhận diện rõ một số kinh nghiệm thực thi quy định về sở hữu trí tuệ trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới giữa EU và các đối tác là quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam.

*“Hoàn thiện pháp luật Việt Nam nhằm bảo đảm sự cân bằng, hài hoà lợi ích trong bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ”*, Lê Thị Bích Thủy, Hội thảo khoa học về Hoàn thiện dự thảo luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Sở hữu trí tuệ, Khoa Luật – ĐHQGHN, ngày 12 tháng 05 năm 2022, bài viết của tác giả đặt vấn đề rằng pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trao cho các chủ sở hữu được độc quyền sử dụng đối tượng mà mình sáng tạo ra hoặc là chủ sở hữu trong một thời gian nhất định. Tuy nhiên, việc trao cho tác giả hoặc chủ sở hữu quyền này cần phải được xem xét và điều chỉnh để phù hợp với lợi ích của cộng đồng, của xã hội. Đây cũng chính là một trong những nguyên tắc cơ bản của pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ, khi các quốc gia

luôn phải cân bằng lợi ích của tác giả hoặc chủ sở hữu và lợi ích của xã hội. Đặc biệt, đối với một quốc gia đang phát triển như Việt Nam việc đảm bảo nguyên tắc này ngày càng gặp phải nhiều đòi hỏi, thách thức trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Vì vậy, thông qua bài viết của mình, tác giả đã đưa ra những đánh giá nhằm nhận diện những yêu cầu, đòi hỏi nhằm đáp ứng các yêu cầu hiện tại, đồng thời tác giả cũng đưa ra một số đề xuất hoàn thiện pháp luật về vấn đề này.

## **1.2 Đánh giá tình hình nghiên cứu và các vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu làm rõ**

### ***1.2.1 Những nội dung nghiên cứu đã sáng tỏ và được luận án kế thừa***

Liên quan đến lĩnh vực mà đề tài của luận án nêu trên, các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã cung cấp một lượng kiến thức quan trọng về quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định CPTPP, đưa ra một số gợi mở nhằm hoàn thiện pháp luật về quyền SHTT cũng như bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Theo phân tích tổng hợp tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài của luận án đã được giải quyết và được nghiên cứu sinh kế thừa, phát triển trong quá trình nghiên cứu, cụ thể:

Thứ nhất, những vấn đề lý luận về quyền sở hữu trí tuệ. Tính đến thời điểm hiện tại, đã có rất nhiều công trình nghiên cứu những vấn đề lý luận về quyền SHTT như khái niệm, đặc điểm, cơ chế bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, vai trò của thực thi quyền SHTT... Đây là nguồn tài liệu tham khảo quý báu để NCS có thể kế thừa có chọn lọc. Tuy nhiên, các công trình được thống kê ở trên vẫn chưa nghiên cứu một cách đầy đủ và hệ thống hóa về cơ sở lý luận và thực tiễn của bảo hộ quyền SHTT.

Thứ hai, những vấn đề lý luận về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo các hiệp định thương mại tự do. Khái niệm về bảo vệ, bảo hộ, thực thi quyền SHTT đã được nghiên cứu trong nhiều công trình khoa học nhưng đến nay

vẫn còn nhiều cách tiếp cận khác nhau dẫn đến cách hiểu không đồng nhất, vì vậy cần tiếp tục phân tích và làm rõ. Nhìn chung, các công trình đã nghiên cứu toàn diện về cơ chế và các biện pháp bảo hộ quyền SHTT nhưng vẫn còn đề ngỏ nghiên cứu về việc thực hiện các cam kết về quyền SHTT theo các hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới – vốn đặt ra các yêu cầu sâu và rộng hơn.

Thứ ba, nghiên cứu về thực trạng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định CPTPP. Các công trình nghiên cứu về vấn đề này đã chỉ ra một số bất cập trong việc bảo hộ quyền SHTT theo Hiệp định CPTPP như đối tượng, nội dung và giới hạn quyền,... Tuy nhiên, các nghiên cứu này chỉ tập trung vào một số quy định đơn lẻ, chưa phân tích được toàn diện và có hệ thống các quy định về bảo hộ quyền SHTT theo Hiệp định CPTPP. Kết quả từ các công trình nghiên cứu trước đó là gợi ý cho NCS nhằm hoàn thiện Luận án với các kết quả nghiên cứu chi tiết và toàn diện hơn.

Thứ tư, nghiên cứu về phương hướng và giải pháp thực hiện các cam kết về quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định CPTPP. Các công trình nghiên cứu đã gợi mở một số phương hướng và đề xuất giải pháp thực hiện các cam kết về quyền SHTT theo Hiệp định CPTPP. Chính vì vậy, kết quả từ các công trình này là nguồn tài liệu hữu ích cho NCS có thể tham khảo trong quá trình hoàn thiện Luận án.

- *Về thực trạng:*

+ Thực trạng về đối tượng và nội dung quyền sở hữu trí tuệ theo luật sở hữu trí tuệ 2019 và 2022 phần nào đã tương thích với những quy định về quyền sở hữu trí tuệ trong hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương. Mặc dù vậy, đối tượng quyền sở hữu trí tuệ trong Hiệp định CPTPP mở rộng ra đối với: nhãn hiệu âm thanh, nhãn hiệu hình ba chiều, Tên quốc gia, các biện pháp liên quan tới nông hóa phẩm và dược phẩm...

Bên cạnh đó, Hiệp định CPTPP cũng đưa ra những yêu cầu cao hơn liên quan đến thực thi quyền sở hữu trí tuệ như: các biện pháp thực thi dân sự, biện pháp hành chính, biện pháp kiểm soát biên giới, và biện pháp hình sự. Vì vậy, những thay đổi của pháp luật Việt Nam, đặc biệt là luật sở hữu trí tuệ 2019 và 2022 vẫn chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu đặt ra về quyền sở hữu trí tuệ trong Hiệp định CPTPP.

- *Về giải pháp:*

+ Cần hoàn thiện pháp luật Việt Nam về quyền sở hữu trí tuệ thông qua việc nội luật hóa các cam kết về quyền sở hữu trí tuệ trong các hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là Hiệp định CPTPP. Bên cạnh đó, cần có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan có thẩm quyền khi thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

Kết quả từ các công trình nghiên cứu là nguồn tư liệu quý, là tài liệu tham khảo bổ ích, quan trọng để nghiên cứu sinh thực hiện đề tài luận án.

### ***1.2.2 Những vấn đề liên quan đến luận án cần tiếp tục nghiên cứu***

Thông qua tổng quan của các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài của luận án, nghiên cứu sinh nhận thấy rằng các công trình nghiên cứu mới chỉ tập trung vào phân tích một quy định nào đó về lý luận quyền SHTT mà chưa thực sự tập trung làm rõ những vấn đề lý luận về bảo hộ quyền SHTT theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Nghiên cứu sinh nhận thấy có một khoảng cách nhất định cho một nghiên cứu chuyên sâu về thực hiện các cam kết về quyền SHTT trong Hiệp định CPTPP.

Mặc dù một số công trình nghiên cứu trong nước đã đưa ra những đề xuất giải pháp nhằm thực hiện các cam kết về quyền SHTT theo Hiệp định CPTPP. Tuy nhiên, những nghiên cứu chuyên sâu về quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định CPTPP cũng như đề xuất hoàn thiện pháp luật của các quốc gia thành viên về quyền SHTT vẫn còn rất ít, nghiên cứu sinh nhận thấy cần

có thêm những đề xuất giải pháp mang tính cụ thể hơn, thiết thực hơn, cụ thể ở đây là đối với trường hợp của Việt Nam.

### **1.3 Cơ sở lý thuyết, câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu**

#### **1.3.1 Cơ sở lý thuyết**

Luận án được viết trên cơ sở thu thập các tài liệu có liên quan có sự kế thừa, tiếp thu có chọn lọc các học thuyết, quan điểm của các nhà nghiên cứu, các chuyên gia trong lĩnh vực SHTT. Cụ thể, các triết lý được sử dụng làm cơ sở nghiên cứu của đề tài luận án bao gồm:

##### **a. Triết lý về quyền sở hữu tự nhiên**

Triết lý về quyền sở hữu tự nhiên xuất phát từ các quan điểm rằng khi một người làm việc dựa trên các nguồn tài nguyên chưa được biết đến hoặc “*được coi là chung*” có quyền sở hữu tự nhiên đối với những nỗ lực của họ - và rằng nhà nước có nghĩa vụ tôn trọng và thực thi quyền tự nhiên đó. Những ý tưởng này, bắt nguồn từ quan điểm của John Locke [89], được nhiều người đồng ý rằng có thể áp dụng đặc biệt cho lĩnh vực sở hữu trí tuệ, nơi mà các nguyên liệu thô thích hợp (sự kiện và khái niệm) dường như được “*được coi là chung*” và lao động dường như đóng góp rất quan trọng vào giá trị của sản phẩm cuối cùng.

##### **b. Triết lý về quyền sở hữu tư nhân**

Kant và Hegel [88] là hai tác giả của triết lý về quyền sở hữu tư nhân. Triết lý này xuất phát từ quan điểm rằng quyền sở hữu tư nhân rất quan trọng đối với sự thỏa mãn một số nhu cầu cơ bản của con người. Vì vậy, các nhà lập pháp nên cố gắng tạo ra và phân bổ các quyền lợi cho các tài nguyên theo cách tốt nhất cho phép mọi người thực hiện các nhu cầu đó. Từ quan điểm này, quyền sở hữu trí tuệ có thể được hiểu theo hai khía cạnh rằng quyền sở hữu trí tuệ bảo vệ các tác giả hoặc nghệ sĩ khỏi việc các tác phẩm của họ bị chiếm đoạt hay sửa đổi, hoặc trên nền tảng mà quyền sở hữu trí tuệ tạo ra các

điều kiện kinh tế và xã hội thuận lợi cho hoạt động trí tuệ sáng tạo, điều này rất quan trọng đối với sự hưng thịnh của con người.

*c. Triết lý về quyền tài sản nói chung*

Lý thuyết này bắt nguồn từ đề xuất rằng quyền tài sản nói chung - và quyền sở hữu trí tuệ nói riêng - có thể và nên được định hình để giúp thúc đẩy thành tựu của một nền văn hóa công bằng và hấp dẫn. Các lý thuyết gia ủng hộ phương pháp tiếp cận thứ tư này có thể kể đến Thomas Jefferson [97], Karl Marx [92], William Fisher [102], hay Neil Netanel [94]. Tác giả Neil Netanel cho rằng tất cả mọi người sẽ được hưởng cả sự độc lập về tài chính và có trách nhiệm trong việc định hình môi trường xã hội cũng như kinh tế nơi họ sống. Xã hội dân sự thuộc loại này rất quan trọng đối với sự tồn tại của các thể chế chính trị dân chủ. Tuy nhiên, nó sẽ không xuất hiện một cách tự phát mà nó phải được điều chỉnh bởi chính phủ và luật bản quyền có thể thúc đẩy sự phát triển đó.

*d. Triết lý về pháp luật tự nhiên:*

Triết lý về pháp luật tự nhiên chỉ ra rằng việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ là việc thừa nhận các quyền vốn có của con người trong việc chiếm hữu tài sản [42, tr.56]. Theo đó, các chủ thể sáng tạo đương nhiên có các quyền đối với tài sản trí tuệ mà họ tạo ra và xã hội phải thừa nhận và bảo vệ các quyền này. Quan điểm này dựa trên lý thuyết của Hegel về tài sản trí tuệ khi tập trung vào sự tự do chiếm hữu tài sản trí tuệ. Cách tiếp cận này cũng được thể hiện thông qua Công ước quốc tế của Liên hợp quốc về Các quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa năm 1966.

*e. Triết lý về khuyến khích sáng tạo:*

Triết lý về khuyến khích sáng tạo bắt nguồn từ quan điểm cho rằng chủ thể quyền hoặc chủ thể sáng tạo đã đầu tư công sức, thời gian, tài chính cũng như các chi phí khác nhằm tạo ra đối tượng sở hữu trí tuệ; vì vậy, các chủ thể này cần được trao một số độc quyền trong một khoảng thời gian nhất định nhằm động viên và khuyến khích họ tiếp tục sáng tạo.

f. Triết lý về bù đắp chi phí cho chủ thể sáng tạo

Triết lý về bù đắp chi phí cho chủ thể sáng tạo lập luận rằng chủ thể sáng tạo hoặc các chủ thể quyền đã đóng góp cho xã hội thông qua những sáng tạo của họ như các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học kỹ thuật và các đối tượng sở hữu công nghiệp. Chính vì vậy, theo quan điểm của lập luận này, xã hội phải bù đắp cho những chi phí và nỗ lực sáng tạo mà họ đã bỏ ra. Hình thức phù hợp nhất đó là trao cho chủ thể sáng tạo một số độc quyền trong một khoảng thời gian nhất định [42; tr.8]. Lập luận này có quan điểm tương đồng với lập luận khuyến khích sáng tạo nhằm bù đắp chi phí cho chủ thể sáng tạo. Cơ sở của lập luận này chủ yếu dựa trên thuyết lao động và cùng hưởng thụ tài sản trí tuệ của Lock [101]. Điểm mấu chốt của lập luận khuyến khích sáng tạo là phải thừa nhận và bảo vệ những độc quyền của chủ thể sáng tạo để khuyến khích họ. Trong khi đó, đối với lập luận bù đắp chi phí cho chủ thể sáng tạo là trao cho chủ thể sáng tạo sự bù đắp cho thời gian, nỗ lực và tài chính mà chủ thể sáng tạo đã bỏ ra.

g. Triết lý về công bố thông tin sáng tạo

Triết lý về công bố thông tin sáng tạo là khi chủ thể sáng tạo hoặc chủ sở hữu chấp nhận công bố thông tin về tài sản trí tuệ, xã hội được hưởng lợi từ việc công bố như sử dụng các đối tượng sở hữu trí tuệ. Chính vì vậy, xã hội phải thừa nhận và bảo vệ quyền cho chủ thể sáng tạo hoặc chủ sở hữu. Lập luận của triết lý này được hiểu như một sự trao đổi.

Bên cạnh những triết lý được nêu trên thì hai học thuyết về nguyên tắc bảo đảm cạnh tranh lành mạnh và học thuyết cân bằng lợi ích cũng được các học giả và các nhà lập pháp Châu Âu thường xuyên vận dụng.

Nguyên tắc đảm bảo cạnh tranh lành mạnh:

Nguyên tắc đảm bảo cạnh tranh lành mạnh lập luận dựa theo hai quan điểm. Thứ nhất, quyền sở hữu trí tuệ cho phép chủ sở hữu đối tượng sở hữu trí tuệ những độc quyền nhất định. Tuy nhiên, quan điểm thứ hai lại đối lập với quan điểm thứ nhất. Theo đó, những độc quyền mà chủ sở hữu được

hưởng không được ngăn cản hoặc gây ra các cản trở với mục tiêu gây thiệt hại cho hoạt động cạnh tranh không lành mạnh trên thị trường theo cách không phù hợp. Pháp luật sở hữu trí tuệ đưa ra những quy định nhằm hạn chế đối với những hành vi nhằm lạm dụng quyền sở hữu trí tuệ trong những trường hợp cụ thể.

#### Học thuyết cân bằng lợi ích:

Học thuyết của hai nhà triết học Hegel và Jonh Locke đã có tầm ảnh hưởng và tác động rất lớn đến việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, trong đó phải kể đến những quan điểm về cân bằng lợi ích. Học thuyết của Jonh Locke đã định nghĩa rõ những khái niệm về quyền của mỗi công dân được sống, được tự do, và các quyền tự nhiên của con người. Quan điểm về tự do của ông nhấn mạnh rằng: “*Đây là một trạng thái tự do, nhưng nó không phải là trạng thái lộn xộn*” [89]. Chính vì vậy, sự tự do cũng cần phải đặt ra những giới hạn cụ thể đi kèm với các điều kiện nhất định. Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ chỉ có giá trị khi và chỉ khi nó không gây ảnh hưởng xấu đến công cộng. Bên cạnh đó, ông cho rằng một phần của nguồn tài nguyên chung cần được sử dụng tự do và phát triển xã hội.

#### **1.3.2 Câu hỏi nghiên cứu**

Các câu hỏi nghiên cứu cơ bản đặt ra là:

##### (1) *Về mặt lý luận:*

Vậy cơ sở lý luận quyền sở hữu trí tuệ và yêu cầu điều chỉnh chính sách bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ thông qua các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới là gì?

##### (2) *Về thực trạng các cam kết và thực hiện cam kết:*

Thực trạng các cam kết về quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) ra sao? Thực trạng thực hiện các cam kết về quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định CPTPP của Việt Nam ra sao? Những khó khăn, bất cập còn tồn tại là gì?



### (3) Về phương hướng và giải pháp:

Phương hướng thực hiện các cam kết về quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định CPTPP là gì? Cần tập trung vào các giải pháp cụ thể nào?

#### **1.3.3 Giả thuyết nghiên cứu**

Các giả thuyết nghiên cứu được đề tài đặt ra để trả lời cho các câu hỏi nghiên cứu gồm:

##### Giả thuyết nghiên cứu 1:

Giả định rằng cơ sở lý luận các cam kết về quyền sở hữu trí tuệ cũng như yêu cầu thực thi theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới chưa được nghiên cứu một cách đầy đủ và toàn diện. Vì vậy những vấn đề này cần được làm sáng tỏ.

##### Giả thuyết nghiên cứu 2:

Giả định rằng thực trạng thực thi các cam kết về quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định CPTPP hiện nay gây ra những khó khăn đối với các quốc gia thành viên. Việt Nam với tư cách là thành viên của Hiệp định CPTPP đã nỗ lực thực hiện các cam kết của mình nhưng vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế. Do đó, cần có sự nghiên cứu, đánh giá thực trạng thực hiện cam kết về quyền SHTT theo Hiệp định CPTPP (trên cơ sở so sánh đối chiếu với quy định của các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên) và thực trạng thực hiện các cam kết về quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định CPTPP của Việt Nam.

##### Giả thuyết nghiên cứu 3:

Phương hướng thực hiện các cam kết về quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định CPTPP phải đảm bảo tính tương thích, phù hợp với điều kiện của mỗi quốc gia thành viên. Các biện pháp cụ thể nhằm đảm bảo thực hiện cam kết quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định CPTPP của Việt Nam bao gồm việc nội luật hóa và tổ chức thực hiện các cam kết này.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án “*Quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định Đối tác và Toàn diện xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)*”, đề tài luận án rút ra một số kết luận sau:

Các công trình liên quan đến đề tài luận án đã được phân tích và tiến hành nghiên cứu, tuy nhiên mới chỉ dừng lại ở việc mô tả hoặc diễn giải các quy định về quyền SHTT theo Hiệp định CPTPP mà chưa tập trung làm rõ các quy định này tập trung vào nhóm quyền nào trong quyền SHTT, cũng như giải pháp cho nghĩa vụ nội luật hoá và thực thi các cam kết này.

Kết quả từ các công trình nghiên cứu về đề xuất giải pháp nhằm giúp Việt Nam hoàn thiện pháp luật và nâng cao năng lực thực hiện các cam kết về quyền SHTT theo Hiệp định CPTPP vẫn còn khá hạn chế, đặc biệt là những giải pháp đối với từng cam kết cụ thể. Vì vậy, luận án cần tập trung nghiên cứu để đưa ra những đề xuất giải pháp có tính thiết thực hơn, cụ thể hơn cho Việt Nam. Các đề xuất này sẽ dựa trên các quy định pháp luật về quyền SHTT hiện hành và điều kiện thực tế của Việt Nam.

## Chương 2

# NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ VÀ NỘI DUNG THỎA THUẬN VỀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ THEO CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO THẾ HỆ MỚI

### 2.1 Lý luận về quyền sở hữu trí tuệ và yêu cầu bảo hộ theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới

#### 2.1.1 *Khái niệm, đặc điểm và phân loại quyền sở hữu trí tuệ*

##### 2.1.1.1 *Khái niệm quyền sở hữu trí tuệ*

Thuật ngữ “sở hữu trí tuệ” được biết đến cách đây hơn 150 năm gắn với luật pháp liên quan đến bản quyền, bằng sáng chế, kiểu dáng và nhãn hiệu [93, tr.2]. Quyền sở hữu trí tuệ là loại quyền tài sản đối với những thành quả của hoạt động sáng tạo, đầu tư, lao động trí tuệ trong nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội bao gồm lĩnh vực văn học, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, nông nghiệp, và thương mại [83, tr.1; 2]. Quyền của chủ thể đối với loại tài sản này được gọi là quyền SHTT [41]. Năm 1970, quyền sở hữu trí tuệ chính thức được định nghĩa tại Điều 2 Công ước thành lập của Tổ chức sở hữu trí tuệ Thế giới (WIPO). Theo đó, đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ bao gồm:

- (i) các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học;
- (ii) các cuộc biểu diễn của các nghệ sĩ, các băng, đĩa âm thanh và phát thanh truyền hình;
- (iii) các sáng chế trong tất cả các lĩnh vực sáng tạo của con người;
- (iv) các phát minh khoa học;
- (v) các kiểu sáng chế công nghiệp;
- (vi) nhãn hiệu, nhãn hiệu dịch vụ, tên thương mại và ký hiệu;
- (vii) bảo vệ nhằm chống lại các hành vi cạnh tranh không lành mạnh;

(viii) và tất cả các quyền khác có được từ hoạt động trí tuệ trong các lĩnh vực công nghiệp, khoa học, văn học hoặc nghệ thuật [13].

Tuy nhiên, sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật đã biến những điều không tưởng thành sự thật như: truyền hình số; tàu vũ trụ; thuốc đặc trị dành cho các bệnh nan y như ung thư, HIV/AIDS,... Vì vậy, danh mục đối tượng sở hữu trí tuệ được WIPO liệt kê phần nào đã không còn phù hợp trong một số lĩnh vực như hóa học, sinh học hay công nghệ thông tin. Đây là nguyên nhân thúc đẩy việc xem xét mở rộng phạm vi bao trùm của quyền sở hữu trí tuệ sang lĩnh vực khác như bí mật thương mại, giống cây trồng, hay thiết kế bố trí mạch tích hợp. Điều này đã được cụ thể hóa tại Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS) [35]. Hiệp định TRIPS được ký kết vào ngày 15 tháng 12 năm 1993 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 1995. Mục tiêu chính của Hiệp định TRIPS đó là hạn chế sự khác biệt trong cách thức bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ giữa các quốc gia là thành viên của Tổ chức thương mại thế giới (WTO), đồng thời đưa ra các quy định quốc tế chung điều chỉnh sự bảo hộ. Hiệp định TRIPS quy định đối tượng quyền SHTT bao gồm:

- (i) quyền tác giả và các quyền liên quan;
- (ii) các nhãn hiệu;
- (iii) các chỉ dẫn địa lý;
- (iv) các kiểu dáng công nghiệp;
- (v) các sáng chế;
- (vi) thiết kế bố trí mạch tích hợp;
- (vii) bảo hộ thông tin bí mật;
- (viii) ngăn chặn các hoạt động cạnh tranh không lành mạnh [35].

Pháp luật Việt Nam quy định quyền sở hữu trí tuệ là “*quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến*

*quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.*” [48]. Đối tượng quyền sở hữu trí tuệ cũng được liệt kê một cách cụ thể nhằm đáp ứng những cam kết của Việt Nam theo Hiệp định TRIPS.

Có thể thấy, quyền sở hữu trí tuệ là các quyền hợp pháp bắt nguồn từ các hoạt động sáng tạo trong nhiều lĩnh vực khác nhau như công nghệ, khoa học, nghệ thuật,... vì vậy cần được Nhà nước thúc đẩy, khuyến khích các hoạt động sáng tạo này đồng thời xây dựng chính sách bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Nói tóm lại, quyền sở hữu trí tuệ là *“quyền tài sản đối với các kết quả có được thông qua quá trình sáng tạo của bộ óc con người hoặc là kết quả đầu tư của các chủ thể trong quá trình sản xuất, kinh doanh và được công nhận là tài sản.”*

#### *2.1.1.2 Đặc điểm của quyền sở hữu trí tuệ*

Ngày nay khi nhắc đến sở hữu trí tuệ thì đây không còn là một khái niệm xa lạ tuy nhiên không phải tất cả mọi người đều có thể phân biệt được những đặc điểm cơ bản, đặc trưng của quyền sở hữu trí tuệ. Sở hữu trí tuệ trước tiên được hiểu là tài sản trí tuệ được hình thành thông qua quá trình sáng tạo bằng trí tuệ, tri thức cũng như thành quả của việc đầu tư thời gian, công sức, tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh,... và những tài sản này hình thành và tồn tại dưới dạng vô hình [46, tr.13]. Quyền sở hữu trí tuệ tồn tại dưới dạng tri thức của con người về xã hội, tự nhiên thay vì có cấu tạo vật chất cụ thể, trong khi tài sản hữu hình thông thường có cấu tạo vật chất nhất định và con người có thể dùng các giác quan của mình để cảm nhận nó như cầm, nắm, hoặc nhìn thấy.

Một số ví dụ cụ thể như đối với lĩnh vực nghệ thuật thì tài sản vô hình có thể là một ca khúc mới được sáng tác của một nhạc sĩ. Đối với lĩnh vực văn học, tài sản vô hình có thể là một cuốn tiểu thuyết mới hoặc một bài thơ mới của một nhà văn. Đối với lĩnh vực khoa học kỹ thuật thì tài sản vô hình có

thể là một ứng dụng mới dành cho rô bốt thu hoạch nông sản với năng suất tăng gấp đôi và giảm được một nửa chi phí vận hành. Đối với lĩnh vực năng lượng sạch hoặc năng lượng tái tạo thì tài sản vô hình có thể các ứng dụng được áp dụng trong quá trình kiểm tra, giám sát và phân tích để có thể sớm đưa ra các dự báo về khả năng sản xuất điện của các tấm pin năng lượng mặt trời được lắp đặt các quốc gia có mùa hè ngắn, thời tiết thường xuyên mưa mù hoặc lượng bức xạ thấp hơn so với các tiêu chuẩn cơ bản.

Những ví dụ nêu trên chính là những sản phẩm trí tuệ vô hình, thể hiện sự sáng tạo và quyền sở hữu trí tuệ chính là quyền sở hữu tài sản vô hình đó, và được pháp luật bảo hộ. Tuy nhiên, pháp luật chỉ bảo hộ các sản phẩm trí tuệ sáng tạo đóng góp vào sự phát triển của kinh tế xã hội thay vì bảo hộ đối với toàn bộ sản phẩm trí tuệ sáng tạo [46, tr.14]. Ví dụ, trò ảo thuật biến que diêm thành con chim bồ câu sẽ không được bảo hộ bởi việc ứng dụng vào thực tế là không phù hợp.

Tài sản trí tuệ vốn không có bản chất vật lí, con người không thể nhận biết sự tồn tại của chúng thông qua các giác quan như cảm, nắm, hoặc nhìn thấy bởi tài sản trí tuệ tồn tại dưới dạng tri thức. Từ đó, sự hiểu biết từ các thông tin này sẽ được dùng để nghiên cứu, sử dụng, khai thác, và phát triển nhằm phục vụ cho nhu cầu sống ngày càng đa dạng và phong phú của con người. Vì thế, với đặc tính “*vô hình*” thì tài sản trí tuệ chỉ được bảo hộ nếu đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định của pháp luật [46, tr.13]. Việc xác định giá trị của một sản phẩm trí tuệ không hề dễ bởi giá trị của sản phẩm đó phải qua sử dụng, áp dụng vào thực tế trong một khoảng thời gian nhất định và có thể kéo dài hơn so với dự kiến ban đầu để có thể kết luận rằng sản phẩm đó sẽ mang đến lợi ích gì cho cộng đồng, xã hội [46, tr.14]. Nhằm giải quyết những bất cập trên, các quốc gia đã và đang xây dựng pháp luật nhằm bảo hộ những đối tượng của quyền SHTT. Chính sách bảo hộ quyền SHTT của các

quốc gia được hiểu là sự công nhận bảo hộ bằng pháp luật các quyền của chủ thể trên cơ sở bảo đảm hài hòa lợi ích của chủ thể quyền và lợi ích cộng đồng, người dân bởi đây là người tiêu dùng cuối cùng của sản phẩm. Hơn nữa, chính sách bảo hộ quyền SHTT đóng vai trò rất quan trọng trong việc khuyến khích thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu sáng tạo, khai thác tài sản trí tuệ nhằm góp phần phát triển kinh tế xã hội, nâng cao đời sống tinh thần của người dân.

Bên cạnh việc tồn tại dưới dạng vô hình, thì quyền SHTT được giới hạn về mặt không gian cũng như thời gian. Cụ thể, quyền SHTT sẽ được pháp luật bảo hộ trong một khoảng thời gian nhất định. Ví dụ, theo Luật sở hữu trí tuệ 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019, và 2022 (Luật SHTT) thì thời hạn bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm điện ảnh, nhiếp ảnh, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm khuyết danh có thời hạn bảo hộ là bảy mươi lăm (75) năm, kể từ khi tác phẩm được công bố lần đầu tiên. Điều này đồng nghĩa với việc chủ sở hữu sẽ được độc quyền khai thác đồng thời ngăn cản bên thứ ba xâm phạm, hoặc sử dụng trái phép tài sản trí tuệ của mình trong khoảng thời gian được bảo hộ. Đặc quyền này được trao cho chủ sở hữu bởi đây là cách thức hiệu quả nhất để bảo vệ chủ thể quyền, ngăn ngừa các hành vi xâm phạm quyền vốn rất dễ thực hiện do tính vô hình của tài sản trí tuệ. Hơn nữa, đặc quyền này cũng cho phép chủ sở hữu toàn quyền khai thác những lợi ích kinh tế và lợi ích khác nhằm bù đắp công sức, chi phí đã bỏ ra để nghiên cứu, chế tạo. Đồng thời, đây cũng là động lực nhằm thúc đẩy đổi mới, sáng tạo để biến những ý tưởng thành các sản phẩm hoặc công cụ hoàn chỉnh nhằm phục vụ tốt hơn cho nhu cầu ngày càng tăng và đa dạng của con người.

Nếu như các quyền này không được đảm bảo thì chủ thể quyền sẽ mất đi động lực nghiên cứu, sáng tạo vốn tốn rất nhiều thời gian, tiền bạc, nhân lực và công sức. Tuy nhiên, quyền sở hữu đối với quyền SHTT được giới hạn

trong một khoảng thời gian nhất định bởi tài sản trí tuệ là một trong những công cụ quan trọng để phát triển kinh tế [41]. Việc sử dụng tài sản này phải được đặt trong mối quan hệ hài hoà giữa lợi ích của tác giả, chủ sở hữu và lợi ích của cộng đồng và người tiêu dùng, bởi đây chính là chủ thể cuối cùng hưởng lợi từ các hoạt động sáng tạo của chủ sở hữu. Nói cách khác, quy định về thời hạn bảo hộ sẽ đảm bảo quyền lợi của chủ sở hữu đồng thời cho phép các chủ thể khác được quyền tiếp cận. Tuy nhiên, tùy thuộc vào chính sách phát triển mà pháp luật mỗi quốc gia sẽ xây dựng nhằm đảm bảo điều kiện tốt nhất để công dân của mình được tiếp cận tri thức ở mức sâu rộng nhất với chi phí hợp lý nhất, đồng thời đảm bảo quyền lợi của chủ sở hữu.

Bên cạnh việc giới hạn về mặt thời gian, thì quyền SHTT cũng chỉ được bảo hộ trong một không gian hoặc một khu vực cụ thể hay còn gọi là tính “*lãnh thổ triệt để*”. Theo đó, khi quyền SHTT phát sinh theo pháp luật của một quốc gia hoặc một khu vực thì chỉ có hiệu lực trên phạm vi lãnh thổ quốc gia đó hoặc khu vực đó bởi quyền SHTT là quyền tài sản; vậy nên để có thể nhận biết, xác định quyền đó chỉ có thể căn cứ vào pháp luật. Với đặc tính này, khi đăng ký bảo hộ đối với các đối tượng quyền SHTT, đặc biệt là với đối tượng của quyền sở hữu công nghiệp sẽ phát sinh rất nhiều thủ tục, chi phí, và thời gian. Ví dụ, khi tác giả hoặc chủ sở hữu đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hoặc sáng chế theo quy định pháp luật của một quốc gia hoặc khu vực có liên quan thì sẽ chỉ được bảo hộ trong lãnh thổ của quốc gia đó hoặc trong khu vực có liên quan. Mặc dù vậy, các quốc gia và các tổ chức quốc tế luôn chủ động và tích cực phối hợp với nhau hướng tới mục tiêu tương đồng hoá quan điểm bảo hộ quyền SHTT để giảm bớt các chi phí, thủ tục, và thời gian khi xác lập quyền tại các quốc gia khác nhau. Điều này được thể hiện qua các nội dung của các điều ước quốc tế toàn cầu, điều ước khu vực, điều ước đa



phương hoặc điều ước song phương trong lĩnh vực SHTT và cả trong chức năng nhiệm vụ của các tổ chức quốc tế có liên quan.

### 2.1.1.3 Phân loại quyền sở hữu trí tuệ

Theo Công ước thành lập Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới [13] như trên đã dẫn thì quyền SHTT bao gồm hai quyền chính là: (i) Quyền tác giả và quyền liên quan; (ii) Quyền sở hữu công nghiệp. Sau công ước Stockholm, Hiệp định TRIPS đã bổ sung thêm một số đối tượng ‘Sở hữu trí tuệ’ [35] như chỉ dẫn địa lý hay bí mật kinh doanh trong nhóm quyền sở hữu công nghiệp [35]. Bên cạnh hai nhóm đối tượng này, quyền đối với giống cây trồng được bảo hộ trong phạm vi WIPO và được điều chỉnh theo Công ước quốc tế về bảo hộ giống cây trồng mới (UPOV). Theo pháp luật Việt Nam thì quyền SHTT là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, với ba nhóm quyền là: quyền tác giả và quyền liên quan; quyền sở hữu công nghiệp; và quyền đối với giống cây trồng [48].

Quyền tác giả là quyền lợi của người sáng tạo nhận được dựa trên những tác phẩm văn học, nghệ thuật, và khoa học do mình tạo ra hoặc sở hữu [48]. Quyền tác giả là một bộ phận của quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến việc bảo hộ những sáng tạo phục vụ cho nhu cầu về văn hóa và tinh thần. Nói cách khác, quyền tác giả là quyền mà pháp luật ghi nhận cho tác giả sáng tác hoặc chủ sở hữu quyền tác giả [46, tr.23]. Đối tượng được bảo hộ quyền tác giả này bao gồm các tác phẩm thuộc lĩnh vực văn học, khoa học, nghệ thuật nhằm phục vụ nhu cầu hưởng thụ văn hóa và nhu cầu khác của công chúng. Những đối tượng này luôn mang tính sáng tạo và được bảo hộ mà không phụ thuộc vào giá trị nội dung hay giá trị nghệ thuật.

Tuy nhiên, pháp luật về quyền tác giả không bảo hộ những tác phẩm được sao chép, xúc phạm danh dự, có nội dung trái pháp luật [81, tr.38],... Ngoài ra, quyền tác giả phát sinh kể từ khi tác phẩm được sáng tạo và được

thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định, mà không phân biệt nội dung. Đây là điểm khác biệt so với quyền sở hữu công nghiệp khi pháp luật về quyền tác giả bảo hộ nội dung của đối tượng [42, tr.33]. Quyền tác giả được bảo hộ theo cơ chế tự động bởi quyền này phát sinh một cách mặc nhiên và nó hình thành tại thời điểm tác phẩm được thể hiện dưới hình thức khách quan mà người khác có thể nhận biết được [81, tr.38; 39]. Giới hạn quyền tác giả đối với việc sử dụng không nhằm mục đích kinh doanh, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của tác giả và chủ sở hữu tác phẩm.

Quyền liên quan đến tác giả là quyền của cá nhân, tổ chức đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa [48]...Cụ thể, quyền sử dụng, quyền định đoạt của cá nhân, tổ chức thực hiện việc truyền tải tác phẩm đến công chúng thông qua việc biểu diễn, ghi hình hoặc phát sóng tác phẩm sẽ được bảo hộ. Các hoạt động của chủ thể quyền liên quan như biểu diễn, ghi hình, phát sóng tác phẩm được coi là hành vi sử dụng tác phẩm đã có. Vì vậy, khi sử dụng tác phẩm chủ thể quyền liên quan còn có các nghĩa vụ đối với tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm. Một tác phẩm nhạc không lời được thể hiện bằng kèn saxophone luôn mang đậm tính cá nhân với dấu ấn từ người biểu diễn nên quyền liên quan phải đảm bảo tính nguyên gốc bởi nó là thành quả của lao động sáng tạo mang đậm dấu ấn cá nhân của người biểu diễn [81, tr.40]. Cuối cùng, quyền liên quan được bảo hộ tự động mà không cần đăng ký.

Quyền sở hữu công nghiệp (SHCN) là quyền sở hữu của cá nhân, tổ chức đối với những đối tượng sở hữu công nghiệp. Đối tượng của quyền SHCN bao gồm sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh do chính tổ chức hoặc cá nhân sáng tạo ra hoặc sở hữu và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh [48]. Nếu như đối tượng của quyền tác giả thường

được ứng dụng trong các hoạt động giải trí tinh thần thì đối tượng của quyền SHCN gắn liền với các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Ví dụ, sáng chế hay kiểu dáng công nghiệp được bảo hộ nếu việc áp dụng chúng trong lĩnh vực khoa học công nghệ đem lại những sản phẩm giá trị cho đời sống con người.

Quyền SHCN đối với hầu hết các đối tượng (trừ tên thương mại và bí mật kinh doanh) được bảo hộ thông qua việc cấp văn bằng bảo hộ [46, tr.25]. Đây là điểm khác biệt rõ ràng nhất so với quyền tác giả bởi việc đăng ký là thủ tục bắt buộc nhằm xác lập quyền từ phía cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tuy nhiên, bí mật kinh doanh và tên thương mại được xác lập quyền tự động nếu có được một cách hợp pháp và thực hiện các biện pháp bảo mật [48]. Quy định này phù hợp với mục đích, tiêu chí bảo hộ từng đối tượng. Ví dụ, bí mật kinh doanh sẽ bị công khai nếu đăng ký bảo hộ, trong khi đó thời hạn bảo hộ là vô hạn cho đến khi bí mật kinh doanh bị công khai. Đối tượng của quyền SHCN được bảo hộ có thời hạn hoặc không có thời hạn tùy theo việc các đối tượng đó được bảo hộ dựa trên các tiêu chí nào.

Khả năng sáng tạo và tư duy của con người là không có giới hạn, có thể đối tượng quyền sở hữu công nghiệp phù hợp ở thời điểm hiện tại, nhưng chưa chắc đã phù hợp trong tương lai. Vì vậy, việc bảo hộ vô thời hạn đối với các đối tượng quyền SHCN sẽ kìm hãm sự phát triển của khoa học công nghệ nói riêng, và xa hơn là sự phát triển chung của kinh tế xã hội [42, tr.34]. Thời hạn bảo hộ quyền SHCN được chia làm ba loại dựa theo tính chất của từng đối tượng SHCN cụ thể. Thứ nhất, thời hạn bảo hộ được xác định và không gia hạn như đối với sáng chế là hai mươi (20) năm kể từ ngày nộp đơn hợp lệ [48]. Việc áp dụng thời hạn này nhằm tránh tình trạng độc quyền của chủ sở hữu và tạo cơ hội cho cá nhân, tổ chức nghiên cứu, nâng cấp đối tượng quyền sở hữu công nghiệp trong tương lai. Thứ hai, thời hạn bảo hộ được xác định và được gia hạn nhiều lần như nhãn hiệu là mười (10) năm tính từ ngày nộp

đơn hợp lệ [48], và có thể gia hạn nhiều lần mỗi lần mười (10) năm với điều kiện chủ sở hữu phải nộp lệ phí gia hạn. Cuối cùng, thời hạn bảo hộ đối với chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh, và tên thương mại là vô hạn miễn là các điều kiện bảo hộ được đáp ứng.

Quyền đối với giống cây trồng là quyền của tổ chức, cá nhân đối với giống cây trồng mới do mình chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển hoặc được hưởng quyền sở hữu [48]. Quyền đối với giống cây trồng gồm quyền nhân thân và quyền tài sản của tác giả, quyền của chủ sở hữu văn bằng bảo hộ giống cây trồng. Quyền này phát sinh thông qua quá trình sáng tạo, đầu tư về thời gian, tài chính cho việc phát triển, chọn tạo giống cây trồng mới. Tương tự như quyền SHCN, đối với một số đối tượng quyền đối với giống cây trồng chỉ được bảo hộ khi được cấp văn bằng bảo hộ bởi đây là đối tượng cần phải được xét nghiệm nhằm xác định giống cây trồng đáp ứng đầy đủ các tiêu chí bảo hộ [46, tr.139].

### ***2.1.2 Nội dung của quyền sở hữu trí tuệ***

Quyền sở hữu trí tuệ gồm ba bộ phận hợp thành như đã phân tích bao gồm: quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, và quyền đối với giống cây trồng. Tuy nhiên, việc phân loại quyền trên cơ sở các đối tượng được bảo hộ thì quyền SHTT gồm quyền nhân thân (gắn với các đối tượng như sản phẩm sáng tạo trí tuệ) và quyền tài sản gắn với tất cả các đối tượng được bảo hộ.

“*Nội dung quyền sở hữu trí tuệ*” là các quyền cụ thể của tác giả hoặc chủ sở hữu. Trước hết, đối với nội dung quyền tác giả được hiểu là khái niệm rộng xác định tất cả các vấn đề liên quan đến tác phẩm thì nội dung quyền tác giả chỉ nhằm xác định các quyền tài sản và quyền nhân thân của tác giả hoặc của chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm [46, tr.48]. Quyền nhân thân đối với tác phẩm là các quyền luôn gắn liền với chủ thể nhất định như tác giả tác phẩm mà không thể dịch chuyển được và quyền này mang yếu tố tinh thần của tác giả đối với tác phẩm. Quyền nhân thân đối với tác phẩm bao gồm:

quyền đặt tên cho tác phẩm; quyền đứng tên tác giả đối với tác phẩm; quyền bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén, hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kì hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả; và quyền công bố hoặc cho người khác công bố tác phẩm. Quyền công bố này thuộc về quyền nhân thân theo Luật SHTT nhưng bản chất lại thuộc về chủ sở hữu tác phẩm. Khác với quyền nhân thân, quyền tài sản đem đến cho tác giả hoặc chủ sở hữu các lợi ích vật chất có được từ tác phẩm, bao gồm: quyền làm tác phẩm phái sinh; quyền biểu diễn tác phẩm trước công chúng; quyền sao chép; quyền phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao tác phẩm; quyền truyền đạt tác phẩm đến công chúng bằng các phương tiện kỹ thuật; và quyền cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính.

Nội dung quyền liên quan bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản. Theo đó, quyền nhân thân mang đến cho cá nhân, tổ chức biểu diễn những lợi ích, khích lệ về mặt tinh thần cho họ [46, tr.73]. Quyền nhân thân bao gồm việc được giới thiệu khi biểu diễn, phát hành bản ghi âm, ghi hình, phát sóng cuộc biểu diễn. Quyền nhân thân đồng thời bảo vệ sự toàn vẹn hình tượng biểu diễn, không cho người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc dưới bất cứ hình thức nào gây ảnh hưởng đến uy tín, danh tiếng của người biểu diễn. Trong khi đó, quyền tài sản cho phép cá nhân, tổ chức biểu diễn được hưởng lợi ích về vật chất từ các hoạt động đó. Các quyền đó bao gồm: Định hình cuộc biểu diễn trực tiếp của mình trên bản ghi âm, ghi hình; sao chép cuộc biểu diễn; phát sóng hoặc truyền đến công chúng; bán hoặc cho thuê bản gốc, bản sao cuộc biểu diễn. Tuy nhiên, chủ thể quyền liên quan cần xin phép tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm trước khi biểu diễn, đồng thời trả thù lao cho họ [46, tr.74].

Nội dung quyền SHCN là quyền đối với đối tượng SHCN được pháp luật ghi nhận và bảo hộ, trong đó bao gồm quyền của tác giả, chủ sở hữu đối tượng SHCN và quyền của người sử dụng trước. Tác giả đối tượng SHCN có thể bao gồm một hoặc nhiều người tạo ra các đối tượng SHCN bằng lao động sáng tạo của mình – vốn là tiêu chí quan trọng để công nhận tác giả đối tượng SHCN. Vì vậy, quyền tác giả đối tượng SHCN chỉ là quyền tác giả của sáng chế, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, và kiểu dáng công nghiệp. Lí do là bởi nhãn hiệu, tên thương mại, hay chỉ dẫn địa lý chỉ là thông tin chỉ dẫn trên thị trường nên tính sáng tạo trong ghi nhận tác giả cho các đối tượng này cũng không đặt ra.

Tóm lại, quyền tác giả đối tượng SHCN bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản. Quyền nhân thân là quyền chỉ thuộc riêng về cá nhân tác giả và không thể chuyển giao cho bất kì ai. Tác giả được ghi tên trong bằng độc quyền, hoặc giấy chứng nhận đăng ký. Tác giả cũng được nêu tên trong các tài liệu công bố về các đối tượng SHCN. Quyền tài sản là quyền được hưởng những lợi ích phát sinh từ việc khai thác đối tượng SHCN nhằm trả công, bù đắp cho sự sáng tạo hoặc sự đầu tư vào uy tín của các chỉ dẫn thương mại, đồng thời thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nâng cao uy tín sản phẩm.

Tác giả giống cây trồng là người trực tiếp thực hiện một phần hoặc toàn bộ công việc chọn tạo, nghiên cứu, hoặc phát triển giống cây trồng. Đối với quyền nhân thân, tác giả giống cây trồng được ghi tên với danh nghĩa là tác giả trong bằng bảo hộ giống cây trồng, trong các tài liệu công bố về giống cây trồng và được bảo hộ. Về quyền tài sản, tác giả giống cây trồng được nhận thù lao từ chủ bằng bảo hộ đối với giống cây trồng. Mức thù lao được xác định theo phương thức thoả thuận giữa chủ bằng bảo hộ và tác giả giống cây trồng. Quyền nhân thân là quyền chỉ thuộc về tác giả, trong khi quyền tài sản thuộc về chủ sở

hữu đối tượng SHTT. Trong quyền tài sản đó, chủ sở hữu quyền (có thể đồng thời là tác giả) có độc quyền sử dụng và định đoạt quyền SHTT [46, tr.179].

#### *2.1.2.1 Quyền sử dụng*

Quyền sử dụng tài sản trí tuệ được hiểu là quyền khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, và khai thác những lợi ích vật chất của tài sản trí tuệ trong phạm vi pháp luật cho phép. Về cơ bản, mục đích của việc khai thác những giá trị sử dụng của tài sản trí tuệ là để thỏa mãn những nhu cầu về sinh hoạt, sản xuất, vật chất hoặc tinh thần [46, tr.23]. Chính vì vậy, việc sử dụng tài sản trí tuệ là một trong những quyền quan trọng và có ý nghĩa thực tế đối với chủ sở hữu. Chủ sở hữu có toàn quyền khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức của tài sản trí tuệ theo ý chí tùy nghi của mình. Quyền sử dụng đem đến cho tác giả hoặc chủ sở hữu quyền SHTT lợi ích về kinh tế nhiều hơn những lợi ích về tinh thần.

Có thể nói, việc hưởng lợi ích vật chất từ tài sản SHTT là điều chính đáng bởi nó ghi nhận công sức, tính sáng tạo cũng như khích lệ sự đầu tư vào uy tín sản phẩm tương lai. Tuy nhiên, việc sử dụng tài sản trí tuệ hoàn toàn khác so với tài sản hữu hình thông thường. Sử dụng tài sản trí tuệ chính là sử dụng các thông tin nên sẽ không hạn chế số lượng người sử dụng và không bị mất đi mà còn là cơ sở để tiếp tục tạo ra những tài sản trí tuệ mới. Việc sử dụng này do chủ sở hữu quyền tự thực hiện hoặc cho phép người khác sử dụng thông qua việc ký kết các hợp đồng cho phép người khác sử dụng để nhận về những lợi ích vật chất nhất định.

Hiểu một cách đơn giản thì việc sử dụng tài sản trí tuệ chính là sử dụng các thông tin, chỉ dẫn chứa đựng trong sản phẩm, chính vì vậy quyền sở hữu trí tuệ rất dễ bị lạm dụng, xâm hại, và các vi phạm thường xuyên diễn ra với quy mô ngày càng tinh vi, thậm chí là có tính tổ chức khi có nhiều đối tượng cùng tham gia. Quyền sử dụng này liên quan tới quyền định đoạt gắn với tài

sản khi chủ sở hữu các đối tượng của quyền SHTT được quyền cho hay không cho người khác sử dụng tác phẩm. Bởi vậy, hành vi sử dụng các đối tượng quyền SHTT không xin phép được coi là xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

#### *2.1.2.1 Quyền định đoạt*

Quyền định đoạt tài sản trí tuệ được hiểu là quyền chuyển giao quyền sở hữu tài sản trí tuệ, từ bỏ quyền sở hữu, tiêu dùng hoặc tiêu hủy tài sản trí tuệ trong khoảng thời gian quyền SHTT được bảo hộ của chủ sở hữu. Xét dưới góc độ pháp lý thì quyền định đoạt được định nghĩa theo hai khía cạnh đó là định đoạt số phận thực tế của tài sản trí tuệ và định đoạt số phận pháp lý của tài sản trí tuệ. Định đoạt đối với số phận thực tế của tài sản trí tuệ là việc dùng các hành vi tác động đến tài sản trí tuệ khiến cho chúng không còn tồn tại trên thực tế như sử dụng hoặc tiêu hủy. Quyền SHTT là quyền tài sản (tài sản vô hình) nên việc tiêu huỷ là không thể mà chỉ có thể làm mất đi các tiêu chí bảo hộ và các đối tượng SHTT không cần đáp ứng yêu cầu bảo hộ theo pháp luật nữa. Định đoạt số phận pháp lý của tài sản trí tuệ là việc chuyển giao quyền sở hữu cho chủ thể khác bằng việc xác lập các hợp đồng như bán, tặng cho, hoặc trao đổi [46, tr.23; 63].

Tóm lại, chủ sở hữu quyền SHTT có thể định đoạt đối với tài sản trí tuệ bằng cách bán, trao đổi, tặng cho, cho vay, để thừa kế, từ bỏ quyền sở hữu, hoặc thực hiện các hình thức định đoạt khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với tài sản trí tuệ. Cụ thể, các loại hành vi nhằm mục đích chuyển quyền sở hữu đối với tài sản bao gồm bán, trao đổi, tặng cho thông qua hợp đồng. Chủ sở hữu có quyền thực hiện các hành vi pháp lý đơn phương định đoạt tài sản trí tuệ như thừa kế thông qua lập di chúc; từ bỏ quyền sở hữu đối với loại quyền tài sản này. Tóm lại, chủ sở hữu có thể tự sử dụng, khai thác



tài sản trí tuệ thông qua chuyển nhượng, chuyển giao quyền sử dụng hoặc tiêu hủy chúng.

### **2.1.3 Chính sách bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của các quốc gia và nhu cầu tương đồng hoá chính sách bảo hộ**

#### **2.1.3.1 Khái quát về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ**

Quyền sở hữu trí tuệ là quyền đối với các tài sản trí tuệ, sử dụng và chuyển giao các đối tượng của quyền tác giả và quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp, và quyền đối với giống cây trồng. Ngay nay, quyền sở hữu trí tuệ đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia [91]. Giá trị văn hóa – xã hội hay giá trị thương mại mà các đối tượng của quyền SHTT đem lại là không thể phủ nhận khi nền kinh tế tri thức lên ngôi, các sáng tạo đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy khả năng cạnh tranh và tăng trưởng kinh tế. Vì vậy, công nhận và bảo hộ quyền SHTT một cách hiệu quả sẽ tạo động lực cho các chủ thể sáng tạo, đồng thời phục vụ lợi ích chung của xã hội khi kết quả sáng tạo của các chủ thể này được phổ biến.

“*Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ*” là tất cả những hành vi mà Nhà nước thực hiện nhằm công nhận và bảo vệ quyền SHTT. Theo đó, Nhà nước thực hiện các thủ tục nhằm xác lập quyền sở hữu trí tuệ, thực hiện quản lý nhà nước đối với quyền SHTT, quy định các hành vi xâm phạm quyền SHTT, và đưa ra các quy định hoặc biện pháp xử lý đối với các hành vi xâm phạm quyền SHTT [42, tr.34]. Trong khi đó, “*Thực thi quyền sở hữu trí tuệ*” không nhằm hướng tới việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ mà là việc chấm dứt hành vi xâm phạm quyền SHTT, đảm bảo sự tôn trọng đối với quyền SHTT hay được ghi nhận trong luật sở hữu trí tuệ và khái niệm “*Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ*”. Về phương diện chủ quan, thì bảo vệ quyền SHTT bao gồm các biện pháp cụ thể được áp dụng nhằm xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHTT tùy theo tính chất, mức độ xâm phạm. Về phương diện khách quan, thì bảo vệ quyền

SHTT là tổng hợp các quy định của pháp luật công nhận các chủ thể quyền SHTT được bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và các biện pháp xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT đã được pháp luật công nhận.

Mặc dù, khái niệm “*Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ*”; “*Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ*”; và “*Thực thi quyền sở hữu trí tuệ*” đều có những nét tương đồng hay điểm chung nhất định tuy nhiên chúng vẫn có sự khác nhau bởi hai yếu tố. Thứ nhất liên quan đến hành vi bảo hộ, Nhà nước là chủ thể duy nhất thực hiện hành vi bảo hộ quyền SHTT nhưng chủ thể bảo vệ quyền SHTT có thể là Nhà nước hoặc chủ thể quyền SHTT hoặc các hiệp hội, tổ chức tập thể đại diện cho chủ thể quyền như: Hiệp hội quyền sao chép Việt Nam (VIETRRO); Hiệp hội sáng tạo và bản quyền tác giả (VCCA). Điểm khác biệt thứ hai đó là cách thức thực hiện hành vi. Đối với bảo hộ quyền SHTT, Nhà nước sẽ thực hiện rất nhiều hành vi khác nhau như thủ tục xác lập quyền, quản lý nhà nước, hay quy định các biện pháp xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT. Tuy nhiên, đối với bảo vệ quyền SHTT các chủ thể thực thi có thể áp dụng đồng thời các biện pháp xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT được quy định và không trái với quy định của pháp luật [42, tr.35].

#### *2.1.3.2 Mục tiêu bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của các quốc gia*

Mỗi quốc gia có một chính sách riêng nhằm thực hiện mục tiêu bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của mình. Nhóm nước phát triển với nền khoa học công nghệ phát triển, họ luôn mong muốn nâng cao việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ bởi đây là nền tảng quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội. Trên tất cả, họ hiểu rằng quyền sở hữu trí tuệ là một công cụ mạnh và hỗ trợ đắc lực cho nhiệm vụ phát triển kinh tế [91]. Quyền sở hữu trí tuệ tác động đến kinh tế thông qua một yếu tố chủ chốt là công nghệ bởi nó giúp các công nghệ được tạo ra, khai thác và sử dụng trong môi trường cạnh tranh lành mạnh, ngăn không cho chiếm đoạt.

Sự phát triển kinh tế dựa vào công nghệ và quyền SHTT dường như là không có giới hạn bởi chúng khác biệt so với việc sử dụng lợi thế của nguồn tài nguyên, vốn và nhân công giá rẻ [91]. Vì vậy, pháp luật quốc gia về SHTT nhanh chóng phát triển và trở nên phổ biến tại các quốc gia phát triển đã khẳng định nhu cầu bảo hộ quyền SHTT, và quan trọng hơn đó là nhu cầu mở rộng bảo hộ ra nước ngoài của các chủ thể quyền nhằm khai thác tối đa các lợi ích từ các đối tượng SHTT. Đối với các quốc gia đang và kém phát triển lại có nhu cầu áp dụng các thành tựu sáng tạo với nguồn lực hạn hẹp nên họ muốn theo đuổi chính sách bảo hộ ở mức độ cơ bản nhất so với các quốc gia phát triển.

Nửa sau thế kỉ 19, các điều ước song phương về bảo hộ quyền SHTT được kí kết rất nhiều nhưng lại không hiệu quả bởi pháp luật về SHTT của mỗi quốc gia còn tồn tại nhiều khác biệt cơ bản về nguyên tắc hay cơ chế bảo hộ do nguyên tắc lãnh thổ của việc bảo hộ quyền SHTT và sự khác biệt trong chính sách bảo hộ quyền SHTT. Không như quyền sở hữu tài sản hữu hình, quyền sở hữu đối với tài sản trí tuệ ở một quốc gia không được thừa nhận ở quốc gia khác. Chính vì vậy, các quốc gia phát triển hiểu rằng việc bảo hộ quyền SHTT chỉ dừng ở mức độ quốc gia hoặc song phương thôi thì chưa đủ bởi sẽ rất khó để đảm bảo quyền lợi của chủ sở hữu cũng như triệt tiêu động lực sáng tạo của họ bởi thời gian, chi phí, chất xám đầu tư cho sáng tạo là vô cùng lớn. Hơn nữa, phát triển kinh tế dựa trên quyền SHTT sẽ bị ảnh hưởng khi lợi nhuận từ việc khai thác, sử dụng quyền bị bó hẹp trong phạm vi quốc gia hoặc hai nước riêng lẻ. Trong khi đó, quyền SHTT rất dễ bị xâm phạm tại các quốc gia khác vì sau khi được công bố, đối tượng quyền SHTT lại dễ dàng được phổ biến, lan truyền, thậm chí bị chiếm đoạt, trục lợi bất hợp pháp. Đặc biệt, việc lưu trữ, sao chép, phân phối trái phép các đối tượng quyền SHTT trở nên dễ dàng hơn trước rất nhiều bởi sự hỗ trợ từ các nền tảng công nghệ hay môi trường kỹ thuật số. Chính vì vậy, đứng trước những thách thức liên

quan đến bảo hộ quyền SHTT, nhu cầu tương đồng hóa chính sách bảo hộ của các quốc gia trở nên cấp thiết, chính đáng và khách quan hơn bao giờ hết.

### *2.1.3.3 Tương đồng hóa chính sách bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của các quốc gia*

Việc tương đồng hóa chính sách bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của các quốc gia là cần thiết bởi chỉ có như vậy việc bảo hộ mới thực sự đạt hiệu quả khi quyền lợi của chủ sở hữu được đảm bảo. Điều này sẽ tạo động lực cho phát triển kinh tế dựa theo quyền SHTT bởi lợi nhuận từ việc khai thác, sử dụng quyền sẽ tăng lên khi chúng được bảo hộ tương đồng tại nhiều quốc gia. Bên cạnh đó, đây cũng là căn cứ để chủ sở hữu có thể sử dụng trong trường hợp quyền SHTT bị xâm phạm hoặc khi có tranh chấp xảy ra. Vì những lý do trên mà hai công ước quốc tế đầu tiên về quyền SHTT được ra đời, đó là: Công ước Berne về bảo hộ tác phẩm văn học và nghệ thuật năm 1886 [14] (Công ước Berne) và Công ước Paris về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp năm 1983 [15] (Công ước Paris). Từ một số đối tượng truyền thống của quyền tác giả và quyền sở hữu công nghiệp của hai công ước trên, tính đến nay đối tượng quyền sở hữu trí tuệ đã được sửa đổi, bổ sung và quy định trong hầu hết pháp luật của các quốc gia thành viên và cả các công ước như Công ước thành lập WIPO năm 1967 [13], hay Hiệp định TRIPS.

Các điều ước quốc tế về sở hữu trí tuệ đã tạo nên các tiêu chuẩn và chuẩn mực tối thiểu về bảo hộ quyền SHTT trên thế giới. Các quốc gia thành viên phải đảm bảo các tiêu chuẩn này hoặc được phép nâng cao chúng thông qua pháp luật của mình. Mục đích cuối cùng của các điều ước này nhằm xác lập các yêu cầu bảo hộ tương đồng, tạo khả năng và hướng tới việc đơn giản hóa các thủ tục hành chính bởi đây là một trong những cản trở lớn nhất đối với bảo hộ quyền SHTT. Từ đó, việc bảo hộ quyền SHTT trở nên dễ dàng và hiệu quả hơn ở nước ngoài, đặc biệt là trên phạm vi toàn cầu.

Đối với bảo hộ tự động như quyền tác giả và quyền liên quan, các điều ước quốc tế hướng đến việc đảm bảo sự bảo hộ tự động tại tất cả các quốc gia thành viên. Còn đối với bảo hộ có điều kiện, các điều ước quốc tế đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo hài hòa hóa các thủ tục đăng ký và điều kiện bảo hộ nhằm xây dựng một thủ tục đăng ký bảo hộ chung thống nhất và nhất quán giữa các quốc gia thành viên. Đồng thời, tiến tới giảm bớt các thủ tục xác lập quyền không cần thiết. Việc tương đồng hóa các chính sách không những tạo thuận lợi cho các quốc gia thành viên trong quá trình xác lập, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ mà còn giúp các cá nhân, tổ chức, đặc biệt là đối các doanh nghiệp lớn hướng đến thị trường quốc tế tiết kiệm chi phí, thời gian, và gia tăng cơ hội cạnh tranh khi thủ tục bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ là như nhau.

#### ***2.1.4 Yêu cầu bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và mối quan hệ với các điều ước quốc tế khác***

##### ***2.1.4.1 Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và vai trò bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong các hiệp định***

Tự do hóa thương mại đã thúc đẩy sự hình thành và phát triển mạnh mẽ của các liên kết thương mại gồm nhiều tầng nấc thông qua các Hiệp định song phương và đa phương. Hiệp định thương mại tự do là một điều ước giữa hai hoặc nhiều quốc gia với nhau nhằm hướng đến việc cắt giảm và xóa bỏ hàng rào thuế quan và phi thuế quan tiến tới thành lập một khu vực mậu dịch tự do (*Free Trade Agreements - FTAs*) [75]. Các FTAs có thể được gọi với nhiều tên khác nhau như Hiệp định Đối tác Kinh tế hay Hiệp định thương mại Khu vực, nhưng thực chất đều là các thỏa thuận hướng tới tự do hóa thương mại giữa các quốc gia thành viên. Kể từ sau năm 1990, các Hiệp định Thương mại tự do song phương hoặc đa phương dần trở nên phổ biến hơn. Từ mô hình FTAs kinh điển, các FTAs thế hệ mới hình thành với nội dung không chỉ giới hạn trong việc tự do hóa thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ mà còn cả thuận lợi hóa các

thủ tục hải quan – hành chính, tăng cường năng lực liên kết trao đổi, các nội dung liên quan đến môi trường, lao động, và đặc biệt là bảo hộ cao hơn và sâu rộng hơn về sở hữu trí tuệ.

FTAs thế hệ mới điển hình và là hình mẫu cho các hiệp định khác chính là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Hiện nay, FTAs thế hệ mới thường xây dựng riêng một chương dành cho quyền SHTT. Chương về quyền SHTT có thể bao gồm các quy định mở rộng phạm vi độc quyền, đối tượng được bảo hộ, tăng cường các biện pháp bảo hộ và thực thi quyền SHTT, đơn giản hóa các thủ tục hành chính,... Thỏa thuận tại chương SHTT của FTAs thế hệ mới ấn định nghĩa vụ thành viên bảo hộ quyền SHTT ở mức cao hơn và toàn diện hơn cả về tiêu chuẩn bảo hộ và tiêu chuẩn thực thi quyền SHTT. Điều này được lí giải bởi việc xâm phạm quyền SHTT có chiều hướng gia tăng với các thủ đoạn tinh vi nhưng Hiệp định TRIPS và các điều ước quốc tế về SHTT do Tổ chức sở hữu trí tuệ Thế giới (WIPO) quản lý đã không còn đáp ứng được nhu cầu bảo hộ quyền SHTT của các quốc gia phát triển.

Các nhượng bộ trong vòng đàm phán Uruguay nhằm đạt được hiệu quả của Hiệp định TRIPS đã không còn phù hợp khi mà nhóm các quốc gia đang phát triển từ chối tiếp tục thảo luận về vấn đề nâng cao các tiêu chuẩn bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ [85]. Chính vì vậy, nhằm giảm thiểu các vi phạm về quyền sở hữu trí tuệ cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh trong các lĩnh vực liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ, các quốc gia phát triển đã tiến tới đàm phán FTAs thế hệ mới cùng với tiêu chuẩn bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cao hơn. Đối với các quốc gia đang phát triển, FTAs sẽ mang đến cơ hội tiếp cận những thị trường xuất khẩu tiềm năng, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, gia tăng tỉ lệ việc làm cho người dân, tăng nguồn thu ngoại tệ cho đất nước. Bên cạnh đó, xuất phát điểm ký kết của FTAs thường thấp, ký kết nhanh, phạm vi bao quát rộng, và có thể ký liên tục với nhiều đối tác cũng là một trong những lí do mà nhóm các quốc gia

đang phát triển lựa chọn FTAs [58, tr.55]. Tuy nhiên, khi mà các tiêu chuẩn bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ được nâng cao hơn cũng với phạm vi bao quát rộng và sâu hơn sẽ tạo ra áp lực phải thay đổi rất lớn cho nhóm các quốc gia đang phát triển nhưng đó cũng là cơ hội khiến họ phải hoàn thiện thể chế và từ đó tích cực thúc đẩy FTAs.

#### *2.1.4.2 Yêu cầu bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới*

Việc FTAs thế hệ mới dành một chương riêng cho quyền SHTT đã phần nào nói lên tầm quan trọng của tài sản trí tuệ. Tuy nhiên, quan trọng hơn là làm thế nào để bảo hộ những tài sản này cũng như quyền gắn liền với nó. FTAs đã nâng mức bảo hộ cao hơn so với các tiêu chuẩn trước đó thông qua các quy định, cam kết bắt buộc các quốc gia thành viên phải thực hiện, cụ thể bao gồm:

- Mở rộng đối tượng và phạm vi bảo hộ;
- Nâng cao năng lực thực thi quyền SHTT thông qua việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về ngăn chặn, xử lý các vi phạm quyền SHTT đồng thời đảm bảo triển khai các biện pháp thực thi một cách công bằng, đơn giản, nhanh chóng, xóa bỏ hoặc không tạo ra các rào cản đối với thương mại và hạn chế lạm dụng;
- Thúc đẩy minh bạch hóa hệ thống nộp đơn và đăng ký;
- Tạo lập thể chế cho công nghệ số;
- Ngăn ngừa sự mở rộng bảo hộ chỉ dẫn địa lý, có biện pháp bảo hộ quyền của chủ sở hữu nhãn hiệu đã có trước và các quy định về việc sử dụng khái niệm thông thường;
- Chú trọng đến các xâm phạm thông thường như hàng giả mạo, chiếm đoạt bí mật kinh doanh.

Việc nâng mức độ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ nhằm xác lập các tiêu chuẩn dựa vào các cam kết song phương và các cam kết khác của các quốc gia thành viên. Từ đó, thiết lập cơ chế cho việc đấu tranh chống hàng giả, hàng nhái, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, và ngăn chặn nạn trộm cắp bí mật thương mại. Việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cũng nhằm khuyến khích các cá nhân, tổ chức tham gia nghiên cứu, sáng tạo bởi nó sẽ đảm bảo lợi ích vật chất và tinh thần cho tác giả hoặc chủ sở hữu. Hơn nữa, khi quyền sở hữu trí tuệ được bảo hộ sẽ giúp ngăn ngừa các hành vi xâm phạm quyền, nâng cao ý thức xã hội và tạo ra môi trường kinh doanh lành mạnh [43]. Chính vì vậy, các yêu cầu bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong các FTAs thế hệ mới có thể chỉ nhắm vào một số lĩnh vực cụ thể hoặc một số đối tượng nổi bật trong thị trường kết nối giữa các quốc gia thành viên của FTAs đó mà không bao quát toàn bộ các vấn đề trong chính sách bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

#### *2.1.4.3 Mối quan hệ giữa các cam kết về quyền sở hữu trí tuệ trong các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và các điều ước khác*

Năm 1995, Hiệp định TRIPS ra đời với mục tiêu nhằm “*góp phần thúc đẩy việc cải tiến, chuyển giao và phổ biến công nghệ, mang lại lợi ích cho cả người sáng tạo và người sử dụng công nghệ cũng như lợi ích kinh tế - xã hội nói chung và đảm bảo sự cân bằng giữa quyền lợi và nghĩa vụ*” [35]. Cùng với WIPO, Hiệp định TRIPS đã nâng mức độ bảo hộ quyền SHTT trên bình diện toàn cầu khi quy định rất chặt chẽ về cơ chế bảo hộ, thực thi quyền SHTT, và các biện pháp ngăn chặn, xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT [96]. Tuy nhiên, với tốc độ phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật, khả năng sáng tạo, tư duy của con người ngày càng phát triển đã khiến Hiệp định TRIPS không thể ứng phó kịp thời. Bên cạnh đó, tình trạng vi phạm quyền SHTT diễn ra ngày càng tinh vi, phức tạp, có tính tổ chức với quy mô lớn.



Trên thực tế, mặc dù Hiệp định TRIPS được dẫn dắt bởi các quốc gia phát triển nhưng họ cho rằng mình đã phải nhượng bộ quá nhiều thông qua các ưu đãi ở thời kỳ quá độ, sức khỏe cộng đồng [58, tr.55]. Các quốc gia phát triển cho rằng các ưu đãi này đã được nhóm các quốc gia đang phát triển tận dụng triệt để. Nói cách khác, những điều khoản mang tính linh hoạt của Hiệp định TRIPS vô hình trung đã giúp nhóm các quốc gia đang phát triển trì hoãn việc thực hiện các cam kết về quyền SHTT. Tuy nhiên, các quốc gia đang phát triển lại cho rằng thực chất các quy định Hiệp định TRIPS chỉ thiên về bảo hộ quyền SHTT theo hướng có lợi cho các quốc gia phát triển. Hơn nữa, trên thực tế các ưu đãi, nhượng bộ theo quy định của Hiệp định TRIPS không trở thành hiện thực như đã cam kết ban đầu.

Những bất đồng nêu trên khiến cho nhóm các quốc gia phát triển, đặc biệt là Hoa Kỳ đã không còn tin tưởng vào thể chế đa phương bởi thất bại của Hiệp định TRIPS là do nhóm quốc gia đang phát triển trong Hiệp định TRIPS chiếm số đông. Nhóm các quốc gia đang phát triển đồng lòng và hợp lực nên phần nào hạn chế được mong muốn của các quốc gia phát triển thông qua cơ chế bảo hộ quyền SHTT của Hiệp định TRIPS [58, tr.55]. Chính vì vậy, FTAs đã trở thành lời giải cho những bất đồng trên. Cơ chế của FTAs chủ yếu thông qua đàm phán song phương để trực tiếp đặt ra các chính sách mậu dịch quốc tế thường chỉ ràng buộc các bên khi quyết định tham gia FTAs.

FTAs thế hệ mới cho phép các quốc gia phát triển nâng mức bảo hộ quyền SHTT đối với một số nhóm đối tượng cụ thể. Thông qua FTAs, các quốc gia phát triển đã lồng ghép và đưa vào các cam kết về bảo hộ quyền SHTT đối với nhóm đối tượng hoặc nhóm lĩnh vực nổi bật có thể mang đến những lợi ích to lớn về kinh tế đồng thời có khả năng kéo dài thời gian khai thác. Ví dụ, Hiệp định CPTPP mở rộng đối tượng bảo hộ quyền SHTT như mùi, âm thanh, hay những sản phẩm đặc thù như nông hóa phẩm, dược phẩm

*(nghĩa vụ thực hiện các cam kết về nhóm đối tượng này đã được tạm hoãn)* đây vốn là nhóm đối tượng mà Hoa Kỳ đã theo đuổi ngay từ những ngày đầu đàm phán. Bên cạnh đó, đối với các quốc gia đang phát triển, họ sẽ cần một khoảng thời gian để có thể kịp thích ứng với những quy định khắt khe hơn của FTAs.

Trên thực tế, FTAs thế hệ mới thường thông qua việc nâng cao tiêu chuẩn thực thi của cơ quan hành pháp về sở hữu trí tuệ để quy định các loại quyền SHTT mới, tiến tới việc hạn chế hoặc dần loại bỏ các điều khoản mang tính linh hoạt, thúc đẩy các tiêu chuẩn cao hơn so với Hiệp định TRIPS [85]. Hơn nữa, việc FTAs được dẫn dắt bởi các quốc gia có vị thế lớn trong nền kinh tế toàn cầu nên các quốc gia đang phát triển phần nào phải nhượng bộ để đổi lấy lợi ích cũng như thích ứng linh hoạt với những tiêu chuẩn bảo hộ quyền SHTT cao hơn so với quy định của Hiệp định TRIPS. Như vậy, thay vì thực hiện các nghĩa vụ bảo hộ theo Hiệp định TRIPS, các quốc gia thành viên FTAs thế hệ mới buộc phải tuân theo các cam kết bảo hộ quyền SHTT ở mức độ cao hơn, sâu hơn và chặt chẽ hơn các cam kết mà trước kia họ chấp thuận để đổi lại sự gắn kết trong thị trường thương mại tự do với các quốc gia phát triển.

## **2.2 Khái quát về Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương và nội dung thỏa thuận bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ**

### ***2.2.1 Khái quát về Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương – hình mẫu Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và nghĩa vụ của các quốc gia thành viên đối với các cam kết quyền sở hữu trí tuệ***

#### ***2.2.1.1 Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương – hình mẫu Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới với các thỏa thuận về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ***

Tiền thân của Hiệp định CPTPP là Hiệp định Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) với 12 quốc gia thành viên đã tham gia [3]. Hiệp

định bao gồm chương 18 về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ với 83 điều khái quát cơ bản. Chương 18 do Hoa Kỳ dẫn dắt đã ghi nhận chính sách bảo hộ sâu và rộng các đối tượng quyền SHTT so với Hiệp định TRIPS. Tuy nhiên, tháng 01 năm 2017, Hoa Kỳ tuyên bố chính thức rút khỏi Hiệp định TPP. Các quốc gia thành viên còn lại đã tích cực nghiên cứu, trao đổi và thống nhất phiên bản Hiệp định mới trong đó các nội dung liên quan đến SHTT theo ý tưởng của Hoa Kỳ nhưng chưa phù hợp với nhu cầu của các thành viên sẽ tạm dừng chưa thực hiện. Theo đó, tên gọi mới là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiên bộ xuyên Thái Bình Dương. Ngày 08 tháng 03 năm 2018, Hiệp định CPTPP được chính thức ký kết bởi 11 quốc gia thành viên tại San-ti-a-go, Chi lê. Hiệp định CPTPP chính thức có hiệu lực từ ngày 30 tháng 12 năm 2018 đối với nhóm 6 quốc gia đầu tiên hoàn tất thủ tục phê chuẩn Hiệp định gồm Mê-hi-cô, Nhật Bản, Xinh-ga-po, Niu Di-lân, Ca-na-đa và Ôt-xtrây-li-a. Đối với Việt Nam, Hiệp định CPTPP chính thức có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 01 năm 2019 [8].

Hiệp định CPTPP bao trùm các lĩnh vực cơ bản như thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, những vấn đề liên quan đến doanh nghiệp nhà nước, chính sách cạnh tranh, hợp tác về môi trường, lao động, giải quyết tranh chấp và đặc biệt là sở hữu trí tuệ. Là hình mẫu của FTAs thế hệ mới, Hiệp định CPTPP đưa ra cách tiếp cận thị trường một cách toàn diện, cụ thể bao gồm:

- Cắt giảm thuế quan và dỡ bỏ hàng rào phi thuế quan đối với tất cả hàng hóa, dịch vụ, đầu tư nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và xa hơn là toàn xã hội;

- Tiếp cận mang tính khu vực của Hiệp định CPTPP tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển chuỗi sản xuất và cung ứng, thúc đẩy tính liên tục trong thương mại;

- Tập trung đẩy mạnh hiệu quả và hỗ trợ hợp tác trong phạm vi khu vực và hội nhập xuyên biên giới;
- Tập trung giải quyết các vấn đề mà thương mại – nền kinh tế số phải đối mặt thông qua vai trò rất lớn của doanh nghiệp nhà nước;
- Thương mại mang tính toàn diện hơn khi bao gồm toàn bộ các yếu tố liên quan đến thương mại, nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm đảm bảo nền kinh tế của các quốc gia thành viên đều có thể hưởng lợi mà không phụ thuộc vào quy mô của quốc gia đó từ đó tạo nền tảng cho hội nhập khu vực - tiền đề hội nhập châu Á - Thái Bình Dương [100].

Hiệp định CPTPP đã giải quyết được rất nhiều vấn đề mà cơ chế đa phương chưa thể thực hiện bởi bất đồng giữa nhóm quốc gia phát triển và đang phát triển liên quan đến vấn đề bảo hộ quyền SHTT. Đối với nhóm quốc gia phát triển, họ sẽ đạt được những mong muốn về nhu cầu bảo hộ quyền SHTT thông qua các tiêu chuẩn cao hơn. Ngược lại, các quốc gia đang phát triển sẽ phải nâng cao tiêu chuẩn bảo hộ, cao hơn cả tiêu chuẩn của Hiệp định TRIPS và thích ứng linh hoạt với những yêu cầu mới của quyền SHTT nhằm đạt được những mục tiêu khác về hội nhập kinh tế.

Đàm phán Hiệp định TPP và Hiệp định CPTPP dựa trên nguyên tắc công bằng và vị thế bình đẳng giữa các quốc gia thành viên, tuy nhiên các phương án được đưa ra trong từng chương, mục của Hiệp định CPTPP đều thể hiện tác động, dấu ấn rõ nét của một vài quốc gia thành viên đề xuất. Hiệp định CPTPP dành riêng một chương [34] cho quyền SHTT khi ghi nhận chính sách bảo hộ sâu và rộng các đối tượng của quyền SHTT so với Hiệp định TRIPS cũng như các thỏa thuận thương mại khác đan xen giữa các thành viên của Hiệp định CPTPP. Việc bảo hộ nhằm xác lập tiêu chuẩn và khả năng thực thi quyền SHTT cao trong toàn bộ khu vực và vô hình trung thể hiện lợi thế sáng tạo và công nghệ của Hoa Kỳ [58, tr.54]. Trên thực tế, các tiêu chuẩn

bảo hộ này không tác động hay làm thay đổi pháp luật của Hoa Kỳ - quốc gia đã không còn là thành viên của Hiệp định CPTPP, nhưng lại tác động lớn đến các thành viên khác, đặc biệt là các quốc gia thành viên đang phát triển như Việt Nam.

Nhìn chung, Hiệp định CPTPP xác định chính sách bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ với những mục tiêu trọng tâm sau:

- Thúc đẩy chính sách bảo hộ mạnh mẽ và cân bằng giữa việc bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ;
- Thúc đẩy các sản phẩm chứa quyền sở hữu trí tuệ;
- Chú trọng đến các xâm phạm thông thường như hàng giả mạo, chiếm đoạt bí mật kinh doanh;
- Thúc đẩy sự rõ ràng, minh bạch, đồng thời nâng cao hiệu quả hệ thống nộp đơn và đăng ký đối với sáng chế, nhãn hiệu;
- Thúc đẩy sự phát triển và tiếp cận thuốc mới và thuốc thông thường; tạo lập thể chế cho công nghệ số, trong đó có nội dung sáng tạo;
- Ngăn ngừa sự mở rộng bảo hộ chỉ dẫn địa lý, có biện pháp bảo hộ quyền của chủ sở hữu nhãn hiệu đã có trước và các quy định về việc sử dụng khái niệm thông thường.

#### *2.2.1.2 Nghĩa vụ các quốc gia thành viên đối với các cam kết bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ*

Chương 18 của Hiệp định CPTPP bao gồm 83 điều khoản sắp xếp theo các mục từ A đến K và các phụ lục từ A đến F. Chương này đưa ra nhiều quan điểm bảo hộ tiêu chuẩn cao vì lợi ích của quốc gia “xuất khẩu” sản phẩm sáng tạo như Hoa Kỳ nên những nội dung chưa phù hợp đã được 11 thành viên xem xét tạm dừng thực hiện cho đến khi các thành viên nhất trí kết thúc việc tạm đình chỉ đó. Cụ thể, những nội dung tạm đình chỉ gồm: Điều 18.8; Điều 18.37; Điều 18.46; Điều 18.48; Điều 18.50; Điều 18.51; Điều

18.63; Điều 18.68; Điều 18.69; Điều 18.79; Điều 18.82; Phụ lục 18-E; Phụ lục 18-F. Với tư cách là một trong 11 quốc gia ký kết Hiệp định CPTPP, Việt Nam đã thông qua Nghị quyết số 72/2018/QH14 [55] vào ngày 12 tháng 11 năm 2018 phê chuẩn Hiệp định CPTPP cùng các văn kiện liên quan và là quốc gia thứ 7 phê chuẩn Hiệp định. Đối với Việt Nam, Hiệp định CPTPP chính thức có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 01 năm 2019 [8].

Các quốc gia thành viên phải đảm bảo nghĩa vụ thực thi các cam kết về quyền SHTT bao gồm: Nội luật hóa; tổ chức thực hiện; thiết lập đầu mối hợp tác và giám sát thực hiện giữa các quốc gia thành viên. Về nội luật hóa, mỗi quốc gia thành viên sẽ có một khoảng thời gian để chuẩn bị nhằm đưa các cam kết của Hiệp định CPTPP vào pháp luật của mỗi quốc gia mình. Điều này sẽ giúp các quốc gia đang phát triển với nền tảng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ còn hạn chế có thêm thời gian để chuẩn bị nhằm đáp ứng các cam kết của mình trong Hiệp định CPTPP, đặc biệt là Việt Nam . Ví dụ, trong lộ trình thực hiện cam kết về nội luật hóa quyền SHTT, Việt Nam có ba (03) năm kể từ ngày Hiệp định CPTPP chính thức có hiệu lực để thực hiện việc bảo hộ nhãn hiệu dưới hình thức âm thanh. Tuy nhiên, ngay cả khi đã có một khoảng thời gian để chuẩn bị và nội luật hóa các cam kết này thì các quốc gia đang phát triển vẫn phải đối mặt với các thách thức khác nhau như khả năng tiếp cận của cộng đồng sẽ bị hạn chế bởi chi phí có thể tăng cao, khả năng thích ứng của doanh nghiệp đối với các cam kết về quyền SHTT ngày càng sâu và rộng hơn.

Nhà nước và cơ quan chức năng có thẩm quyền là đầu mối hướng dẫn tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật về quyền SHTT cũng như tuyên truyền, giám sát việc thực thi quyền SHTT. Các cá nhân, doanh nghiệp phải đảm bảo việc thực thi quyền SHTT trong quá trình khai thác quyền này.

Cuối cùng, thành viên của Hiệp định CPTPP phải thành lập một hội đồng bao gồm đại diện Chính phủ mỗi bên cấp Bộ trưởng [34] để hợp tác và giám sát việc thực hiện các cam kết của Hiệp định CPTPP nói chung và cam kết về quyền SHTT nói riêng. Quy định này đảm bảo tất cả các thành viên sẽ tuân thủ và thực hiện các cam kết của mình theo Hiệp định CPTPP.

## ***2.2.2 Nội dung các cam kết bảo hộ quyền Sở hữu trí tuệ trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương***

### ***2.2.2.1 Các cam kết về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan và quyền sở hữu công nghiệp theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương***

Quyền tác giả, quyền liên quan được quy định tại điều 18.57 và 18.62 của Hiệp định CPTPP. Thời hạn bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định của Hiệp định CPTPP dài hơn so với Hiệp định TRIPS. Ví dụ, thời hạn bảo hộ đối với tác phẩm, cuộc biểu diễn, hoặc bản ghi âm được tính bằng cả cuộc đời tác giả và 70 năm sau khi tác giả mất [34]. Hiệp định CPTPP yêu cầu các quốc gia thành viên bảo hộ quyền độc quyền của tác giả, người biểu diễn, người sản xuất trong việc cho phép hoặc cấm sao chép, truyền đạt tới công chúng, phân phối và phát sóng các tác phẩm, cuộc biểu diễn và bản ghi âm của họ trong bất kỳ hình thức nào, kể cả dưới dạng điện tử [34]. Hơn nữa, quyền được bảo hộ của các chủ thể này đối với cùng một tác phẩm là ngang nhau, không có sự ưu tiên. Chính vì vậy, trường hợp một tác phẩm thuộc quyền của cả tác giả, người biểu diễn và nhà sản xuất bản ghi âm hoặc ghi hình thì việc sử dụng tác phẩm này phải nhận được sự cho phép của tất cả các chủ thể này [34].

Liên quan đến quyền SHCN, Hiệp định CPTPP bao gồm các cam kết bảo hộ đối với nhãn hiệu, sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, bí mật kinh doanh, chỉ dẫn địa lý; được quy định tại mục C, E, F, và G của chương 18

Hiệp định CPTPP. Ví dụ, đối với nhãn hiệu, CPTPP yêu cầu các quốc gia thành viên mở rộng tương tự bảo hộ phi truyền thống như mùi, âm thanh mà không bắt buộc phải nhìn thấy được và Việt Nam có ba (03) năm để nội luật hóa cam kết này kể từ ngày CPTPP chính thức có hiệu lực [34]. Hiệp định CPTPP quy định tất cả các sáng tạo, dù là sản phẩm hay quy trình, trong tất cả các lĩnh vực, nếu mới, có tính sáng tạo và có khả năng áp dụng công nghiệp thì đều có thể được bảo hộ dưới dạng sáng chế [34]. Bên cạnh đó, Hiệp định CPTPP cũng đưa ra một số cam kết bảo hộ quyền SHTT đối với một số sản phẩm đặc thù như dược phẩm, nông hóa phẩm, giống cây trồng, các vấn đề SHTT thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin (tín hiệu vệ tinh, các công cụ bảo mật, trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ mạng...). Các tiêu chuẩn bảo hộ này đã phần được xây dựng dựa theo những quy định của Hiệp định TRIPS nhưng được nâng cấp với những chính sách bảo hộ sâu và rộng hơn.

Nhìn chung, có thể thấy rằng cam kết về quyền sở hữu trí tuệ trong chương 18 của Hiệp định CPTPP chỉ chủ yếu tập trung vào nhóm đối tượng cụ thể thay vì chỉ hướng đến tạo một khung pháp lý chung về bảo hộ quyền SHTT như Hiệp định TRIPS [45, tr.63]. Ví dụ, đối với các cam kết đặc thù dành riêng cho các sản phẩm hóa chất trong nông nghiệp như thuốc bảo vệ thực vật, phân bón,...gọi chung là nông hóa phẩm, Hiệp định CPTPP đặt ra yêu cầu về thời hạn bảo hộ đối với “*Độc quyền dữ liệu*”. Theo đó, Độc quyền dữ liệu chính là kết quả thử nghiệm và các dữ liệu khác về tính hiệu quả và an toàn của nông hóa phẩm chưa công khai. Tất cả các dữ liệu độc quyền này sẽ được bảo hộ theo cam kết về quyền SHTT theo Hiệp định CPTPP.

Đối với dược phẩm, Hiệp định CPTPP thiết lập cơ chế thông báo cho chủ sở hữu bằng sáng chế trước khi cấp phép lưu hành cho một dược phẩm dựa trên các dữ liệu thử nghiệm đã được xuất trình trước đó cho cơ quan chức năng. Đây là quy định hoàn toàn mới, cho phép chủ sở hữu bằng sáng chế có



cơ hội hợp lý trong một khoảng thời gian phù hợp để bảo vệ quyền của mình. Tuy nhiên, đối với giống cây trồng, các quốc gia thành viên chỉ cần gia nhập Công ước Công ước quốc tế về bảo hộ giống cây trồng mới (UPOV). New Zealand là thành viên duy nhất phải thực hiện nghĩa vụ này do quốc gia này chưa gia nhập Công ước UPOV. Mặc dù, chương 18 được dẫn dắt bởi Hoa Kỳ, tuy nhiên quốc gia này cũng chỉ tập trung vào một số đối tượng SHTT nhất định vốn là thế mạnh của họ [45, tr.63]. Điều này không chỉ phát huy thế mạnh về công nghệ, khoa học kỹ thuật, hay văn học nghệ thuật của Hoa Kỳ mà còn giúp họ triệt tiêu được những điều khoản linh hoạt của Hiệp định TRIPS vốn được tận dụng triệt để bởi nhóm các quốc gia đang phát triển.

Mặc dù được xây dựng dựa trên nền tảng của Hiệp định TRIPS nhưng các tiêu chuẩn bảo hộ quyền SHTT của Hiệp định CPTPP sâu hơn và rộng hơn vì chúng được dẫn dắt bởi quốc gia có ưu thế về sở hữu trí tuệ, cụ thể là Hoa Kỳ [58, tr.54]. Các tiêu chuẩn này hướng đến việc bảo vệ quyền và lợi ích của chủ sở hữu quyền nhưng thực tế chúng tác động rất lớn đến chính sách bảo hộ quyền SHTT của các thành viên còn lại trong đó có Việt Nam. Để đạt được các mục tiêu về kinh tế, các nước đang phát triển là thành viên của Hiệp định CPTPP không những phải nội luật hóa những tiêu chuẩn bảo hộ quyền SHTT cao hơn mà còn phải nghiêm túc thực thi các tiêu chuẩn này. Đây chắc chắn sẽ là thách thức không nhỏ trong quá trình thực hiện những cam kết này bởi pháp luật về quyền SHTT của các quốc gia đang phát triển vẫn còn cách một khoảng khá xa so với các quốc gia phát triển.

Hiệp định TRIPS đã không thể giải quyết được những bất đồng về quyền và lợi ích giữa nhóm quốc gia phát triển và đang phát triển vì Hiệp định TRIPS vốn chỉ là một hiệp định nền tảng với những quy định chung để từ đó các nước xây dựng pháp luật về SHTT [58; tr.53]. Vì vậy, các quốc gia phát triển là thành viên của Hiệp định CPTPP với nền tảng bảo hộ và thực thi quyền SHTT cao sẽ

tận dụng Hiệp định CPTPP như một giải pháp nhằm buộc các quốc gia đang phát triển phải thay đổi để có thể đạt được những mục tiêu khác trong phạm vi khu vực FTAs.

#### *2.2.2.2 Các cam kết về thực thi quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương*

Các cam kết về thực thi quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định CPTPP đưa ra một loạt tiêu chuẩn mới với mức độ bảo hộ cao hơn rất nhiều so với Hiệp định TRIPS. Theo đó, các cam kết về nguyên tắc chung liên quan tới thực thi quyền SHTT đòi hỏi các thành viên phải xây dựng và thiết lập các biện pháp xử lý hiệu quả các hành vi xâm phạm quyền SHTT nhằm đảm bảo tính răn đe, đủ mạnh nhằm ngăn chặn việc tái phạm trong tương lai [34]. Tuy vậy, các biện pháp không được phép tạo thành những rào cản thương mại đối với các chủ thể quyền, phải đảm bảo tuân thủ đúng trình tự thực thi quyền SHTT, và tránh lạm dụng thủ tục [34]. Hơn nữa, thành viên Hiệp định CPTPP phải đảm bảo các trình tự, thủ tục xử lý phải công bằng, đơn giản, tránh gây lãng phí, làm phát sinh thêm các quy định về thời hạn [34] cũng như tính đến lợi ích hợp pháp của bên thứ ba [34]. Bên cạnh các cam kết chung, Hiệp định CPTPP cũng đưa ra các cam kết cụ thể liên quan thủ tục thực thi quyền SHTT bao gồm: Yêu cầu về các biện pháp thực thi quyền SHTT tại biên giới; yêu cầu về biện pháp xử lý vi phạm theo thủ tục dân sự, hành chính; và xử lý hình sự đối với vi phạm quyền SHTT.

Theo Hiệp định CPTPP, các biện pháp thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại biên giới ràng buộc trách nhiệm của Nhà nước và chủ thể quyền trong hành động bảo vệ nhãn hiệu, quyền tác giả và các quyền liên quan tại biên giới. Liên quan tới các biện pháp kiểm soát biên giới, Hiệp định CPTPP quy định cơ quan hải quan có thẩm quyền mặc nhiên trong việc thực thi quyền SHTT. Theo đó, đối với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu hoặc tạm nhập tái xuất có

dấu hiệu hoặc bị nghi ngờ giả mạo nhãn hiệu hoặc bị nghi ngờ sao chép lậu quyền tác giả, hải quan nước sở tại được phép tiến hành kiểm soát mà không cần có đơn yêu cầu của chủ sở hữu quyền hoặc bên thứ ba. Việt Nam chưa có lộ trình cụ thể để thực hiện cam kết trên đối với hàng hóa nhập khẩu, tuy nhiên Việt Nam có lộ trình ba (03) năm để thực hiện cam kết đối với hàng hóa xuất khẩu và hai (02) năm đối với hàng hóa quá cảnh.

Ngoài ra, các cơ quan này cũng được quyền ra kết luận vi phạm và xử lý tiêu hủy sản phẩm vi phạm kể cả đối với các lô hàng nhỏ nhưng không bắt buộc trong trường hợp hành lý phi thương mại của hành khách. Đây được coi là điểm khác biệt so với Hiệp định TRIPS bởi điều này cho phép cơ quan chức năng chủ động trong việc ngăn chặn hành vi vi phạm quyền SHTT thay vì bị động chờ đợi đơn khiếu nại hay các hành động yêu cầu ngăn chặn từ chủ thể quyền. Việc được phép chủ động ngăn chặn vi phạm quyền SHTT sẽ làm giảm hoặc hạn chế được tình trạng vi phạm ngày càng tăng, phức tạp, có tính tổ chức và tạo cơ sở bảo vệ quyền tốt hơn cho các chủ thể quyền SHTT.

Hiệp định CPTPP đưa ra các yêu cầu về biện pháp xử lý vi phạm quyền sở hữu trí tuệ theo thủ tục dân sự, hành chính. Khác với Hiệp định TRIPS, Hiệp định CPTPP cho phép chủ sở hữu quyền phải được phép kiện ra Tòa để yêu cầu thi hành các quyền SHTT. Hiệp định CPTPP ghi nhận yếu tố lỗi không được coi là cơ sở để phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại [34] vì việc chứng minh hành vi xâm phạm quyền SHTT là rất khó. Hơn nữa, Hiệp định CPTPP cũng yêu cầu các quốc gia thành viên phải thiết lập “*Các khoản bồi thường thiệt hại định trước để chủ thể quyền có thể lựa chọn*” và “*Các khoản bồi thường thiệt hại bổ sung*” dành cho mục đích cảnh cáo hoặc trừng phạt nhằm ngăn chặn các hành vi vi phạm trong tương lai [34].

Bên cạnh đó, Hiệp định CPTPP yêu cầu các quốc gia thành viên phải tuân thủ một số quy tắc tố tụng dân sự hoặc hành chính riêng đối với nhãn

hiệu, quyền tác giả và các quyền liên quan, bao gồm: Quy tắc suy đoán về quyền; quy tắc về tính toán mức thiệt hại phải bồi thường; và quy tắc bắt buộc tiêu hủy sản phẩm vi phạm mà không có bồi thường nếu chủ sở hữu quyền có yêu cầu. Hiệp định CPTPP đặt ra yêu cầu bắt buộc phải xử lý hình sự đối với một số các dạng vi phạm quyền SHTT, chủ yếu tập trung vào các vi phạm đối với nhãn hiệu, bí mật thương mại, quyền tác giả và quyền liên quan. Các quốc gia thành viên phải áp dụng các biện pháp xử lý hình sự bảo gồm cả phạt tù và phạt tiền ở mức đủ lớn để ngăn chặn hành vi vi phạm trong tương lai và biện pháp tiêu hủy các sản phẩm vi phạm. Hiệp định CPTPP cũng có các quy định chi tiết về cách thức cân nhắc về mức độ xử lý đối với các hành vi này.

Theo nguyên tắc đối xử tối huệ quốc gần như tuyệt đối trong Hiệp định TRIPS của WTO, hầu như tất cả các cam kết về SHTT theo Hiệp định CPTPP không chỉ áp dụng giữa các quốc gia thành viên mà còn áp dụng chung cho tất cả các quốc gia thành viên của WTO. Các quốc gia thành viên của CPTPP được quyền áp dụng mức độ bảo hộ SHTT cao hơn cam kết của Hiệp định CPTPP nhưng tuyệt đối không được thấp hơn cam kết của Hiệp định CPTPP trong mọi trường hợp. Đây là điểm khác biệt giữa cam kết SHTT theo Hiệp định TRIPS của WTO với phần lớn các cam kết khác trong Hiệp định CPTPP khi đa phần chỉ áp dụng đối với các quốc gia thành viên.

Các cam kết này của Hiệp định CPTPP là sâu hơn và rộng hơn rất nhiều so với Hiệp định TRIPS bởi ngay từ đầu nó đã được dẫn dắt bởi nước có nền tảng SHTT vững chắc là Hoa Kỳ. Việc siết chặt các quy định về thực thi quyền SHTT nhằm thực hiện hóa mục tiêu của Hoa Kỳ đó là để quy định các loại quyền SHTT mới và dần hạn chế, ngăn chặn hoặc xa hơn là xóa sổ các điều khoản mang tính linh hoạt. Các điều khoản linh hoạt vô hình trung đã tạo điều kiện hoặc một phần nào đó đem đến các nhượng bộ dành cho nhóm các quốc gia đang phát triển để dựa vào đó họ có thể trì hoãn hoặc hạn

ché thực hiện các cam kết về bảo hộ quyền SHTT. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến các quốc gia có nền khoa học công nghệ phát triển như Hoa Kỳ bởi vi phạm về quyền SHTT không những không giảm mà còn có chiều hướng gia tăng với nhiều thủ đoạn tinh vi, phức tạp, bất chấp và có tổ chức khi gây ra thiệt hại rất lớn đến chủ thể quyền.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Quyền sở hữu trí tuệ đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế thế giới nói chung, và kinh tế của mỗi quốc gia nói riêng. Việc phát triển kinh tế dựa trên quyền sở hữu trí tuệ đòi hỏi việc bảo hộ đồng bộ hoặc phải dựa theo một tiêu chuẩn đồng nhất giữa các quốc gia nhằm khai thác tối đa giá trị của quyền. Điều này đã được chứng minh thông qua sự ra đời của các điều ước về quyền sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên, bên cạnh việc phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ, thì những xâm phạm về quyền sở hữu trí tuệ diễn ra ngày càng phổ biến, tinh vi, phức tạp, và được sắp xếp với sự tham gia của nhiều cá nhân, tổ chức khác nhau. Chính vì vậy, thách thức này đòi hỏi các quốc gia, đặc biệt là các quốc gia phát triển phải có những biện pháp để xử lý các hành vi xâm phạm và các FTAs là một trong những lời giải cho vấn nạn này.

Trên thực tế, để đáp ứng được các yêu cầu về bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ đòi hỏi các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam phải nỗ lực rất nhiều nhằm đảm bảo thực hiện các cam kết trong các FTA thế hệ mới. Cụ thể, theo Hiệp định CPTPP, Việt Nam sẽ có một khoảng thời gian nhất định (tùy vào từng nội dung cam kết) để chuẩn bị, sắp xếp những nguồn lực cần thiết, phù hợp để hiện thực hóa các cam kết của mình. Việc nghiêm túc thực hiện các cam kết này sẽ không những gia tăng vị thế và uy tín của Việt Nam trên thế giới mà còn giúp Việt Nam hội nhập sâu hơn, rộng hơn vào kinh tế quốc tế như: tiếp cận thị trường, tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu,...Tuy nhiên, Việt Nam sẽ phải đối diện với rất nhiều vấn đề khi thực hiện các cam kết này do tiêu chuẩn và phạm vi bảo hộ đã được nâng lên ở một mức cao hơn so với trước kia rất nhiều. Nhóm đối tượng được bảo hộ cũng được mở rộng bao trùm lên nhiều lĩnh vực khác nhau nhằm đáp ứng nhu cầu bảo hộ

ngày càng phong phú. Bên cạnh đó, việc thực thi các cam kết về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định CPTPP cũng đặt ra những thách thức không nhỏ đối với Việt Nam khi những chế tài được áp dụng để xử lý vi phạm về quyền sở hữu trí tuệ có chiều hướng tăng nặng với nhiều hình thức khác nhau như: hành chính hóa, dân sự hóa và hình sự hóa.

### Chương 3

## THỰC TRẠNG THỰC HIỆN CAM KẾT VỀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ THEO HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC TOÀN DIỆN VÀ TIẾN BỘ XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG VÀ NGHĨA VỤ THỰC HIỆN CAM KẾT ĐỐI VỚI VIỆT NAM

### 3.1 Thực trạng các cam kết về quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương

#### 3.1.1 *Khái quát về nghĩa vụ thực hiện các cam kết về sở hữu trí tuệ theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương*

Chương 18 của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) bao gồm tám mươi ba (83) điều khoản sắp xếp theo các mục từ A đến K và các phụ lục từ A đến F. Chương này bao gồm các cam kết về quyền sở hữu trí tuệ với những tiêu chuẩn bảo hộ đa phần là hơn hoặc bằng so với Hiệp định TRIPS. Điều này là bởi ngay từ đầu chương 18 được dẫn dắt bởi Hoa Kỳ - quốc gia “xuất khẩu” sản phẩm sáng tạo. Chính vì vậy, mười một (11) quốc gia thành viên còn lại đã phân tích những nội dung chưa phù hợp của chương 18 và cân nhắc tạm dừng thực hiện cho đến khi các thành viên nhất trí kết thúc việc tạm đình chỉ đó.

Theo đó, những nội dung tạm đình chỉ gồm: Điều 18.8; Điều 18.37; Điều 18.46; Điều 18.48; Điều 18.50; Điều 18.51; Điều 18.63; Điều 18.68; Điều 18.69; Điều 18.79; Điều 18.82; Phụ lục 18-E; Phụ lục 18-F. Những nội dung tạm đình chỉ này liên quan đến:

(i) kéo dài thời hạn bảo hộ sáng chế khi cơ quan cấp bằng sáng chế tạo ra “*sự trì hoãn không hợp lý*” trong việc cấp bằng sáng chế [34] hoặc có một sự “*trì hoãn không cần thiết*” trong việc cấp giấy phép lưu hành dược phẩm [34];



(ii) điều khoản mở rộng “các đối tượng có thể được cấp bằng sáng chế” đến những sản phẩm đã biết nhưng có công dụng mới, quy trình sử dụng mới hoặc cách thức sử dụng mới [34];

(iii) quy định về thời hạn bảo hộ quyền tác giả [34];

(iv) các quy định về bảo vệ các kết quả thử nghiệm vũ dữ liệu bí mật [34];

(v) quy định liên quan tới bảo vệ sinh phẩm [34];

(vi) điều khoản liên quan đến tín hiệu vệ tinh mang chương trình mã hóa và tín hiệu truyền hình cáp [34];

(vii) quy định về phát triển hệ thống các biện pháp công nghệ phục vụ cho việc bảo vệ quyền và hệ thống thông tin quản lý quyền [34];

(viii) quy định về nghĩa vụ của nhà cung cấp dịch vụ Internet khi có sự vi phạm bản quyền trực tuyến [34].

Chương 18 của Hiệp định CPTPP bao gồm các cam kết liên quan tới bảo hộ và thực thi quyền SHTT, các cam kết này được chia làm bốn nhóm nghĩa vụ chính dành cho các quốc gia thành viên.

*Thứ nhất*, nhóm các cam kết chung với các cam kết về việc gia nhập các Công ước về SHTT được liệt kê và mỗi quốc gia thành viên được hưởng một lộ trình gia nhập khác nhau [34]. Ví dụ, Việt Nam có lộ trình gia nhập là từ hai (02) đến ba (03) năm tùy công ước, trong khi đó lộ trình của Malaysia lại kéo dài hơn và ít nhất là (03) năm tùy công ước. Ngoài ra, nhóm các cam kết chung này cũng điều chỉnh về các vấn đề khác như hợp tác giữa các nước thành viên của Hiệp định CPTPP trong bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; hay các nguyên tắc chung như đối xử quốc gia, minh bạch.

*Thứ hai*, nhóm các cam kết về các tiêu chuẩn bảo hộ các quyền SHTT. Nhóm này bao gồm các cam kết về tiêu chuẩn bảo hộ đối với phần lớn các loại tài sản sở hữu trí tuệ như nhãn hiệu, sáng chế, quyền tác giả và quyền liên quan, kiểu dáng công nghiệp, bí mật kinh doanh, chỉ dẫn địa lý. Các tiêu

chuẩn này dựa trên nhưng đa phần cao hơn so với tiêu chuẩn tương ứng của Hiệp định TRIPS. Tương tự như nhóm đầu tiên, các quốc gia thành viên sẽ được hưởng một lộ trình thực hiện khác nhau. Ví dụ, Việt Nam được hưởng lộ trình thực hiện các cam kết về tiêu chuẩn bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ trung bình từ ba (03) cho đến năm (05) năm. Trong khi đó, Brunei được hưởng lộ trình thực hiện từ mười tám (18) tháng đến tối đa là bốn (04) năm [34].

*Thứ ba*, cùng với các tiêu chuẩn chung đối với các nhóm tài sản sở hữu trí tuệ, Hiệp định CPTPP còn bao gồm các cam kết riêng về một số loại sản phẩm SHTT đặc thù như nông hóa phẩm, dược phẩm. Ngoài ra, nhóm các cam kết riêng này còn hướng đến việc xử lý các vấn đề SHTT thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin như: tín hiệu vệ tinh, truyền hình kỹ thuật số, các công cụ bảo mật, trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ mạng Internet... Việt Nam được hưởng lộ trình thực hiện các cam kết này từ hai (02) năm đến mười (10) năm, tùy vào từng cam kết đối với các đối tượng cụ thể [34].

Nhóm cuối cùng liên quan tới việc thực thi các quyền sở hữu trí tuệ. Cụ thể, nhóm này bao gồm những cam kết tăng cường mức độ hiệu quả thực thi và bảo hộ các quyền SHTT. Các cam kết này đồng thời cũng hướng tới việc xử lý nghiêm khắc hơn, có tính răn đe, ngăn ngừa tái phạm đối với các vi phạm quyền SHTT. Nguyên nhân là bởi các xâm phạm về quyền SHTT hiện nay diễn ra với quy mô ngày càng phức tạp, tinh vi, với các hình thức vi phạm khác nhau trong nhiều lĩnh vực như văn hóa nghệ thuật, khoa học công nghệ, hay các vi phạm trên những nền tảng số. Bên cạnh đó, hiệu quả thực thi và bảo hộ quyền SHTT của Hiệp định TRIPS và các Công ước về quyền SHTT do WIPO quản lý đã không đáp ứng được nhu cầu bảo hộ của các quốc gia phát triển. Đối với nhóm cam kết về thực thi các quyền sở hữu trí tuệ, Việt Nam có lộ trình từ hai (02) năm đến ba (03) năm để thực hiện tùy vào các

biện pháp cụ thể [34]. Trong khi đó, Malaysia có lộ trình thực hiện các cam kết về thực thi quyền SHTT lâu hơn, cụ thể là các yêu cầu đặc biệt liên quan tới các biện pháp tại biên giới có lộ trình thực hiện là bốn (04) năm [34].

### ***3.1.2 Quá trình thực hiện các cam kết về sở hữu trí tuệ theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương của Việt Nam***

Tại Báo cáo số 522/BC-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ về thuyết minh Báo cáo về Hiệp định CPTPP gửi Quốc hội, theo đó đối với các văn bản luật được kiến nghị sửa đổi, bổ sung nhưng chưa đưa được vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018 và năm 2019, bao gồm Luật Sở hữu trí tuệ và Luật Kinh doanh bảo hiểm. Nghị quyết số 72/2018/QH14 ngày 12 tháng 11 năm 2018 [55] (Nghị quyết số 72/2018) về Phê chuẩn Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương cùng các văn kiện liên quan đã ban hành danh mục các luật cần phải sửa đổi, bổ sung theo lộ trình cam kết trong Hiệp định CPTPP tại Mục 2 Phụ lục 3, trong đó có Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật Sở hữu trí tuệ. Ngày 24 tháng 12 năm 2018, Văn phòng chính phủ có Công văn số 12477/VPCP-QHQ thông báo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về hoàn thiện kế hoạch thực hiện Hiệp định CPTPP.

Triển khai nhiệm vụ soạn thảo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tiến hành tổng kết đánh giá hiện trạng của một số chính sách đề nghị sửa đổi trong lĩnh vực SHTT tại Việt Nam. Sau khi tổng hợp các báo cáo và đánh giá, ngày 14 tháng 06 năm 2019, Quốc hội đã sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật SHTT tại luật số 42/2019/QH14. Các sửa đổi này tập trung chủ yếu về hiệu lực pháp lý với bên thứ ba của hợp đồng sử dụng quyền sở hữu công nghiệp; căn cứ yêu cầu bồi thường thiệt hại về vật chất; và trách nhiệm thanh toán của nguyên

đơn đối với bị đơn khi Tòa án xác định bị đơn không thực hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của nguyên đơn.

Các sửa đổi trên chỉ mới đáp ứng một phần các yêu cầu của Hiệp định CPTPP nên ngày 16 tháng 06 năm 2022, Quốc hội tiếp tục thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT. Nội dung sửa đổi liên quan đến biện pháp công nghệ bảo vệ quyền và thông tin quản lý quyền để đảm bảo thực thi trong môi trường số; ngoại lệ quyền tác giả, quyền liên quan; bảo hộ nhãn hiệu âm thanh; chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ đối với nhãn hiệu; cơ chế bảo đảm thông tin cho chủ bằng sáng chế thực thi quyền trong thủ tục cấp phép lưu hành thị trường đối với dược phẩm; nghĩa vụ bảo hộ dữ liệu bí mật trong đơn xin cấp phép nông hóa phẩm; cơ chế đền bù cho chủ sở hữu sáng chế vì sự chậm trễ trong việc cấp phép lưu hành dược phẩm; giả định về quyền tác giả, quyền liên quan; quyền, trách nhiệm của những doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian trên môi trường mạng Internet và mạng viễn thông; nghĩa vụ chủ động tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bị nghi ngờ là hàng giả mạo SHTT.

Trên cơ sở hoàn thiện thể chế đáp ứng yêu cầu của Hiệp định CPTPP, thực tiễn bảo hộ quyền SHTT ngày càng minh chứng cho nghĩa vụ thực hiện các cam kết bảo hộ quyền SHTT của Việt Nam. Bên cạnh đó, thời gian qua Việt Nam cũng đã nỗ lực gia nhập các Điều ước quốc tế liên quan theo yêu cầu của Hiệp định CPTPP như Hiệp ước về Quyền tác giả của Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (Hiệp ước WCT); Hiệp ước về Biểu diễn và bản ghi âm của Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (Hiệp ước WWPT); Thỏa ước La-hay về đăng ký quốc tế kiểu dáng công nghiệp (Thỏa ước La-hay); và Hiệp ước Budapest về sự công nhận quốc tế đối với việc nộp lưu chủng vi sinh nhằm tiến hành các thủ tục về sáng chế (Hiệp ước Budapest).

## **3.2 Các nghĩa vụ thực hiện và thực trạng thực hiện các cam kết về quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương của Việt Nam**

### **3.2.1 Thực trạng nội luật hóa và tổ chức thực hiện các cam kết của Việt Nam về quyền tác giả và quyền liên quan theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương**

Các cam kết về quyền tác giả (QTG), quyền liên quan (QLQ) của Hiệp định CPTPP được quy định tại Mục H và J – Chương 18 [34]. Theo đó, QTG bao gồm các định nghĩa áp dụng đối với người biểu diễn và nhà sản xuất bản ghi âm như: phát sóng, truyền đạt tới công chúng, định hình, người biểu diễn, bản ghi âm, nhà xuất bản ghi âm, và công bố [34]. QTG và QLQ được quy định rằng mỗi quốc gia thành viên của Hiệp định CPTPP phải dành các quyền của người biểu diễn và nhà sản xuất bản ghi âm cho người biểu diễn và nhà sản xuất bản ghi âm là công dân của quốc gia thành viên khác; cho cuộc biểu diễn hoặc bản ghi âm công bố lần đầu tiên hoặc định hình lần đầu tiên trong phạm vi lãnh thổ của quốc gia thành viên khác [34]. Pháp luật Việt Nam cơ bản đã tương thích với những quy định trên, tuy nhiên vẫn còn rất nhiều nội dung đặt ra yêu cầu nội luật hóa với Việt Nam.

Thứ nhất, Hiệp định CPTPP yêu cầu rằng tác giả, người biểu diễn, nhà sản xuất (gọi chung là “*chủ sở hữu*”) được độc quyền trong việc *cho phép, không cho phép hoặc cấm* sao chép [34], truyền đạt [34] và phân phối [34] tác phẩm, cuộc biểu diễn, hoặc bản ghi âm của mình đến công chúng theo bất kỳ hình thức hoặc cách thức nào, bằng hình phương tiện vô tuyến hoặc hữu tuyến. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ (Luật SHTT 2022) quy định sao chép là “*việc tạo ra bản sao của toàn bộ hoặc một phần tác phẩm hoặc bản ghi âm, ghi hình bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào*” [51]. Khoản 5 Điều 1 Luật SHTT 2022 quy định chủ sở hữu QTG được

“độc quyền thực hiện hoặc cho phép” bên thứ ba sao chép, truyền đạt, và phân phối tác phẩm của mình đến công chúng [51]. Sửa đổi này phù hợp với Công ước Berne bởi tại khoản 1 điều 9 của Công ước chỉ điều chỉnh quyền cho phép, còn hoàn toàn không đề cập đến việc tác giả có thể cấm việc sao chép dưới bất kỳ hình thức nào hay không [14]. Đối với Hoa Kỳ, họ cũng chỉ trao cho chủ sở hữu quyền độc quyền về việc cho phép sao chép các tác phẩm được bảo hộ dưới dạng bản sao hoặc bản ghi âm [87].

Thứ hai, Hiệp định CPTPP quy định rằng quyền được bảo hộ của các chủ sở hữu đối với cùng một tác phẩm là ngang nhau, không có thứ tự ưu tiên [34]. Theo đó, nếu bên thứ ba muốn sử dụng tác phẩm thuộc quyền sở hữu của tác giả, người biểu diễn và nhà sản xuất bản ghi âm/ ghi hình tác phẩm đó thì phải xin phép và được sự đồng ý của tất cả các chủ thể này. Theo Luật SHTT 2022, cá nhân hoặc tổ chức muốn sử dụng tác phẩm bảo hộ QTG phải được sự cho phép và trả tiền bản quyền, các quyền lợi vật chất khác cho chủ sở hữu QTG [34]. Bên cạnh đó, khi khai thác, sử dụng một, một số hoặc toàn bộ các quyền của người biểu diễn hoặc nhà sản xuất bản ghi âm/ ghi hình, thì bên thứ ba phải được sự cho phép và trả tiền bản quyền cho chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn [34], hoặc chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình [34]. Những thay đổi này bắt buộc bên thứ ba muốn sử dụng tác phẩm được bảo hộ phải được sự cho phép của các chủ thể quyền thay vì chỉ trả thù lao [48] hoặc các quyền lợi vật chất khác [48] như trước kia.

Thứ ba, Hiệp định CPPTPP kéo dài thời gian bảo hộ QTG và QLQ thêm 20 năm so với pháp luật hiện hành của Việt Nam [34]. Nếu chủ thể quyền không phải cá nhân, gia hạn thêm hai mươi (20) năm tức là thời gian được bảo hộ tăng lên tới 40% so với trước đây. Việt Nam có năm (05) năm để nội luật hóa cam kết này từ ngày CPTPP có hiệu lực nên Luật SHTT 2022 vẫn chưa điều chỉnh các cam kết trên. Cam kết này mang đến nhiều lợi ích

cho các các tác giả và doanh nghiệp chủ sở hữu quyền bởi họ có thêm thời gian để khai thác lợi ích về kinh tế và danh tiếng. Tuy nhiên, quy định này phần nào sẽ ảnh hưởng đến những lợi ích cộng đồng khi việc được tiếp cận miễn phí các tác phẩm này sẽ phải kéo dài thêm.

Thứ tư, CPTPP đưa ra các cam kết nhằm bảo vệ QTG và QLQ thông qua việc ngăn chặn các hành vi làm công cụ cho việc xâm phạm các quyền này. Các hành vi phá, dỡ, vô hiệu hóa các công nghệ bảo vệ (Technological Protection Measures “**TPM**”) [34] và hành vi xâm phạm thông tin quản lý quyền (Rights Management Information “**RMI**”) [34] nhằm mục đích thương mại hoặc thu lợi sẽ bị xử lý hình sự và bồi thường thiệt hại. Luật SHTT 2022 đã định nghĩa “*Biện pháp công nghệ bảo vệ quyền*” và “*Thông tin quản lý quyền*” [51], bổ sung quy định về hành vi xâm phạm QTG và QLQ bao gồm các hành vi phá dỡ, vô hiệu hóa các công nghệ bảo vệ [51], và xâm phạm thông tin quản lý quyền [51]. Các quy định này đã tương thích với yêu cầu của CPTPP, thể hiện cam kết của Việt Nam khi tham gia các FTAs thế hệ mới nhằm bắt kịp với sự phát triển của công nghệ, nâng cao hiệu quả bảo hộ QTG trong môi trường Internet. Điều này tạo động lực sáng tạo và tối đa hóa việc khai thác lợi ích từ sản phẩm của các chủ thể quyền.

Thứ năm, Hiệp định CPTPP đặt ra yêu cầu đối với các quốc gia thành viên về việc phải đảm bảo việc cân đối giữa quyền của chủ sở hữu với các mục tiêu công cộng khác. Trong từng trường hợp cụ thể, các ngoại lệ này sẽ được áp dụng tùy theo cách thức và điều kiện cho phép [34]. Ví dụ, một phần hoặc toàn bộ tác phẩm được sử dụng nhằm phân tích, bình luận, báo cáo, giảng dạy, nghiên cứu, hoặc hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận tác phẩm thuận lợi hơn. Luật SHTT 2022 đã liệt kê cụ thể những ngoại lệ không phải xin phép và không phải trả tiền bản quyền cho tác giả [51], người biểu diễn và nhà sản xuất bản ghi âm/ ghi hình [51]. Những ngoại lệ này cơ bản đáp ứng

yêu cầu đặt ra của CPTPP và hướng đến việc cân bằng lợi ích giữa cộng đồng và chủ thể quyền.

Những thay đổi của Luật SHTT 2022 mới chỉ đáp ứng được một phần yêu cầu nội luật hóa các cam kết về QTG và QLQ theo Hiệp định CPTPP. Cụ thể, cam kết về việc không có thứ tự ưu tiên trong bảo hộ QTG và QLQ chưa được quy định. Luật SHTT 2022 cũng chưa quy định việc chủ sở hữu được độc quyền trong việc cấm sao chép, truyền đạt tới công chúng, phân phối và phát sóng các tác phẩm của mình. Việt Nam cũng chưa nội luật hóa cam kết về gia tăng thời hạn bảo hộ. Bên cạnh đó, các cam kết đã được nội luật hóa mới chỉ dừng lại ở các quy định chung, mà chưa có các hướng dẫn cụ thể tại các văn bản dưới luật như Nghị định, Thông tư. Điều này sẽ gây khó khăn cho cả cơ quan chức năng và chủ sở hữu quyền SHTT khi có tranh chấp xảy ra bởi cách hiểu có thể khác nhau khi chưa được hướng dẫn cụ thể, chi tiết.

Vì vậy, cần nhanh chóng hoàn thiện thể chế pháp luật nhằm đáp ứng các cam kết của Hiệp định CPTPP cũng như nhu cầu thực tế của cơ quan chức năng và chủ thể quyền. Tuy nhiên, việc đáp ứng một phần yêu cầu nội luật hóa các cam kết về quyền SHTT theo Hiệp định CPTPP có thể tạm chấp nhận được bởi nó phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội hiện nay cũng như lộ trình cam kết của Việt Nam. Việt Nam cần có sự chuẩn bị kỹ nhằm đảm bảo rằng Nhà nước và các chủ thể quyền có đủ thời gian, nguồn lực để kịp thích ứng.

Nhằm nâng cao hiệu quả thực thi các cam kết về QTG và QLQ theo CPTPP, Việt Nam cần phải đảm bảo thực hiện những mục tiêu sau: (i) Thực hiện cam kết về QTG và QLQ; (ii) Thiết lập một hệ thống bao gồm các thiết chế để quản lý và tổ chức thực thi QTG và QLQ theo CPTPP; (iii) Báo cáo tiến độ thực hiện và hợp tác với các quốc gia thành viên của Hiệp định. Để thực hiện mục tiêu đầu tiên thì Nhà nước, tổ chức, và người dân phải đảm bảo



thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ của mình. Nghị quyết số 72/2018 và các văn kiện liên quan đã ban hành danh mục các luật cần phải sửa đổi, bổ sung theo lộ trình cam kết trong Hiệp định CPTPP tại Mục 2, Phụ lục 3.

Thủ tướng Chính phủ chịu trách nhiệm phê duyệt và chỉ đạo các cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai kế hoạch thực hiện cam kết về quyền tác giả, quyền liên quan theo CPTPP; phát triển nguồn nhân lực để bảo đảm tận dụng cơ hội, lợi ích từ các cam kết này. Đồng thời lên kế hoạch, triển khai hiệu quả các biện pháp phòng ngừa và xử lý những tác động bất lợi có thể phát sinh trong quá trình thực hiện cam kết về quyền tác giả, quyền liên quan theo CPTPP; đảm bảo rằng các cam kết này được thông tin, tuyên truyền kịp thời, đầy đủ nội dung nhằm tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của hệ thống chính trị, doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân về việc Việt Nam tham gia Hiệp định CPTPP [54]. Cuối cùng, Chính phủ có nhiệm vụ chỉ đạo các Bộ, ngành có liên quan hoàn thành thủ tục phê chuẩn CPTPP và thông báo thời điểm có hiệu lực đối với Việt Nam [54].

Theo đó, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VHTTDL) thực hiện rà soát các dự án luật tại Phụ lục 3 và các văn bản pháp luật khác liên quan đến QTG và QLQ để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới kịp thời, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật và đúng lộ trình thực hiện các cam kết theo Hiệp định CPTPP [54]. Các nghĩa vụ phải thực hiện ngay khi CPTPP có hiệu lực đã được nội luật hóa tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ [50]. Bộ VHTTDL chịu trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về QTG và QLQ [64] và soạn thảo tờ trình phê duyệt để tham gia hai điều ước gồm: Hiệp ước về Quyền tác giả của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (Hiệp ước WCT) và Hiệp ước về Biểu diễn và bản ghi âm của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (Hiệp ước WPPT) [65]. Năm 2021, Việt Nam chính thức gia nhập Hiệp ước WCT sau

khi hoàn thiện các thủ tục cần thiết qua đó giúp các chủ thể quyền được bảo hộ nhanh chóng trên phạm vi rộng hơn đồng thời thể hiện cam kết của Việt Nam khi tham gia CPTPP [1].

Đề án nhằm tăng cường năng lực quản lý và thực thi có hiệu quả pháp luật bảo hộ QTG và QLQ với những mục tiêu cụ thể trong giai đoạn 2020-2025 [66] đã được phê duyệt. Trong giai đoạn này, số lượng cán bộ quản lý và thực thi pháp luật về QTG và QLQ từ Trung ương đến địa phương được tham gia chương trình tập huấn nghiệp vụ phải đạt 100% [66]. Số lượt các chủ thể quyền tham dự các lớp tập huấn về QTG và QLQ mỗi năm là khoảng 700 [66]. Đồng thời, tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có cán bộ kiêm nhiệm hoặc chuyên trách quản lý và thực thi pháp luật về QTG và QLQ [66]. Ngoài ra, cơ quan có thẩm quyền phải tiến hành cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4 đối với hoạt động đăng ký QTG và QLQ [66]. Thực tế, đã có rất nhiều tỉnh, thành phố đã thực hiện những yêu cầu nêu trên với các kết quả tích cực như: Hải Dương [39]; Bắc Kạn [16]; Ninh Thuận [68];....

Theo chiến lược về SHTT đến năm 2030, Chính phủ đặt mục tiêu phát triển được các ngành công nghiệp văn hóa dựa trên QTG và QLQ nhằm tạo ra ngày càng nhiều sản phẩm sáng tạo đa dạng, chất lượng cao, có thể đóng góp khoảng 7% GDP và tạo thêm nhiều việc làm cho xã hội [64]. Cụ thể, chính sách, pháp luật về SHTT cần nhanh chóng hoàn thiện để đảm bảo hệ thống các tổ chức quản lý tập thể QTG và QLQ hoạt động có hiệu quả, minh bạch, bảo vệ lợi ích hợp pháp của các chủ thể sáng tạo, khuyến khích hoạt động sáng tạo [64]. Mục tiêu thứ hai đó là hỗ trợ, khuyến khích nhằm đẩy mạnh việc khai thác, sử dụng các sản phẩm sáng tạo là đối tượng của QTG và QLQ đã hết thời hạn bảo hộ hoặc thuộc về Nhà nước [64].

Mục tiêu thứ ba là tăng cường năng lực, đầu tư cơ sở vật chất để nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức quản lý tập thể QTG và QLQ, qua đó

đáp ứng kịp thời nhu cầu của xã hội, bảo đảm hài hòa lợi ích của các bên liên quan [64]. Chiến lược trên đã thể hiện nỗ lực của Việt Nam nhằm thực hiện các cam kết về QTG và QLQ theo Hiệp định CPTPP. Nửa đầu năm 2019, Cục bản quyền tác giả đã thụ lý, cấp mới 3.410 giấy chứng nhận đăng ký QTG và QLQ [2]. Bên cạnh đó, với sự ra đời của 5 tổ chức nhằm thực hiện việc đàm phán cấp phép sử dụng, thu phí và phân phối lợi nhuận cho các chủ thể đã ủy thác quyền phần nào giải quyết được vấn đề yếu kém trong việc tự quản lý và khai thác quyền của chủ sở hữu. Năm 2020, Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc Việt Nam (VCPMC) có 276 tác giả là thành viên ký hợp đồng ủy quyền, nâng tổng số thành viên lên là 4540 tác giả. Năm 2020, mặc dù bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 nhưng VCPMC vẫn thu về hơn 150 tỉ đồng từ việc sử dụng QTG âm nhạc [67].

Những bước đầu thực hiện cam kết của Việt Nam đã góp phần thúc đẩy các hoạt động sáng tạo, tác giả thực sự được tôn trọng các quyền về mặt tinh thần, kinh tế, và các lợi ích khác từ việc khai thác tác phẩm. Bảo hộ quyền tác giả không chỉ đảm bảo quyền tự do sáng tạo của cá nhân, tổ chức mà còn đảm bảo quyền bình đẳng, tự định đoạt của các chủ thể. Sự tự do sáng tạo của cá nhân được khuyến khích, tôn trọng và đảm bảo trên cơ sở được sự bảo hộ của Nhà nước. Bên cạnh việc tạo ra hành lang pháp lý cho việc bảo hộ, thì việc tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức pháp luật cũng rất quan trọng. Nhận thức đầy đủ của người dân, doanh nghiệp về quyền tác giả, quyền liên quan là một yếu tố cốt lõi trong việc bảo hộ bởi nó không chỉ giúp tác giả yên tâm sáng tạo mà còn đem lại cho họ những lợi ích khác khi khai thác quyền [73]. Chính phủ, các cơ quan truyền thông đã vào cuộc rất tích cực trong việc tuyên truyền bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan từ đó đã có những chuyển biến rất tích cực đến từ người dân, doanh nghiệp khi thói quen tôn trọng quyền của họ đã và đang dần hình thành.

Tuy nhiên, số liệu trên chưa phản ánh hết thực trạng bảo hộ hiện nay bởi vì đó chỉ là một phần rất nhỏ trong hàng chục nghìn tác phẩm thuộc các

lĩnh vực văn học, nghệ thuật [62]. Đối với cá nhân, đặc biệt là tác giả - người trực tiếp sáng tạo, họ vẫn còn xem nhẹ vấn đề bản quyền vì ngại kiện tụng [62]. Khi có tranh chấp, tác giả phải tốn rất nhiều thời gian, công sức để thu thập chứng cứ như thời điểm sáng tạo, trình diễn, công bố tác phẩm hoặc xác định thời điểm bản viết tay ra đời. Điều này đã dẫn đến tâm lý chán nản, dễ buông xuôi, tạo điều kiện cho các xâm phạm diễn ra ngày càng nhiều, ngang nhiên, đồng thời làm cho nhiều vụ việc trở nên phức tạp, khó giải quyết [62]. Trong khi đó chỉ cần nắm rõ quy định của pháp luật và ý thức chủ động đăng ký bảo hộ để sử dụng làm bằng chứng cho việc xác lập quyền của mình, thì tác giả hoàn toàn có thể tránh khỏi tranh chấp, kiện tụng. Việc vẫn còn tồn tại tâm lý “*xài chùa*” [62] đã tạo động lực phát triển cho các vi phạm QTG và QLQ.

Hiện nay, việc đưa các tác phẩm văn học, nghệ thuật, điện ảnh lên nền tảng số đã tạo ra một thị trường mới đầy hấp dẫn, đem lại doanh thu khổng lồ nên thu hút rất nhiều sự tham gia của các công ty công nghệ [30]. Họ sẵn sàng đưa các tác phẩm văn học, nghệ thuật, điện ảnh trái phép hoặc không có bản quyền lên mạng để thu tiền thông qua lượt xem hoặc lượt quảng cáo [78]. Từ đó dẫn đến tình trạng xâm phạm QTG và QLQ trong môi trường Internet ngày càng nhiều với tính chất vô cùng phức tạp [30]. Hầu hết khi bị phát hiện, các đơn vị cung cấp nền tảng kinh doanh trái phép chỉ xin lỗi, gỡ các sản phẩm đã đưa lên hoặc đền bù mang tính hình thức trong khi tổn thất tinh thần thậm chí còn lớn hơn thiệt hại về kinh tế [63]. Hơn nữa, để đạt được những kết quả nêu trên thì chủ thể QTG và QLQ bị xâm phạm sẽ phải trải qua nhiều thủ tục kiện tụng phức tạp, tốn thời gian, và công sức [30]. Nhìn chung, việc thực hiện các cam kết về QTG và QLQ theo Hiệp định CPTPP đã có những chuyển biến tích cực từ Nhà nước, cá nhân, và tổ chức. Tuy vậy, rất nhiều vấn đề cần phải giải quyết triệt để nhằm tuân thủ đầy đủ các cam kết về QTG và QLQ theo Hiệp định CPTPP.

Đối với nhiệm vụ thứ hai, Bộ Công Thương là đại diện chính (cùng một số bộ ban ngành liên quan) của Việt Nam có nhiệm vụ tham gia tại các kì họp Hội đồng Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (Hội đồng). Hội đồng bao gồm các đại diện Chính phủ mỗi Bên ở cấp Bộ trưởng hoặc quan chức cấp cao [34]. Hội đồng được thành lập nhằm đảm bảo việc thực thi Hiệp định bằng cách thiết lập một hệ thống bao gồm các thiết chế để quản lý và tổ chức thực hiện CPTPP [34] bao gồm các quyền SHTT. Cụ thể, Hội đồng có thể xây dựng các thỏa thuận để thực hiện CPTPP; giải quyết các tranh chấp phát sinh khi áp dụng CPTPP; hoặc đưa ra các giải thích về quy định của CPTPP [34]. Mỗi thành viên sẽ có trách nhiệm điều hành cuộc họp của Hội đồng theo thứ tự [34]. Trải qua sáu phiên họp, Hội đồng khẳng định quyết tâm thực thi đầy đủ Hiệp định CPTPP một cách đầy đủ và đúng đắn, nhằm đạt được kết quả như các thành viên đã đàm phán. Hội đồng cũng tiếp tục gửi tín hiệu mạnh mẽ về việc ủng hộ thương mại tự do; thiết lập các quy tắc tiêu chuẩn cao và cân bằng phù hợp với thế kỉ XXI. Việt Nam được đánh giá là một trong những thành viên đã tích cực khi đóng góp rất nhiều sáng kiến nhằm đẩy nhanh việc thực thi đầy đủ Hiệp định CPTPP trong đó có nội dung về SHTT.

Nhiệm vụ thứ ba của Việt Nam đó là báo cáo tiến độ thực hiện và hợp tác với các quốc gia thành viên của Hiệp định CPTPP. Cụ thể, kể từ khi Hiệp định CPTPP chính thức có hiệu lực, Việt Nam đã tích cực triển khai nhiều hoạt động như xây dựng phương án, báo cáo Ban hội nhập quốc tế về kinh tế (Bộ VHTTDL) về việc triển khai thực hiện các cam kết về QTG và QLQ trong Hiệp định CPTPP, cùng với việc tham gia nhiều chương trình hợp tác với các quốc gia, tổ chức quốc tế về vấn đề bảo vệ QTG và QLQ [31]. Cụ thể, tháng 8 năm 2019, Cục bản quyền tác giả Việt Nam (COV) đã phối hợp cùng với Hiệp hội phân phối nội dung ở nước ngoài của Nhật Bản (CODA) tổ chức “*Hội thảo về Thực thi quyền tác giả, quyền liên quan tại Việt Nam*” tại Hà Nội. Tại hội

thảo, các chuyên gia đã đánh giá và thảo luận về các quy định pháp luật và thực trạng bảo hộ QTG và QLQ tại Việt Nam; các biện pháp chống vi phạm bản quyền trên Internet tại Nhật Bản; các biện pháp CODA áp dụng nhằm ngăn chặn xâm phạm bản quyền; và các phương pháp mà CODA thực hiện nhằm phân phối nội dung có bản quyền được rút ra từ kinh nghiệm thực tiễn. Ngoài ra, Nhật Bản cũng chia sẻ kinh nghiệm về các giải pháp nhằm nâng cao năng lực quản lý, thực thi QTG và QLQ ở Việt Nam trong thời gian tới.

Năm 2020, COV tiếp tục tổ chức cuộc họp trực tuyến với CODA, với mục tiêu tổ chức hội thảo, sự kiện trực tuyến về thực thi QTG và QLQ trên môi trường số nhằm chia sẻ kinh nghiệm và nâng cao nhận thức về các quyền này [32]. Ngoài ra, hai bên cũng thống nhất việc cùng phối hợp nhằm xây dựng một bộ tài liệu tuyên truyền theo khuôn khổ của Bản ghi nhớ đã ký giữa Bộ VHTTDL và Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ Nhật Bản với mục tiêu là “*nhằm thiết lập một khuôn khổ chung về hợp tác song phương giữa Hai Bên về quyền tác giả thông qua trao đổi thông tin, những kinh nghiệm bổ ích và tiến hành các hoạt động nâng cao năng lực*” [32]. Việc tích cực tham gia các diễn đàn, hội thảo quốc tế đã thể hiện nỗ lực của Việt Nam trong việc thực hiện các cam kết về quyền SHTT theo CPTPP.

### ***3.2.2 Thực trạng nội luật hóa và tổ chức thực hiện các cam kết của Việt Nam về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương***

Các cam kết về quyền sở hữu công nghiệp được quy định tại mục C, E, F, và G của chương 18 Hiệp định CPTPP. Các cam kết này bao gồm: (i) Nhãn hiệu; (ii) Chỉ dẫn địa lý; (iii) Sáng chế và Dữ liệu bí mật hoặc Các dữ liệu khác; (iv) và Kiểu dáng công nghiệp [34]. Một số nội dung trong các cam kết trên đã tương thích với pháp luật Việt Nam nên không cần nội luật hóa. Thứ nhất, thời gian bảo hộ đối với nhãn hiệu tối thiểu là 10 năm [34] và có

thể được gia hạn nhiều lần [48]. Thứ hai, thành viên CPTPP được phép lựa chọn bảo hộ chỉ dẫn địa lý (CDĐL) theo cơ chế riêng hoặc theo cơ chế chung với nhãn hiệu [34]. Cơ chế này phù hợp với Việt Nam khi hiện tại Việt Nam đang đồng thời bảo hộ nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý. Thứ ba, các quy định về phạm vi các đối tượng có thể được bảo hộ [34] cũng như các ngoại lệ đối với quyền của chủ sáng chế [34] tương tự các quy định đã có trong Hiệp định TRIPS, vốn đã được đưa vào pháp luật Việt Nam. Nhìn chung các cam kết của Hiệp định CPTPP dựa trên và trong nhiều trường hợp là cao hơn so với tiêu chuẩn tương ứng của Hiệp định TRIPS. Đối với Việt Nam, các tiêu chuẩn này cũng cao hơn quy định hiện tại của pháp luật về SHCN.

Cam kết về nhãn hiệu của Hiệp định CPTPP cần nội luật hóa bao gồm: Đối tượng được bảo hộ; nhãn hiệu nổi tiếng; quyền của chủ sở hữu; và cải cách thủ tục hành chính. Bên cạnh các đối tượng truyền thống có thể nhìn thấy được mà pháp luật Việt Nam đang bảo hộ như chữ, ký hiệu, từ ngữ, và hình ảnh thì Hiệp định CPTPP mở rộng bảo hộ đối với những đối tượng phi truyền thống như âm thanh và mùi hương [34]. Điều này xuất phát từ nhu cầu kinh doanh thực tế cũng như xu hướng phát triển của pháp luật về bảo hộ nhãn hiệu trên thế giới. Luật SHTT 2022 quy định nhãn hiệu được bảo hộ nếu là dấu hiệu âm thanh thể hiện được dưới dạng đồ họa [51]. Luật SHTT 2022 cũng sửa đổi, bổ sung Điều 73 [51], Điều 74 [51] theo hướng loại trừ các dấu hiệu không nhìn thấy được không được coi là nhãn hiệu, và các trường hợp nhãn hiệu âm thanh bị coi là không có khả năng phân biệt. Mặc dù đã đáp ứng được yêu cầu nội luật hóa, tuy nhiên khi công nhận âm thanh là một loại nhãn hiệu thì việc đánh giá, công nhận nhãn hiệu này là một thách thức lớn với cơ quan chức năng. Bởi lẽ cần xác định rõ loại âm thanh như thế nào mới đủ tiêu chuẩn điều kiện đăng ký, các âm thanh đơn giản như tiếng chuông, tiếng chim hót... có được bảo hộ là nhãn hiệu hay không.

Khi xem xét bảo hộ đối với một nhãn hiệu nổi tiếng theo Hiệp định CPTPP, Việt Nam không được dựa trên tiêu chí số lượng các quốc gia đã bảo hộ nhãn hiệu, đã công nhận nhãn hiệu nổi tiếng đó hoặc đã nằm trong danh mục nhãn hiệu nổi tiếng. Câu mở đầu của Điều 75 được sửa rằng: “*Việc xem xét, đánh giá một nhãn hiệu là nổi tiếng được lựa chọn từ một số hoặc tất cả các tiêu chí sau đây*” [51]. Thay đổi này chưa đáp ứng yêu cầu của Hiệp định CPTPP bởi hai tiêu chí về “*Số lượng quốc gia bảo hộ nhãn hiệu*” và “*Số lượng quốc gia công nhận nhãn hiệu là nổi tiếng*” vẫn tồn tại. Điều này sẽ gây khó khăn cho các chủ thể khi xác định nhãn hiệu nổi tiếng bởi họ sẽ không nắm được trong trường hợp nào một số tiêu chí được áp dụng hoặc khi nào tất cả các tiêu chí được áp dụng. Vì vậy, khoản 6 và 7 Điều 75 [48] về tiêu chí đánh giá nhãn hiệu nổi tiếng cần được loại bỏ; đồng thời cần bổ sung hướng dẫn cụ thể khi áp dụng các tiêu chí.

Theo Hiệp định CPTPP, chủ sở hữu của nhãn hiệu được độc quyền ngăn cản các chủ thể khác sử dụng các dấu hiệu (bao gồm chỉ dẫn địa lý) trùng hoặc tương tự cho các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc gần với loại hàng hóa, dịch vụ đã đăng ký nhãn hiệu của mình nếu việc sử dụng này có thể gây ra nhầm lẫn [34]. Tuy vậy, các chủ thể khác vẫn được phép sử dụng một số thuật ngữ mô tả có trong nhãn hiệu đã được bảo hộ nếu việc sử dụng đó là ngay tình, và có tính đến lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu nhãn hiệu và các bên thứ ba [34]. Luật SHTT 2022 mới chỉ dừng lại ở việc quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của chủ thể khác được bảo hộ cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Thay đổi này dường như chưa đáp ứng được yêu cầu của Hiệp định CPTPP, tuy nhiên điều này là cần



thiết bởi việc có được độc quyền trên sẽ dễ dẫn đến tình trạng lạm quyền của chủ sở hữu. Hơn nữa, không nhiều chủ sở hữu nhãn hiệu đủ khả năng tự đánh giá các dấu hiệu trùng hoặc tương tự có thể gây ra nhầm lẫn. Vì vậy, nội luật hóa điều 18.20 của Hiệp định CPTPP cần làm từng bước để đánh giá hiệu quả thực tiễn áp dụng của pháp luật.

Hiệp định CPTPP yêu cầu các quốc gia thành viên phải áp dụng các biện pháp cụ thể nhằm đảm bảo thủ tục hành chính nhanh gọn, chính xác, và minh bạch khi đăng ký, gia hạn nhãn hiệu [34]. Hệ thống đăng ký phải đảm bảo cơ hội phản hồi của người nộp đơn cũng như cơ hội phản đối của các bên thứ ba, đồng thời Hiệp định CPTPP cũng khuyến khích việc áp dụng công nghệ thông qua việc sử dụng hệ thống đăng ký điện tử để minh bạch hóa các quy trình này [34]. Thực tế, hệ thống nộp đơn điện tử trực tuyến đối với các đối tượng SHCN đã hoạt động từ năm 2017 theo quy định của Nghị quyết số 36a/NQ-CP năm 2015 [53]. Hơn nữa, Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới cũng đang tích cực hỗ trợ Cục SHTT xây dựng một “*Thư viện số về SHCN*” trên nền tảng WIPO Publish [17]. Thư viện này giúp các chủ thể dễ dàng tra cứu đầy đủ các thông tin về các đối tượng SHCN đã được công bố. Mặc dù hệ thống điện tử đã tuân thủ yêu cầu của Hiệp định CPTPP nhưng nó vẫn cần tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp nhằm đáp ứng yêu cầu về nộp đơn đăng ký, gia hạn và tra cứu thông tin. Bên cạnh đó, đơn đăng ký xác lập quyền SHCN có thể dưới hình thức văn bản dạng giấy hoặc nộp trực tuyến. Thay đổi này là phù hợp, thuận tiện hơn cho chủ sở hữu trong việc đăng ký, gia hạn nhãn hiệu cũng như tương thích với cam kết của Hiệp định CPTPP.

Cải cách thủ tục thứ hai đó là việc công nhận giá trị pháp lý của hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu trước bên thứ ba mà không dựa vào việc có hay không đăng ký tại Cục SHTT. Nhãn hiệu là loại tài sản SHTT rất dễ chuyển nhượng nhưng gặp rất nhiều khó khăn trong việc bảo hộ và định

giá. Khi kiểm soát giao dịch thông qua cơ chế đăng ký bảo hộ, Việt Nam có thể đánh mất lợi thế cạnh tranh nếu các nước khác không quy định về việc đăng ký chuyển nhượng nhãn hiệu. Ngược lại, việc không kiểm soát có thể dẫn đến tình trạng các bên đẩy giá giao dịch lên cao nhằm chuyển vốn ra nước ngoài hoặc trốn thuế. Trong khi đó, Luật SHTT quy định việc chuyển quyền sử dụng đối tượng SHCN được hiểu là việc cho phép sử dụng đối tượng SHCN và việc đăng ký sẽ có giá trị đối với bên thứ ba [51]. Có nghĩa việc chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu giữa các cá nhân, tổ chức mà không đăng ký sẽ không có giá trị pháp lý đối với bên thứ ba [51] khi tranh chấp xảy ra. Vì vậy, Điều 136 và Điều 148 của Luật SHTT được sửa đổi nhằm đáp ứng yêu cầu nội luật hóa của Điều 18.27 Hiệp định CPTPP.

Sửa đổi của khoản 2 điều 136 luật SHTT [51] công nhận việc sử dụng nhãn hiệu của người nhận chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu cũng chính là hành vi sử dụng nhãn hiệu của chủ sở hữu. Chủ sở hữu nhãn hiệu phải sử dụng nhãn hiệu mà mình được bảo hộ không gián đoạn quá năm (05) năm. Ngược lại, nhằm ngăn chặn tình trạng một số chủ thể chỉ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu để chuyển nhượng thì pháp luật cho phép bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức khác được yêu cầu Cục SHTT đình chỉ hiệu lực văn bằng bảo hộ. Thay đổi này phù hợp với Điều 95 Luật SHTT [51], đồng thời thống nhất với khoản 1 Điều 143 Luật SHTT [51] về chuyển quyền sử dụng độc quyền đối với nhãn hiệu mà không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của văn bằng bảo hộ. Điều này cũng phù hợp với tập quán của hầu hết các nước khác khi mục tiêu chính của việc bảo hộ nhãn hiệu đó chính là bảo hộ uy tín sản phẩm và nhãn hiệu của các chủ thể.

Như vậy, các hợp đồng về việc chuyển giao nhãn hiệu giữa các bên không bắt buộc phải đăng ký tại Cục SHTT và có giá trị pháp lý đối với tất cả các bên. Nó không những thuận lợi hơn cho doanh nghiệp trong việc giao dịch chuyển giao nhãn hiệu mà còn giúp đơn giản hóa các thủ tục hành chính.

Khi đăng ký không còn là một thủ tục bắt buộc, các chủ thể sẽ chủ động trong việc kiểm soát nội dung hợp đồng và bằng chứng về người được chuyển giao quyền sử dụng nhằm đảm bảo việc khai thác nhãn hiệu. Có thể thấy, sửa đổi, bổ sung của Điều 136 và Điều 148 Luật SHTT đã phù hợp với yêu cầu của Hiệp định CPTPP về việc các quốc gia thành viên không được yêu cầu đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu (li-xăng) [34].

Cuối cùng, đối với Tên miền cao cấp mã quốc gia (ccTLD), các quốc gia thành viên của Hiệp định CPTPP phải quy định cơ chế giải quyết tranh chấp tên miền dựa theo nguyên tắc của Tổ chức quản lý tên miền quốc tế (ICANN) hoặc tương tự [34]. Đồng thời, mỗi nước phải có biện pháp xử lý các chủ thể đăng ký hoặc nắm giữ tên miền tương tự hoặc gần giống đến mức gây nhầm lẫn với một nhãn hiệu thương mại với mục đích thu lợi bất chính [34]. Luật SHTT 2022 bổ sung cụm từ “*dụng ý xấu*” tại khoản 1.d Điều 130 Luật SHTT và dường như thay đổi trên có sự tham khảo từ quy định của Chính sách giải quyết tên miền thống nhất (UDRP) của ICANN, bởi lẽ yếu tố “*dụng ý xấu*” là một trong bốn điều kiện để ICANN xem xét hủy một tên miền [12]. Thay đổi này sẽ đặt nền móng cho việc áp dụng các cơ chế giải quyết tranh chấp tên miền dựa theo quy định của ICANN. Tuy nhiên, cần có hướng dẫn cụ thể hơn tại các văn bản dưới luật để làm rõ yếu tố “*dụng ý xấu*” nhằm tránh tình trạng áp dụng sai hoặc chồng chéo với các quy định khác.

Hiệp định CPTPP đặt ra một loạt chuẩn mực mới về bảo hộ chỉ dẫn địa lý [34] gồm: (i) Cải cách thủ tục hành chính ; (ii) Căn cứ để phản đối hoặc từ chối bảo hộ đối với một chỉ dẫn địa lý; (iii) Thời điểm bắt đầu bảo hộ không được sớm hơn ngày nộp đơn đăng ký hoặc ngày được đăng ký; (iv) Tiêu chí về việc công nhận và bảo vệ chỉ dẫn địa lý theo các điều ước quốc tế.

Đối với các thủ tục hành chính về bảo hộ và công nhận chỉ dẫn địa lý theo Hiệp định CPTPP, khi xảy ra trường hợp trùng hoặc tương tự giữa nhãn

hiệu và chỉ dẫn địa lý mà nhãn hiệu đó lại được đăng ký bảo hộ trước thì chỉ dẫn địa lý đó vẫn được bảo hộ nhưng quyền của chủ sở hữu nhãn hiệu sẽ được ưu tiên hơn. Cụ thể, chủ sở hữu nhãn hiệu có quyền cấm việc sử dụng chỉ dẫn địa lý nếu việc sử dụng có thể gây nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại của sản phẩm. Ngoại lệ được áp dụng khi chỉ dẫn địa lý chỉ có ý nghĩa mô tả xuất xứ của hàng hóa, vẫn được phép sử dụng song song cùng nhãn hiệu đó [34]. Tuy nhiên, chỉ dẫn địa lý không được bảo hộ nếu có khả năng gây nhầm lẫn với nhãn hiệu về nguồn gốc thương mại của sản phẩm trừ khi việc sử dụng chỉ dẫn địa lý thuộc trường hợp ngoại lệ đối với quyền của nhãn hiệu [34]. Khoản 3 Điều 80 Luật SHTT [51] thay cụm từ “*sẽ gây nhầm lẫn*” thành “*có khả năng gây nhầm lẫn*”, điều này đồng nghĩa chỉ cần chỉ dẫn địa lý có khả năng gây nhầm lẫn sẽ không được bảo hộ. Tiêu chuẩn bảo hộ đã cao hơn nhưng đồng thời dễ gây ra việc lạm dụng tiêu chuẩn này. Chính vì vậy, cần có các hướng dẫn chi tiết nhằm làm rõ các tiêu chí để đánh giá khi nào thì một chỉ dẫn địa lý có khả năng gây nhầm lẫn.

Khoản 1 Điều 80 Luật SHTT bổ sung quy định việc đánh giá một thuật ngữ phải dựa trên cách hiểu của người tiêu dùng tại Việt Nam. Đối với chỉ dẫn địa lý là thuật ngữ đa thành phần mà có thành phần là tên gọi chung của hàng hóa tại Việt Nam, việc đánh giá thành phần là tên gọi chung cũng được áp dụng tương tự như thuật ngữ là tên gọi chung tại Khoản 1 Điều 80 nên đã tương thích. Mặc dù hiện nay chưa có quy định bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với dạng dịch nghĩa hoặc phiên tự nhưng Việt Nam vẫn bảo hộ bản dịch, phiên âm hoặc phiên tự của chỉ dẫn địa lý sang Tiếng Việt hoặc ngữ hệ Latin. Nói cách khác, đơn đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý dạng này vẫn được xử lý như đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý thông thường. Vì vậy, chỉ cần đưa nội dung này vào Quy chế hướng dẫn thẩm định là đủ để đáp ứng yêu cầu của Hiệp định CPTPP. Điều 120a [51] luật SHTT bổ sung việc công nhận và bảo hộ chỉ dẫn

địa lý theo điều ước quốc tế, trong đó xác định việc công bố, xử lý ý kiến của người thứ ba, đánh giá điều kiện bảo hộ đối với chỉ dẫn địa lý trong đề nghị quốc tế được thực hiện theo các quy định tương ứng tại Luật SHTT. Nhìn chung, các thay đổi của luật SHTT về chỉ dẫn địa lý đã đáp ứng được các yêu cầu về nội luật hóa của Hiệp định CPTPP.

Sáng chế và Dữ liệu bí mật hoặc Các dữ liệu khác được quy định tại Mục F Chương 18 của Hiệp định CPTPP. Đối với sáng chế, các cam kết cần nội luật hóa bao gồm: (i) Tiêu chí bảo hộ; (ii) Thủ tục đăng ký sáng chế. Về tiêu chí bảo hộ, bất kỳ sáng tạo, dù là sản phẩm hay quy trình, trong tất cả các lĩnh vực, *nếu mới, có tính sáng tạo và có khả năng áp dụng công nghiệp* [34] thì đều có thể được bảo hộ dưới dạng sáng chế. Thời gian ân hạn kéo dài 12 tháng đối với việc người nộp đơn hoặc bên thứ ba có được thông tin trực tiếp hoặc gián tiếp từ người nộp đơn để kiểm tra trong các bước về tính mới và sáng tạo của sáng chế được cấp bằng sáng chế [34]. Điều 60 luật SHTT được sửa đổi rằng sáng chế không bị coi là mất tính mới nếu được người có quyền đăng ký hoặc người có được thông tin về sáng chế một cách trực tiếp hoặc gián tiếp từ người đó bộc lộ công khai với điều kiện đơn đăng ký sáng chế được nộp tại Việt Nam trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày bộc lộ sáng chế [51]. Thời gian ân hạn kéo dài cho phép người nộp đơn sáng chế có thêm thời gian để cân nhắc các lợi ích của đăng ký và hoàn thiện hồ sơ đăng ký sáng chế. Quy định này rất có lợi cho các nhà nghiên cứu bởi trên thực tế, rất nhiều trong số họ vô tình làm mất đi tính mới của sáng chế khi vội công bố kết quả nghiên cứu của mình trên các tạp chí quốc tế danh tiếng ngay sau khi hoàn thành quá trình nghiên cứu.

Ngoài ra, sáng chế không mất tính mới nếu được bộc lộ trong đơn đăng ký SHCN hoặc văn bằng bảo hộ SHCN do cơ quan quản lý nhà nước về SHCN công bố trường hợp việc công bố không phù hợp với quy định của

pháp luật hoặc đơn do người không có quyền đăng ký nộp [51]. Luật SHTT cũng đã quy định trình độ sáng tạo của sáng chế được xác định bằng các phân loại sáng chế và giải pháp kỹ thuật [51]. Thay đổi này đã đáp ứng toàn bộ yêu cầu đặt ra của Điều 18.38 Hiệp định CPTPP. Đối với tiêu chí “*Ai tới trước được cấp trước - First come first serve*” [34] của Hiệp định CPTPP, Việt Nam đã quy định tại điều 90 và 91 luật SHTT. Đối với các tiêu chí còn lại, Việt Nam cần quy định bổ sung về việc “*công bố công khai các đơn đăng ký bảo hộ trong vòng 18 tháng kể từ ngày nộp đơn*” hay căn cứ để “*hủy, rút lại hoặc vô hiệu một bằng sáng chế đã cấp phải đồng thời là các căn cứ để từ chối cấp bằng sáng chế*” [34]. Các tiêu chí này không làm thay đổi đáng kể pháp luật hiện nay và chỉ nhằm hỗ trợ minh bạch hóa thông tin về đăng ký sáng chế.

Liên quan đến Dữ liệu bí mật hoặc Các dữ liệu khác, Hiệp định CPTPP đã đưa ra các cam kết liên quan đến nông hóa phẩm [34] và dược phẩm [34]. Đối với nông hóa phẩm, khi xin Giấy phép lưu hành cho một nông hóa phẩm mới, chủ sở hữu phải phải cung cấp các kết quả thử nghiệm hoặc dữ liệu khác chưa công bố về mức độ an toàn và hiệu quả của nông hóa phẩm đó cho Cơ quan cấp phép. Từ đó, Cơ quan cấp phép sẽ không cho phép chủ thể khác lưu hành cùng sản phẩm hoặc sản phẩm tương tự trong ít nhất là 10 năm trừ khi được chủ sở hữu nông hóa phẩm đó đồng ý [34]. Quy định này cũng áp dụng trong trường hợp cấp phép lưu hành dựa trên việc nộp bằng chứng về việc đã được cấp phép lưu hành tại nước ngoài, với thời hạn bảo hộ là 10 năm kể từ ngày cấp phép lưu hành mới [34]. Việt Nam đã nội luật hoá về cách thức bảo hộ dữ liệu đối với nông hóa phẩm theo hướng Hiệp định CTPPP yêu cầu. Việt Nam cũng tích cực tham gia các dự án hỗ trợ từ các đối tác nước ngoài [18] nhằm tham khảo kinh nghiệm trong quá trình hoàn thiện các quy định pháp luật và thực tiễn thi hành nghĩa vụ về nông hóa phẩm.

Hiệp định CPTPP yêu cầu các nước thành viên trước khi cấp phép lưu hành dược phẩm dựa trên các dữ liệu thử nghiệm trước đó đã được nộp, thì phải triển khai một trong hai cơ chế sau. Thứ nhất, cơ quan cấp phép phải có cơ chế để thông báo cho chủ sở hữu bằng sáng chế về việc cấp phép lưu hành để những người này chủ động bảo vệ quyền; dành thời gian và cơ hội hợp lý để chủ sở hữu bằng sáng chế thực hiện các hành động bảo vệ quyền; và trường hợp sản phẩm đang trong quá trình xin phép lưu hành bị nghi là có xâm phạm độc quyền sáng chế thì phải dành cho chủ sở hữu cơ hội và thời gian hợp lý để yêu cầu bồi thường cũng như có cơ chế hành chính hoặc tố tụng để giải quyết các yêu cầu bồi thường này [34].

Đối với cơ chế thứ hai, các quốc gia thành viên của Hiệp định CPTPP phải thiết lập hoặc duy trì một cơ chế ngoài Tòa án cho phép loại trừ việc lưu hành dược phẩm nếu không được sự đồng ý của chủ sáng chế. Cơ chế này yêu cầu sự phối hợp giữa cơ quan bảo hộ sáng chế với cơ quan đăng ký lưu hành. Ngoài ra, Hiệp định CPTPP quy định thời gian bảo hộ độc quyền các dữ liệu bí mật là năm (05) năm kể từ ngày cấp phép lưu hành đối với dược phẩm có thành phần mới [34]. Thời hạn bảo hộ độc quyền đối với dược phẩm cũ không có thành phần mới mà chỉ có chỉ định mới hoặc công thức mới là ba (03) năm [34]; và đối với sinh phẩm là tám (08) năm kể từ ngày cấp phép lưu hành [34].

Luật SHTT 2022 quy định khi nộp đơn xin cấp phép lưu hành, chủ sở hữu phải cung cấp kết quả thử nghiệm hoặc dữ liệu khác là bí mật kinh doanh thu được kèm đơn yêu cầu giữ bí mật. Từ đó, cơ quan có thẩm quyền có nghĩa vụ thực hiện các biện pháp cần thiết để các dữ liệu đó không bị sử dụng nhằm mục đích thương mại không lành mạnh và không bị bộc lộ, trừ khi việc bộc lộ là cần thiết nhằm bảo vệ công chúng [51]. Đối với những dữ liệu bí mật đã được nộp, cơ quan có thẩm quyền không được cấp phép cho bất kỳ người nào

nộp đơn muộn hơn nếu trong đơn sử dụng dữ liệu bí mật đó trong vòng mười (10) năm đối với nông hoá phẩm [51], và năm (05) năm đối với dược phẩm[51]. Thay đổi này cho phép chủ sở hữu một khoảng thời gian hợp lý để bảo vệ quyền. Tuy nhiên, điều này cũng đòi hỏi họ phải chủ động trong việc bảo vệ quyền của mình thay vì chỉ nộp đơn cấp phép lưu hành. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền cấp phép lưu hành dược phẩm cho phép người nộp đơn sau dựa vào việc một dược phẩm hoặc dữ liệu của dược phẩm đó đã được cấp phép lưu hành để xin cấp phép lưu hành cho một dược phẩm khác thì cơ quan đó phải công bố trên trang điện tử của họ về thông tin của đơn nộp sau trong vòng năm (05) tháng trước khi dược phẩm trong đơn nộp sau được cấp phép lưu hành [51]. Đây là cơ hội và thời gian hợp lý cho phép chủ sở hữu dược phẩm đã được cấp phép lưu hành có thể yêu cầu bồi thường.

Chủ văn bằng độc quyền sáng chế không phải nộp phí sử dụng văn bằng bảo hộ cho khoảng thời gian mà thủ tục đăng ký lưu hành lần đầu của dược phẩm được sản xuất theo bằng độc quyền sáng chế tại Việt Nam bị chậm [51]. Tuy vậy, cần xem xét tính khả thi của quy định này bởi pháp luật về dược chưa quy định việc cấp văn bản xác nhận về việc thủ tục đăng ký lưu hành dược phẩm bị chậm, chỉ có các quy định liên quan đến cấp mới, sửa đổi, gia hạn số đăng ký lưu hành dược phẩm. Những thay đổi này chỉ đáp ứng một phần yêu cầu của Hiệp định CPTPP khi vẫn chưa quy định đầy đủ thời hạn bảo hộ độc quyền đối với sinh phẩm hoặc dược phẩm cũ nhưng có chỉ định, liều dùng mới. Bên cạnh việc chưa quy định cơ chế giải quyết ngoài tòa án thì cơ chế thông báo cho người nộp đơn cũng chưa đáp ứng được toàn bộ yêu cầu của Hiệp định CPTPP.

Cam kết về bảo hộ kiểu dáng công nghiệp theo Hiệp định CPTPP có hai điểm đáng lưu ý. Một là, các thành viên phải bảo hộ đầy đủ và hiệu quả kiểu dáng công nghiệp, bao gồm cả các kiểu dáng được thể hiện ở một phần



của sản phẩm hoặc một phần của một sản phẩm nằm trong tổng thể toàn bộ sản phẩm, đồng thời tuân thủ quy định của điều 25 và 26 của Hiệp định TRIPS [34]. Hai là, các thành viên phải nỗ lực trong việc tăng cường bảo hộ kiểu dáng công nghiệp cũng như cải thiện chất lượng, nâng cao hiệu quả của cơ chế đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp [34]. Theo đó, kiểu dáng công nghiệp được sửa đổi “là hình dáng bên ngoài của sản phẩm hoặc bộ phận để lắp ráp thành sản phẩm phức hợp...” [51]. Hơn nữa, Luật SHTT 2022 cũng đưa ra quy định mới đối với đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp bao gồm quy định liên quan đến tài liệu; bộ ảnh chụp hoặc bản vẽ; và phần mô tả chi tiết sản phẩm [51].

Các sửa đổi, bổ sung trên đã tuân thủ các yêu cầu đặt ra của Hiệp định CPTPP về bảo hộ kiểu dáng công nghiệp. Đây là một thay đổi lớn khi hình dáng chi tiết bên trong của sản phẩm cũng được bảo hộ không chỉ đảm bảo việc khai thác quyền của chủ sở hữu đạt hiệu quả cao nhất mà còn là động lực thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Hơn nữa, quy định này sẽ ngăn chặn việc sao chép sản phẩm thông qua việc chỉ thay đổi hình dáng bên ngoài mà vẫn giữ nguyên các chi tiết bên trong sản phẩm. Việt Nam cũng đã tham gia Thỏa ước La Hay tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp nộp đơn đăng ký quốc tế về bảo hộ kiểu dáng công nghiệp. Các chủ thể sẽ tiết kiệm được thời gian, công sức, và tài chính bởi chỉ cần đăng ký một thủ tục nhưng được xem xét bảo hộ tại gần 70 quốc gia trên thế giới.

Nói tóm lại, Việt Nam đã đáp ứng được cơ bản các yêu cầu nội luật hóa cam kết quyền SHCN theo Hiệp định CPTPP. Mặc dù, vẫn còn một số cam kết chưa hoặc được nội luật hóa một phần nhưng điều này là phù hợp với lộ trình thực hiện cam kết của Việt Nam cũng như điều kiện thực tế của đất nước. Đây cũng là hành lang pháp lý cho phép cơ quan chức năng và chủ sở hữu bảo hộ quyền SHTT hiệu quả hơn. Tuy nhiên, cần nhanh chóng làm rõ,

hướng dẫn chi tiết những sửa đổi, bổ sung của Luật SHTT tại các văn bản dưới luật nhằm tránh tình trạng áp dụng sai hoặc quy định chồng chéo.

Tương tự thực thi cam kết về QTG và QLQ, đối với quyền SHCN theo Hiệp định CPTPP, Việt Nam cũng đã triển khai ba nhiệm vụ. Mục tiêu đầu tiên được thực hiện tương tự như QTG và QLQ khi có sự tham gia của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ ban ngành liên quan [54]. Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về SHCN [64]. Năm 2021, Việt Nam đã chính thức gia nhập Hiệp ước Budapest [19] tạo điều kiện cho việc công nhận quốc tế đối với việc nộp lưu chủng vi sinh nhằm tiến hành các thủ tục về sáng chế, đồng thời thể hiện cam kết của Việt Nam khi tham gia CPTPP [65]. Năm 2020, có 62 văn bản chỉ đạo điều hành, hướng dẫn tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật về SHCN được ban hành bởi 27 địa phương. Đồng thời, đã có tất cả 36 cuộc hội thảo, tọa đàm, 173 lớp tập huấn với hơn 20.000 lượt người tham dự, và hàng trăm lượt tuyên truyền phổ biến kiến thức, chính sách và pháp luật về SHTT trên các phương tiện thông tin đại chúng nói trên [20]. Tuy vậy, các địa phương vẫn cần tiếp tục đẩy mạnh việc tổ chức triển khai và hướng dẫn thi hành các chính sách, pháp luật về SHCN nhằm đưa các chính sách đó thực sự đi vào cuộc sống, phù hợp với quy mô, điều kiện thực tế của mỗi địa phương. Đây là giải pháp quan trọng nhằm thúc đẩy các hoạt động quản lý nhà nước về SHCN tại địa phương cũng như tăng cường các biện pháp phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động đăng ký, bảo hộ quyền SHCN [20].

Thủ tướng Chính phủ cũng đặt mục tiêu cải thiện các chỉ số về SHTT như số đơn đăng ký sáng chế tăng 16-18%/năm; đối với kiểu dáng công nghiệp là 6-8%/năm; và nhãn hiệu là 8-10%/năm [64]. Cuối năm 2020, Cục SHTT đã công bố gần 72.000 đơn đăng ký xác lập quyền SHCN cho các đối tượng sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu [4].

Tuy nhiên, số lượng đơn đăng ký SHCN chủ yếu tập trung tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh do đây là hai trung tâm kinh tế, văn hóa chính trị lớn nhất cả nước, tập trung rất nhiều doanh nghiệp lớn, trường đại học và viện nghiên cứu. Bên cạnh đó, số liệu so sánh qua từng năm cho thấy tốc độ tăng trưởng đơn đăng ký SHCN của đa số các tỉnh/thành phố trong cả nước còn khá chậm. Chính vì vậy, cần phải có các biện pháp nhằm gia tăng hiệu quả của việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức về SHCN cho các địa phương có số lượng đơn đăng ký SHCN còn khiêm tốn, góp phần gia tăng số lượng đơn đăng ký SHCN từ các khu vực này [21].

Hiện nay, Việt Nam chỉ có hai Sở KH&CN tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh có phòng chuyên trách quản lý về SHCN. Về nhân sự, Việt Nam có bốn mươi bốn (44) cán bộ chuyên trách và một trăm mười tám (118) cán bộ kiêm nhiệm thực hiện công tác quản lý nhà nước về SHCN tương đương với tỉ lệ không phải bảy (0.7) cán bộ chuyên trách/ địa phương [20]. Tỉ lệ này cho thấy sự thiếu hụt nghiêm trọng về mặt nhân sự trong công tác quản lý nhà nước về SHCN, vì vậy đòi hỏi phải có sự bổ sung lực lượng cán bộ chuyên trách về SHCN và đẩy mạnh việc đào tạo cán bộ.

Việt Nam thực hiện mục tiêu thứ hai tương tự như đối với QTG và QLQ. Bộ Công Thương là đại diện chính của Việt Nam tiếp tục khẳng định quyết tâm thực thi đầy đủ Hiệp định CPTPP trong đó bao gồm các cam kết về quyền SHCN một cách đầy đủ và đúng đắn, nhằm đạt được kết quả như các thành viên đã đàm phán.

Đối với nhiệm vụ thứ ba, Việt Nam đã tích cực hợp tác với các quốc gia thành viên CPTPP trong đó có Nhật Bản. Năm 2021, Nhật Bản đã cấp CDDL cho vải thiều Lục Ngạn và thanh long Bình Thuận, tạo điều kiện thuận lợi cho hai mặt hàng nông sản này khi bước sang các thị trường khác bởi Nhật Bản là một thị trường vô cùng khó tính [23]. Với sự hỗ trợ từ Nhật Bản, Cục

SHTT đã chính thức triển khai dự án “*Nâng cao năng lực xử lý đơn sở hữu công nghiệp tại Cục Sở hữu trí tuệ*” [24] nhằm xây dựng tài liệu kiểm soát chất lượng thẩm định đơn sáng chế, hoàn thiện quy chế thẩm định đơn sáng chế hiện có và bổ sung hướng dẫn thẩm định đơn sáng chế trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, internet vạn vật và phần mềm máy tính.

Một thành viên khác của CPTPP là Canada cũng tích cực hỗ trợ Việt Nam thông qua dự án “*Hỗ trợ thực thi Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ*” [25]. Dự án cung cấp tài liệu hướng dẫn gồm các khái niệm cơ bản về SHTT, các quyền SHTT trực tiếp gắn với doanh nghiệp vừa và nhỏ, các vấn đề về SHTT trong Hiệp định CPTPP, đặc biệt là tài liệu giới thiệu các chiến lược SHTT của doanh nghiệp để có thể hưởng lợi từ Hiệp định CPTPP.

### ***3.2.3 Thực trạng nội luật hóa và tổ chức thực hiện các cam kết của Việt Nam về thực thi quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương***

Cam kết về thực thi quyền SHTT theo Hiệp định CPTPP được quy định tại Chương 18, từ điều 18.71 đến điều 18.82 [34], trong đó bao gồm: các nguyên tắc chung; công khai, minh bạch; biện pháp thực thi tại biên giới; xử lý vi phạm theo thủ tục hành chính, dân sự, hoặc hình sự; và thực thi trong môi trường số. Đối với nguyên tắc chung, thành viên CPTPP phải thiết lập các biện pháp xử lý hiệu quả các hành vi vi phạm quyền SHTT nhằm đảm bảo tính răn đe và ngăn ngừa việc tái phạm [34] nhưng phải tuân thủ theo đúng trình tự thực thi quyền SHTT, không tạo ra những rào cản thương mại đối với các chủ thể quyền, và tránh lạm dụng thủ tục [34]. Đồng thời các thủ tục xử lý phải công bằng, đơn giản, tiết kiệm, không làm phát sinh thêm các quy định về thời hạn [34], và có tính đến lợi ích hợp pháp của bên thứ ba [34].

Các biện pháp thực thi quyền SHTT theo Hiệp định CPTPP phải đảm bảo tính minh bạch. Cụ thể, việc công bố các phán quyết tư pháp và quyết định hành chính liên quan đến việc thực thi quyền SHTT phải dưới dạng văn bản. Hơn nữa, phải nêu rõ lý do, lập luận, kết luận, cơ sở pháp lý của các quyết định trên, và phải được công bố rộng rãi ra công chúng dưới mọi hình thức nhằm cho phép các cá nhân, tổ chức có lợi ích liên quan và các bên có thể hiểu rõ [34]. Nhằm đáp ứng yêu cầu này, Việt Nam đã thực hiện công bố các bản án của tòa án (bao gồm: *11 bản án, quyết định*) [72] nhưng không bao gồm cơ sở dữ liệu riêng cho các bản án hoặc quyết định của tòa án về SHTT. Hơn nữa, các bản án, quyết định này chỉ được tải lên dưới dạng scan bản gốc nên sẽ gây khó khăn cho người tìm kiếm. Các quyết định hành chính xử phạt các hành vi vi phạm quyền SHTT cũng chưa được cập nhật hoặc công bố. Vì vậy, sắp tới Việt Nam cần gấp rút hoàn thiện cách thức công bố bản án, quyết định nhằm đảm bảo yêu cầu đặt ra của Hiệp định CPTPP.

Đối với các biện pháp thực thi quyền SHTT bằng chế tài dân sự/ hành chính, Hiệp định CPTPP yêu cầu Tòa án phải có thẩm quyền lựa chọn, xem xét bất kỳ cơ chế xác định thiệt hại do chủ sở hữu đề xuất bao gồm lợi nhuận bị mất, giá trị của hàng hoá hoặc dịch vụ bị xâm phạm tính theo giá thị trường, hoặc theo giá bán lẻ được đề xuất [34]. Nếu như trước đây thì Tòa án Việt Nam chỉ có hai căn cứ nhằm quyết định mức bồi thường thiệt hại cho chủ thể quyền [49] thì hiện tại Luật SHTT sửa đổi 2019 [50] đã khắc phục điểm chưa tương thích với quy định của Hiệp định CPTPP bằng cách bổ sung thêm căn cứ về “*thiệt hại vật chất theo các cách tính khác do chủ thể quyền sở hữu trí tuệ đưa ra phù hợp với quy định của pháp luật*”.

Thành viên của Hiệp định CPTPP cũng phải quy định về khoản tiền bồi thường thiệt hại trước tùy theo sự lựa chọn của chủ sở hữu quyền trong các vụ kiện dân sự liên quan đến các hành vi giả mạo, sao chép nhãn hiệu [34] hoặc

xâm phạm QTG và QLQ đến bảo hộ các tác phẩm, bản ghi âm và các chương trình biểu diễn [34]. Khoản bồi thường có thể được bổ sung bởi Tòa án trong một số trường hợp cần thiết nhằm tăng tính răn đe, trừng phạt và ngăn chặn việc tái phạm. Điều này là cần thiết bởi việc xác định thiệt hại trong các vụ kiện về xâm phạm quyền SHTT là không dễ. Hiện nay, đã có một số nước không phải thành viên của Hiệp định CPTPP nhưng tiên phong trong việc quy định các khoản bồi thường thiệt hại được ước tính trước hoặc bồi thường bổ sung như Mỹ, Trung Quốc. Ví dụ, Trung Quốc quy định hành vi xâm phạm quyền SHTT đối với sáng chế phải bồi thường lên đến 5 triệu nhân dân tệ, nếu cố ý thì khoản bồi thường có thể gấp 5 lần mức thiệt hại thực tế [83]. Pháp luật Việt Nam hiện tại quy định một cách chung chung khi mức bồi thường tối đa là 500 triệu đồng do Tòa án ấn định mà không có quy định về bồi thường bổ sung với hành vi cố ý xâm phạm. Vậy nên, Việt Nam cần sửa đổi, bổ sung quy định hiện tại nhằm đáp ứng yêu cầu nội luật hóa của Hiệp định CPTPP.

Các quốc gia thành viên của Hiệp định CPTPP có nghĩa vụ thiết lập một cơ chế mà thông qua đó Tòa án có thẩm quyền yêu cầu bên thua kiện trả cho bên thắng kiện chi phí, phí tòa án, phí luật sư hợp lý trong các vụ án liên quan đến xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan, sáng chế và nhãn hiệu nếu phù hợp [34]. Luật SHTT sửa đổi 2019 cho phép bị đơn trong vụ kiện xâm phạm quyền SHTT được yêu cầu Tòa án buộc nguyên đơn thanh toán chi phí luật sư và các chi phí khác nếu Tòa án kết luận là không xâm phạm quyền SHTT [51]. Quy định này vượt quá cam kết theo điều 18.74 bởi nó được áp dụng trong tất cả các vụ kiện xâm phạm quyền SHTT trong khi Hiệp định CPTPP chỉ yêu cầu áp dụng trong các vụ kiện về xâm phạm QTG và QLQ, sáng chế và nhãn hiệu nếu cần thiết.

Khi khởi kiện vụ án xâm phạm quyền SHTT, chủ thể quyền có thể đối mặt với rủi ro rất lớn nếu như bị Tòa bác đơn. Theo Hiệp định CPTPP, Tòa án được phép áp dụng chế tài đối với luật sư, đương sự, người giám định và người có liên quan trong vụ kiện xâm phạm quyền SHTT nếu để lộ thông tin được trao đổi hoặc cung cấp trong quá trình tố tụng [34]. Việt Nam cần sửa đổi, bổ sung Bộ luật tố tụng dân sự nhằm đáp ứng yêu cầu nội luật hóa cam kết trên. Bên cạnh đó, theo Hiệp định CPTPP Tòa án có thẩm quyền buộc bên đưa ra yêu cầu về việc áp dụng các chế tài hoặc đã lạm dụng các biện pháp thực thi quyền SHTT phải bồi thường cho bên bị áp dụng các biện pháp đó tương ứng với mức độ thiệt hại do sự lạm dụng đó gây ra, kèm chi phí và phí luật sư [34]. Cam kết này [51] đã được nội luật hóa nhằm hạn chế tình trạng lạm dụng các biện pháp thực thi quyền SHTT.

Hiệp định CPTPP liệt kê một loạt hành vi vi phạm quyền SHTT sẽ bị xử lý hình sự áp dụng cho người trực tiếp vi phạm và đồng phạm [34]. Trong một số trường hợp Hiệp định CPTPP đòi hỏi các nước phải xử lý hình sự cả các vi phạm không vì lợi ích thương mại/tài chính nhưng gây thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của chủ sở hữu quyền [34]. Hiệp định CPTPP yêu cầu áp dụng truy cứu trách nhiệm hình sự không cần yêu cầu của người bị hại; xử lý tang vật; và Cơ quan có thẩm quyền phải được được phép tiếp cận tài nguyên dùng để sản xuất hàng hóa vi phạm và các chứng cứ khác để chủ sở hữu có thể kiện dân sự [34]. Hiện nay, Bộ luật hình sự của Việt Nam chỉ quy định hai hành vi xâm phạm đó là Tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan [11] và Tội xâm phạm quyền SHCN [11] với rất ít loại hành vi. Vì vậy, Việt Nam cần nhanh chóng sửa đổi, bổ sung những quy định trên nhằm đáp ứng yêu cầu nội luật hóa của Hiệp định CPTPP bởi theo lộ trình cam kết, Việt Nam có ba (03) năm để thực hiện.

Hiệp định CPTPP yêu cầu phải xử lý hình sự đối với một số hình thức vi phạm về bí mật thương mại thông qua hệ thống máy tính [34]. Các nhà cung cấp dịch vụ Internet phải nhanh chóng dỡ bỏ hoặc dừng cho truy cập vào các dữ liệu được lưu trữ trong hệ thống của mình ngay khi biết là dữ liệu đó vi phạm SHTT rõ ràng. Họ sẽ bị phạt tiền nếu không thực hiện nghĩa vụ này, chủ sở hữu quyền thông báo sai lệch/gian lận cho nhà cung cấp dịch vụ Internet cũng sẽ bị phạt tiền [34]. Việc nội luật hóa các cam kết trên sẽ giúp xử lý các xâm phạm trên mạng Internet hiệu quả hơn bởi thực tế xâm phạm trên Internet ngày càng nhiều và nghiêm trọng hơn. Tuy nhiên, Việt Nam sẽ chỉ phải thực hiện các nghĩa vụ này sau ba (03) năm kể từ ngày Hiệp định CPTPP có hiệu lực. Ngoài ra, thành viên của Hiệp định CPTPP phải ban hành và thực thi các quy định pháp luật bắt buộc các cơ quan Nhà nước ở trung ương chỉ sử dụng phần mềm máy tính không vi phạm bản quyền và phải sử dụng theo cách thức được phép [34].

Việc nâng cao các tiêu chuẩn thực thi quyền SHTT nhằm đảm bảo hiệu lực quyền SHTT trong thực tế, ngăn chặn các chủ thể khác xâm phạm, và xử lý xâm phạm tốt hơn. Tuy nhiên, khả năng thích ứng với các tiêu chuẩn thực thi cao sẽ gặp khó khăn, đồng thời làm gia tăng chi phí sinh hoạt của người dân, đặc biệt khi Việt Nam đang là một quốc gia đang phát triển. Hình sự hóa các hành vi xâm phạm quyền SHTT sẽ làm phát sinh hậu quả về mặt xã hội bởi nó đi ngược lại xu hướng nhân đạo hóa trong áp dụng biện pháp xử lý hình sự của Việt Nam; chuyển hướng xử lý các hành vi xâm phạm khác bằng cách hành chính hóa hoặc dân sự hóa; tạo gánh nặng cho nhà nước trong việc xử lý xâm phạm khi tăng cường áp dụng các biện pháp hình sự. Vì vậy, Việt Nam cần lựa chọn phương thức thực thi Hiệp định CPTPP phù hợp với điều kiện và nhu cầu bảo hộ của một nước đang phát triển [34].

Để bảo đảm hiệu quả thực thi, Bộ Tư pháp và Viện Kiểm soát nhân dân tối cao chịu trách nhiệm soạn thảo tờ trình của Chính phủ về việc sửa đổi Bộ



luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự [65] nhằm đảm bảo lộ trình cam kết trong CPTPP tại Nghị quyết số 72/2018. Năm 2020, có tất cả 2445 vụ xử lý xâm phạm quyền SHCN bị xử lý với tổng số tiền phạt là gần 21,5 tỉ đồng, thu giữ và xử lý hơn 200 triệu sản phẩm [20]. So với năm 2019, số vụ vi phạm quyền SHCN (3292 vụ) và số tiền phạt (khoảng 26,5 tỉ đồng) đều đã giảm. Có thể thấy các biện pháp thực thi của Việt Nam đã phát huy tác dụng khi đã có sự thay đổi trong nhận thức và ý thức tôn trọng quyền SHTT của cá nhân, doanh nghiệp. Hơn nữa, việc sụt giảm này còn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung và hoạt động bảo vệ quyền SHTT nói riêng.

Theo báo cáo của Bộ VH TTDL trong năm 2020 thanh tra Bộ đã phát hiện và xử phạt hành chính hơn 740 tổ chức, cá nhân với tổng tiền xử phạt gần 7 tỉ đồng. Năm 2020, cơ quan chức năng đã đột kích kiểm tra kho hàng lậu có diện tích hơn 10.000m<sup>2</sup> tại thành phố Lào Cai [6]. Doanh thu đem lại từ hoạt động này lên tới hơn 10 tỉ đồng và 30000 đơn hàng mỗi tháng thông qua các hoạt động bán hàng Livestream. Năm 2021, cơ quan chức năng lại tiếp tục phát hiện một kho tàng trữ hàng hóa giả nhãn hiệu Hermès, Louis Vuitton, Chanel... tại huyện Vụ Bản, Nam Định [7]. Tại thời điểm kiểm tra, kho hàng có khoảng 30.000 sản phẩm nghi là hàng nhái, hàng giả có giá trị gần sáu tỉ đồng. Hoạt động kinh doanh của ổ nhóm này là thông qua hình thức bán hàng Livestream. Đây là hai vụ án nổi bật trong số rất nhiều vụ án về xâm phạm quyền SHTT gây thiệt hại lớn về kinh tế đối với các nhãn hàng được cơ quan chức năng Việt Nam triệt phá.

Kết thúc năm 2020, với sự phối hợp của các lực lượng chức năng bao gồm: hải quan, công an, quản lý thị trường,... nhằm triệt phá các đường dây buôn lậu hàng nhái, hàng kém chất lượng cũng đã đem lại rất nhiều kết quả tích cực. Theo báo cáo của Chánh Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo 389 quốc gia, trong năm 2020, các lực lượng chức năng đã phát hiện, xử lý hơn 185 nghìn vụ

việc vi phạm (giảm 16,3 % so với cùng kỳ năm 2019), thu nộp ngân sách nhà nước gần 25 nghìn tỷ đồng (tăng 15,39 % so với cùng kỳ), khởi tố hơn 2,5 nghìn vụ (tăng 28,3 % so với cùng kỳ), hơn 3,5 nghìn đối tượng (tăng 49,46 % so với cùng kỳ). Nhiều đường dây, ổ nhóm đã bị triệt phá, nhiều đối tượng chủ mưu, cầm đầu bị bắt giữ, xử lý theo quy định của pháp luật.

Theo Chánh Văn phòng Ban Chỉ đạo quốc gia chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả kết quả nêu trên thật sự chưa đánh giá đúng tình hình xâm phạm quyền SHTT hiện nay. Thực tế hiện nay xâm phạm quyền SHTT tại Việt Nam diễn ra với các thủ đoạn tinh vi, có tổ chức, và công khai do chế tài xử phạt vẫn chưa đủ nặng và thiếu tính răn đe. Nhiều trường hợp vi phạm hoặc tái phạm do lợi nhuận đem lại từ việc xâm phạm quyền SHTT lớn hơn rất nhiều so với việc bị xử phạt. Hơn nữa, hàng hóa bị làm giả hoặc nhập lậu rất đa dạng nên gây khó khăn cho các lực lượng chức năng trong việc kiểm tra, xử lý vi phạm. Hành vi vi phạm cũng khó lường bởi các đối tượng này thường áp dụng các công nghệ hiện đại để sản xuất, gia công tại nước ngoài, trộn lẫn hàng thật với hàng giả. Những hạn chế nêu trên đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa của cơ quan chức năng nhằm ngăn chặn các hành vi xâm phạm. Bên cạnh đó, việc tuyên truyền giáo dục cần sát với thực tiễn nhằm nâng cao nhận thức của cá nhân, doanh nghiệp. Có như vậy, việc thực hiện các cam kết về thực thi quyền SHTT theo Hiệp định CPTPP mới đạt được hiệu quả tối đa.

### KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Cam kết về quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định CPTPP đặt ra những tiêu chuẩn cao hơn với phạm vi bảo hộ rộng hơn rất nhiều so với tiêu chuẩn chung trong khuôn khổ của WTO, cụ thể là Hiệp định TRIPS. Xuất phát từ nhu cầu hoàn thiện thể chế pháp luật, Việt Nam đã từng bước thực hiện nghĩa vụ của mình thông qua việc nội luật hóa các cam kết về quyền tác giả và quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp, và các cam kết về thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Đồng thời, Việt Nam đã và đang gia nhập các điều ước quốc tế theo yêu cầu của Hiệp định CPTPP theo đúng lộ trình cam kết. Bên cạnh đó, Việt Nam đã tích cực tham gia các diễn đàn, hội nghị về việc triển khai, thực hiện các cam kết về quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định CPTPP, đặc biệt là trong các hội nghị bộ trưởng của Hiệp định CPTPP.

Việt Nam được đánh giá là một trong những thành viên nghiêm túc, tích cực trong việc đóng góp những giải pháp, sáng kiến nhằm tháo gỡ khó khăn, thách thức trong quá trình thực thi các cam kết về quyền sở hữu trí tuệ trong Hiệp định CPTPP. Tuy nhiên, tương tự như nhóm các quốc gia đang phát triển của Hiệp định CPTPP, Việt Nam là một trong những thành viên phải đối mặt với rất nhiều thách thức trong việc nội luật hoá theo lộ trình đã cam kết cũng như đảm bảo việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định CPTPP. Nhà nước hay các cơ quan chức năng chuyên trách và chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ cần thêm thời gian, nguồn lực để chuẩn bị nhằm đáp ứng yêu cầu đặt ra của Hiệp định CPTPP. Bên cạnh đó, thực trạng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam hiện nay cũng đang diễn ra vô cùng phức tạp, tinh vi, ngang nhiên. Các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ được thực hiện có tính tổ chức và chuyên nghiệp với sự tham gia của nhiều đối tượng khác nhau với quy mô ngày càng mở rộng sang nhiều ngành nghề,

lĩnh vực khác nhau. Chính vì vậy, Việt Nam cần phải tập trung nguồn lực để nhanh chóng tìm ra những giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật theo cam kết nhằm kiến tạo hành lang pháp lý để hỗ trợ tốt hơn cho các chủ thể quyền cũng như các cơ quan chức năng chịu trách nhiệm thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

## Chương 4

# PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CÁC CAM KẾT VỀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ THEO HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC TOÀN DIỆN VÀ TIẾN BỘ XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG

### 4.1 Phương hướng thực hiện các cam kết về quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương

#### 4.1.1 *Đánh giá hiệu quả thực hiện các cam kết về quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương*

Phương hướng thực hiện các cam kết về quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định CPTPP bao gồm: nội luật hóa, tổ chức thực hiện, hợp tác quốc tế, và đặc biệt là đánh giá hiệu quả thực hiện các cam kết. Việc thực hiện các cam kết về quyền SHTT theo Hiệp định CPTPP cần được phân tích và hệ thống hóa nhằm đánh giá hiệu quả mà các cam kết này mang lại. Thông qua các báo cáo, số liệu thống kê, các quốc gia thành viên có thể đánh giá được hiệu quả của việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định CPTPP. Việc đánh giá hiệu quả thực hiện cam kết về quyền SHTT sẽ là căn cứ cho phương hướng thực hiện các cam kết này trong tương lai khi Hiệp định CPTPP cho phép các quốc gia không phải là thành viên được phép đàm phán và xin gia nhập. Trên thực tế, với vị thế của Hiệp định CPTPP, đặc biệt với kết quả thực thi, đã có rất nhiều đối tác quan tâm tới hiệp định. Ngoài Vương quốc Anh, nhiều quốc gia khác đã nộp đơn xin gia nhập. Việt Nam là một trong các quốc gia có lợi thế là quốc gia đi đầu, xét đơn gia nhập của các đối tác mới [74].

Kể từ khi Hiệp định CPTPP chính thức có hiệu lực, Việt Nam là một trong những quốc gia khai thác hiệu quả cơ hội tại thị trường của các quốc gia thành viên. Cụ thể, năm 2021, tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ các nước thành viên CPTPP đạt khoảng 45,5 tỷ đô la mỹ, tăng khoảng 37,6 % so với năm 2020. Trong khi đó, tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang

các nước thành viên CPTPP đạt khoảng 45,7 tỷ đô la mỹ, tăng 18,1% so với năm 2020. Tính đến cuối năm 2022, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam với các nước thành viên của Hiệp định CPTPP đạt 88,1 tỷ đô la mỹ, tăng khoảng 19,2% so với cùng kỳ năm 2021 [74]. Kết quả này phản ánh nỗ lực của Việt Nam khi là một trong những quốc gia “dũng cảm” đi đầu triển khai, nghiêm túc tổ chức thực hiện Hiệp định CPTPP. Tuy nhiên, các lợi thế này đã dần mất đi khi các quốc gia thành viên khác cũng đã phê chuẩn Hiệp định CPTPP, đồng thời một số nền kinh tế khác có thể sẽ tham gia trong thời gian sắp tới [74]. Do đó, bên cạnh việc tiếp tục đánh giá hiệu quả thực hiện các cam kết về quyền SHTT theo Hiệp định CPTPP qua từng năm, các quốc gia thành viên cũng cần đánh giá tác động từ việc gia nhập của các quốc gia khác, đặc biệt là các quốc gia phát triển như Vương Quốc Anh, Hoa Kỳ bởi chương 18 của Hiệp định CPTPP chỉ tạm hoãn thực hiện một số cam kết về quyền SHTT mà không loại bỏ hoàn toàn các cam kết này.

#### ***4.1.2 Phương hướng hoàn thiện pháp luật bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đáp ứng nhu cầu nội tại của quốc gia đang phát triển như Việt Nam***

Hoàn thiện pháp luật bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Việt Nam nhằm phục vụ cho sự nghiệp phát triển đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế ngày một sâu rộng. Việc chỉnh sửa, bổ sung một số điều của Luật SHTT nhằm hướng tới mục tiêu thể chế hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước bảo hộ thành quả sáng tạo của các chủ thể nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong sản xuất kinh doanh cũng như bảo đảm môi trường đầu tư, cạnh tranh lành mạnh, bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng.

Việc sửa đổi Luật SHTT sẽ đảm bảo tính ổn định đồng bộ, minh bạch, khả thi, dễ tiếp cận, và hiệu quả của hệ thống pháp luật SHTT. Luật SHTT 2005 được ban hành như luật chuyên ngành thay thế cho những quy định về

bảo hộ quyền SHTT nằm trong Bộ luật Dân sự trước đó đã phát huy tác dụng trong bối cảnh vai trò quyền SHTT trở nên hết sức quan trọng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tại Việt Nam. Tuy nhiên, trong bối cảnh phát triển của khoa học kỹ thuật, đẩy mạnh giao thương quốc tế như hiện nay thì Luật SHTT năm 2005 liên tục được sửa đổi vào năm 2009 và 2019 vẫn chưa giải quyết được nhu cầu thực tiễn, nội tại của chính Việt Nam. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam, SHTT được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, cụ thể: “...hoàn thiện hệ thống pháp luật, nhất là pháp luật về bảo hộ sở hữu trí tuệ và giải quyết các tranh chấp dân sự, khắc phục những điểm nghẽn cản trở sự phát triển của đất nước.” [77].

Do đó, việc sửa đổi, bổ sung Luật SHTT không chỉ thể chế hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước mà còn tạo khuôn khổ pháp lý phù hợp cho chính sách bảo hộ quyền SHTT của Việt Nam. Đây cũng là tiền đề hợp tác đối với một quốc gia đang phát triển như Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế ngày một sâu rộng. Về cơ bản, Việt Nam cần tập trung sửa đổi 07 nhóm chính sách lớn liên quan đến quyền SHTT xuất phát từ nhu cầu của chính Việt Nam.

Một là, pháp luật về SHTT phải đảm bảo quy định rõ về các tiêu chuẩn bảo hộ và nội dung quyền của các chủ thể [58].

Hai là, cần khuyến khích việc tạo ra, khai thác và phổ biến sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch được sử dụng từ ngân sách nhà nước [58]. Khi việc xác định quyền sở hữu và quyền khai thác đối với các nghiên cứu khoa học sử dụng nguồn vốn của nhà nước được quy định cụ thể và chi tiết hơn sẽ thúc đẩy việc khai thác các tài sản được bảo hộ quyền SHTT (sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí).

Ba là, các thủ tục hành chính liên quan đến việc đăng ký và xác lập quyền cần được tinh giản, nhanh gọn, hiệu quả, và tiết kiệm nhằm hỗ trợ tối đa cho mục tiêu bảo hộ quyền SHTT [56].

Bốn là, mức độ bảo hộ phải dựa trên nguyên tắc thỏa đáng và cân bằng lợi ích của các bên liên quan. Các sửa đổi, bổ sung của luật SHTT sẽ hướng đến quyền tiếp cận các đối tượng của quyền SHTT của công chúng và giới hạn quyền của chủ sở hữu [47].

Năm là, tăng cường, đẩy mạnh hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ về SHTT. Các hoạt động này cần được chỉnh sửa theo hướng quy định rõ trách nhiệm và phân loại phạm vi hoạt động của các bên liên quan. Quy định hiện nay của pháp luật về SHTT vẫn còn nhiều điểm chưa tương thích, chồng chéo lên nhau từ đó gây khó khăn cho việc xác định trách nhiệm cũng như phạm vi công việc của các bên liên quan [58].

Sáu là, hiệu quả của các hoạt động thực thi quyền SHTT phụ thuộc vào sự cụ thể và khả thi của các quy định pháp luật [56]. Vậy nên luật SHTT cần được quy định chi tiết, cụ thể, và đặc biệt chú trọng các biện pháp dân sự. Các biện pháp về thực thi quyền SHTT trong môi trường số cần phải nhanh chóng hoàn thiện do các vi phạm về quyền SHTT hiện nay đang diễn ra trên môi trường số ngày càng tinh vi, phức tạp. Những quy định liên quan đến cách thức và phạm vi áp dụng các biện pháp kiểm soát biên giới đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu cũng cần phải được sửa đổi, bổ sung nhằm bảo đảm thị trường cạnh tranh lành mạnh.

Cuối cùng, cần tập trung nguồn lực để xây dựng hệ thống SHTT trên cơ sở đảm bảo thực thi đầy đủ và nghiêm túc các cam kết quốc tế trong quá trình hội nhập quốc tế để tăng cường uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế [58].

#### ***4.1.3 Phương hướng hoàn thiện pháp luật tương thích với các cam kết của Việt Nam về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương***

Việt Nam với tư cách thành viên của Hiệp định CPTPP có nghĩa vụ phải nội luật hóa các cam kết về quyền SHTT, bao gồm việc ghi nhận các tiêu chuẩn bảo hộ tương đồng và thực hiện tốt nghĩa vụ thực thi quyền SHTT.



Các cam kết về tiêu chuẩn bảo hộ trong Hiệp định CPTPP không dàn trải đối với tất cả các đối tượng của quyền SHTT mà tập trung chủ yếu vào một số đối tượng như nhãn hiệu, sáng chế, quyền tác giả, kiểu dáng công nghiệp, bí mật kinh doanh, chỉ dẫn địa lý. Ngoài ra, còn có các cam kết dành riêng cho một số sản phẩm SHTT đặc thù như dược phẩm, nông hóa phẩm, và các vấn đề SHTT thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin.

Các cam kết về thực thi quyền SHTT theo Hiệp định CPTPP bao gồm các chuẩn mực chung tối thiểu về thực thi quyền SHTT trong Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền Sở hữu trí tuệ và các chuẩn mực cụ thể đối với từng biện pháp dân sự, hành chính, hình sự và kiểm soát biên giới. Hiệp định TRIPS được coi là điều ước quốc tế đa phương đầu tiên với các chuẩn mực đầy đủ, toàn diện về thực thi quyền SHTT, tuy nhiên thực tế hợp tác trong khu vực của Hiệp định CPTPP đòi hỏi phải tiếp tục nâng cao tính hiệu quả của cơ chế thực thi quyền SHTT đối với mỗi quốc gia thành viên. Các biện pháp thực thi quyền SHTT này tập trung tăng cường hiệu quả thực thi quyền SHTT theo các biện pháp đã được ghi nhận theo Hiệp định TRIPS nhưng nhấn mạnh các biện pháp áp dụng trong môi trường số cũng như một số chế tài xử lý nghiêm khắc hơn các xâm phạm quyền SHTT.

Việc đặt ra các tiêu chuẩn cao hơn Hiệp định TRIPS thông qua các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như Hiệp định CPTPP sẽ là giải pháp nhằm mở rộng phạm vi, đối tượng, và kéo dài thời hạn bảo hộ với cơ chế thực thi mạnh mẽ hơn, đồng thời làm suy yếu dần các quy định linh hoạt và ưu đãi cho các quốc gia đang phát triển và kém phát triển trong Hiệp định TRIPS. Tuy nhiên, trong số những cam kết về bảo hộ quyền SHTT nói chung cũng như thực thi quyền SHTT nói riêng của Hiệp định CPTPP mang tính nghiêm ngặt hơn các cam kết trước đó trong khuôn khổ WTO hay khuôn khổ khu vực, song phương khác đối với Việt Nam hiện đang tạm dừng thực hiện. Điều này không có nghĩa rằng pháp luật Việt Nam sẽ không buộc phải nội luật hóa

những nội dung đó mà chỉ đồng nghĩa với việc chúng ta sẽ có thời gian kéo dài thời gian chuyển tiếp cho việc hoàn thiện pháp luật trong tương lai.

Kể từ khi Hiệp định CPTPP chính thức có hiệu lực thì Việt Nam là quốc gia đối mặt với nhiều thách thức về bảo hộ SHTT. Mặc dù thời gian chuyển tiếp được ấn định đối với Việt Nam (ba (03) năm cho sửa đổi pháp luật, năm (05) năm cho xã hội thích ứng với việc kéo dài các thời hạn bảo hộ và mười hai (12) năm đối với tiêu chuẩn cao trong bảo hộ dữ liệu hóa phẩm và sinh phẩm) nhưng các cam kết chặt chẽ này sẽ tác động không nhỏ tới quá trình hoàn thiện pháp luật và tổ chức thực hiện tại Việt Nam.

Việc nâng cao các tiêu chuẩn bảo hộ sẽ làm gia tăng khả năng xác lập quyền đồng thời mở rộng và kéo dài quyền của chủ sở hữu. Đành rằng việc bảo hộ chặt chẽ các sản phẩm sáng tạo trí tuệ sẽ tạo động lực thúc đẩy tư duy đổi mới sáng tạo, tuy nhiên đối với Việt Nam thì đa phần các sáng chế là do chủ thể nước ngoài đăng ký bảo hộ nên việc hưởng lợi sẽ thiên về các nhà đầu tư nước ngoài. Các chỉ dẫn thương mại sau khi được bảo hộ sâu và rộng hơn sẽ tạo ra một thị trường cạnh tranh lành mạnh và bảo vệ tốt hơn quyền lợi của người tiêu dùng. Tuy nhiên, đối với chỉ dẫn địa lý của một quốc gia có nhiều sản phẩm nông nghiệp phong phú như Việt Nam, khi chủ sở hữu nhãn hiệu có được các ưu thế khi khai thác quyền sẽ vô tình tạo ra rào cản đối với chỉ dẫn có được từ yếu tố tự nhiên.

Hiệu lực quyền SHTT trong thực tế sẽ được đảm bảo hơn nếu các tiêu chuẩn thực thi quyền SHTT nâng cao bởi nó sẽ ngăn không cho các chủ thể khác xâm phạm, đồng thời xử lý xâm phạm quyền SHTT hiệu quả hơn. Tuy nhiên, đây sẽ là một thách thức không nhỏ đối với Việt Nam bởi nó sẽ làm gia tăng chi phí sinh hoạt của người dân và khó khăn trong việc thích ứng với các tiêu chuẩn thực thi mới. Bên cạnh đó, việc hình sự hóa hành vi xâm phạm sẽ gia tăng gánh nặng cho Nhà nước khi xử lý xâm phạm và sẽ làm phát sinh hậu quả

về mặt xã hội khi các hành vi xâm phạm khác thay bằng việc được xử lý bằng biện pháp dân sự thì lại hành chính hóa.

Từ những lý do nêu trên, Việt Nam cần có cách thức thực thi các cam kết về bảo hộ quyền SHTT theo Hiệp định CPTPP phù hợp với điều kiện và nhu cầu bảo hộ của một nước đang phát triển dựa trên việc Hiệp định CPTPP cho phép mỗi thành viên sẽ tự quyết định cách thức phù hợp trong phạm vi hệ thống pháp luật và tập quán của riêng mình [34].

#### ***4.1.4 Phương hướng nâng cao năng lực tổ chức thực hiện các cam kết bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương và đẩy mạnh hợp tác quốc tế***

Nhằm nâng cao năng lực tổ chức thực hiện các cam kết bảo hộ quyền SHTT theo Hiệp định CPTPP, Việt Nam cần tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm sau đây.

Thứ nhất, đối với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã cam kết gia nhập theo Hiệp định CPTPP, cần tập trung rà soát và đảm bảo đúng tiến độ gia nhập. Đến thời điểm hiện tại, Việt Nam đã gia nhập Hiệp ước về Quyền tác giả của Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới; Hiệp ước về Biểu diễn và bản ghi âm của Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới; Thỏa ước La-hay về đăng ký quốc tế kiểu dáng công nghiệp; và Hiệp ước Budapest về sự công nhận quốc tế đối với việc nộp lưu chủng vi sinh nhằm tiến hành các thủ tục về sáng chế. Hơn nữa, các Hiệp ước trên đều đã chính thức có hiệu lực đối với Việt Nam. Tuy nhiên, thực tế nhận thức và sự hiểu biết về các Hiệp ước này vẫn còn hạn chế, đặc biệt là đối với các cơ quan chức năng liên quan cũng như các chủ thể quyền. Chính vì vậy, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền và phổ biến về nội dung, quy định của các điều ước này thông qua các lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng hoặc phương tiện truyền thông đại chúng ...

Thứ hai, cần tập trung nâng cao năng lực tổ chức thực hiện của các cơ quan chức năng và nhận thức của các cán bộ chuyên trách của hệ thống bảo

hộ quyền SHTT. Việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhằm nâng cao nhận thức và ý thức của các chủ thể quyền và cán bộ tổ chức thực hiện các nghĩa vụ bảo hộ quyền SHTT theo Hiệp định CPTPP. Việc nâng cao năng lực nhận thức đối với công chức thuộc hệ thống các thiết chế bảo hộ quyền SHTT rất quan trọng, trong đó bao gồm các công chức thuộc cơ quan xác lập quyền như Cục SHTT, Cục bản quyền cũng như các công chức thực thi quyền SHTT tại khối các cơ quan hải quan, cơ quan thanh tra chuyên ngành, quản lý thị trường, cảnh sát kinh tế, ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính liên quan đến quyền SHTT cũng như Tòa án nhân dân các cấp. Đặc biệt, cần nâng cao nhận thức mới về quyền SHTT đối với các chủ thể quyền cũng như đối với các tổ chức đại diện SHTT để họ hỗ trợ hợp tác với chủ thể quyền trong việc bảo vệ quyền SHTT của mình. Đây là giải pháp nhằm giúp các chủ thể quyền tránh rơi vào thế bị động trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Thứ ba, tập trung hỗ trợ các hoạt động hợp tác quốc tế nhằm chia sẻ và trao đổi kinh nghiệm với các nước phát triển trong lĩnh vực SHTT, đặc biệt là các thành viên của Hiệp định CPTPP. Các hoạt động hợp tác quốc tế về quyền SHTT được tổ chức rất bài bản và linh hoạt trong thời gian đại dịch Covid-19. Bên cạnh việc tham gia các Điều ước quốc tế nhằm thực hiện các cam kết theo Hiệp định CPTPP, Cục SHTT đã chủ động ký kết các thỏa thuận, triển khai dự án nhằm nâng cao năng lực về SHTT như “*Thỏa thuận hợp tác về Môi trường sở hữu trí tuệ kiến tạo với WIPO*” để hỗ trợ nâng cao năng lực về SHTT và đổi mới sáng tạo cho đội ngũ cán bộ của các viện nghiên cứu và trường đại học hay Dự án WIPO IPAS nhằm “*Hiện đại hóa hệ quản trị đơn sở hữu công nghiệp của Cục Sở hữu trí tuệ*” [26].

Cục SHTT cũng phối hợp với đối tác Canada để xây dựng, trình phê duyệt các đề xuất dự án Thực thi Hiệp định CPTPP trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ với Canada [22]. Các hoạt động trao đổi trực tuyến cấp cao được tổ chức

với các cơ quan SHTT các nước Nhật Bản (JPO), Singapore (IPOS)...nhằm chia sẻ các biện pháp được triển khai để duy trì hoạt động quản lý nhà nước về SHTT trong tình trạng giãn cách xã hội đồng thời khẳng định cam kết duy trì quan hệ hợp tác với nội dung và hình thức phù hợp. Tuy nhiên, để đạt được yêu cầu theo cam kết về quyền SHTT trong Hiệp định CPTPP thì Việt Nam cần tổ chức và nâng cao năng lực của các thiết chế liên quan hơn nữa nhằm đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thành viên mà Việt Nam đã cam kết.

## **4.2 Giải pháp thực hiện các cam kết về quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương**

### ***4.2.1 Giải pháp hoàn thiện pháp luật nhằm đáp ứng nhu cầu của Việt Nam và tương thích với các cam kết bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương***

#### ***4.2.1.1 Giải pháp hoàn thiện các quy định về xác lập và nội dung quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương***

Căn cứ các quy định trong chương 18 của Hiệp định CPTPP về tiêu chuẩn bảo hộ nhãn hiệu, sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, quyền tác giả và quyền liên quan, Việt Nam đang thực hiện nghĩa vụ của mình bằng cách nội luật hóa những yêu cầu đó thông qua việc sửa đổi bổ sung pháp luật hiện hành.

Bên cạnh đó, các quy định về thủ tục trong hoạt động xác lập và quản lý quyền của cơ quan nhà nước trong lĩnh vực SHTT cũng được nội luật hóa trong các văn bản hướng dẫn thi hành luật chuyên ngành liên quan.

Các tiêu chuẩn thực thi quyền SHTT bao gồm biện pháp và chế tài xử lý xâm phạm quyền đã và đang được nội luật hóa trong luật SHTT. Đối với chế tài áp dụng trong trường hợp xâm phạm quyền, cần nội luật hóa thông qua các văn bản liên quan như Luật Sở hữu trí tuệ, Bộ luật Hình sự, Luật Xử lý vi phạm hành chính hiện hành. Nghĩa vụ mở rộng phạm vi áp dụng các

biện pháp thực thi như biện pháp hình sự cũng cần được nội luật hóa trong pháp luật Việt Nam.

Luật SHTT sửa đổi năm 2022 được thông qua và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 [51] (trừ các điều khoản liên quan đến nhãn hiệu phi truyền thống có hiệu lực từ ngày 01 tháng 06 năm 2022) đã nội luật hóa các yêu cầu bảo hộ quyền SHTT theo Hiệp định CPTPP nhưng Việt Nam cũng cần ban hành văn bản hướng dẫn thi hành các quy định chưa đủ cụ thể trong Luật 2022. Ngoài ra, như trên đã đề cập, có hơn 20 điều khoản thuộc chương 18 của Hiệp định CPTPP đang tạm dừng thực hiện nhưng không có nghĩa những yêu cầu này sẽ bị loại bỏ hoàn toàn đối với các quốc gia thành viên như Việt Nam. Vậy trong tương lai, Việt Nam vẫn cần ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện các quy định của Luật sửa đổi năm 2022 cũng như thể chế hóa các quy định mà Việt Nam phải thực thi các nghĩa vụ hiện đang tạm dừng thực hiện. Chính vì vậy, kể cả sau khi Luật SHTT được sửa đổi năm 2022, Việt Nam vẫn cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật nhằm đáp ứng các cam kết của Hiệp định CPTPP cũng như nhu cầu nội tại của Việt Nam. Trong đó, những giải pháp cụ thể có thể liệt kê gồm các quy định dưới đây.

Một là, các quy định về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả trong môi trường Internet cần được sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện [56]. Hiệp định CPTPP đã quy định rất rõ về các quy định bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan và trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ trung gian trong môi trường Internet (Internet Service Provider – “ISP”). Trong khi đó, pháp luật Việt Nam quy định còn tương đối sơ sài khi vấn đề này chỉ được điều chỉnh duy nhất tại Thông tư liên tịch số 07/2012/TTLTBTTTT-BVHTTDL ngày 19 tháng 6 năm 2012 của Bộ Thông tin và truyền thông, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian trong việc bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan

trên môi trường mạng Internet và mạng viễn thông (Thông tư liên tịch số 07/2012) [69] và vẫn còn hiệu lực cho đến nay. Về nguyên tắc, việc quy định trách nhiệm của các ISP phải bảo đảm cân bằng giữa hai lợi ích: Một là, thúc đẩy sự phát triển các dịch vụ trung gian trực tuyến, và hai là, cho phép các chủ thể quyền đối phó một cách hiệu quả với hành vi xâm phạm bản quyền xảy ra trong môi trường Internet [34]. Chính vì vậy, các nước thành viên của Hiệp định CPTPP phải xây dựng pháp luật chặt chẽ, quy định rõ trách nhiệm của ISP đối với hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan của người sử dụng dịch vụ trung gian do mình cung cấp, mặt khác phải quy định rõ những “*giới hạn an toàn*” cho phép ISP được miễn trừ trách nhiệm [34].

Pháp luật Việt Nam hiện nay có quy định những trường hợp ISP phải chịu trách nhiệm nhưng đối với các giới hạn an toàn thì chưa. Bên cạnh đó, Thông tư số 07 chỉ quy định ISP phải gỡ bỏ và xoá nội dung vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan, cắt, ngừng và tạm ngừng đường truyền Internet, đường truyền viễn thông khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu bằng văn bản, mà chưa quy định trách nhiệm gỡ bỏ nội dung vi phạm theo yêu cầu của chủ thể quyền, cũng như trách nhiệm bồi thường của người đã đưa ra yêu cầu gỡ bỏ hoặc cung cấp thông tin không đúng cho ISP [34]. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại của ISP theo khoản 5 Điều 5 Thông tư liên tịch số 07/2012 chỉ thuần túy áp dụng trong trường hợp ISP là chủ thể trực tiếp thực hiện hành vi xâm phạm, mà chưa đặt ra trường hợp ISP là chủ thể gián tiếp đóng góp vào vi phạm. Trách nhiệm gián tiếp là nền tảng lý luận để buộc ISP phải chịu trách nhiệm đối với hành vi xâm phạm do người sử dụng thực hiện cho dù mức độ tham gia của ISP là hạn chế hoặc không đáng kể. Có như vậy hiệu quả thực thi quyền SHTT trong môi trường số mới được nâng cao. Vì vậy, quy định hiện tại của Thông tư 07 cần được sửa đổi nhằm làm rõ trách nhiệm và giới hạn trách nhiệm của ISP trong việc bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan với

nội dung phù hợp với quy định của Hiệp định CPTPP [56]. Ngoài ra, cần khuyến khích, hỗ trợ các tác giả chủ động áp dụng công nghệ để bảo vệ mình thay vì chỉ đơn thuần dựa vào pháp luật.

Hai là, pháp luật cần mở rộng phạm vi đối tượng được bảo hộ quyền SHTT. Sự phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ sẽ xuất hiện ngày càng nhiều các đối tượng SHTT mới cần được bảo hộ như những đối tượng phi truyền thống như âm thanh, mùi hương [34] thay vì chỉ bảo hộ đối với các đối tượng truyền thống [48]. Không chỉ Mỹ, các nước Châu Âu, hay thậm chí Trung Quốc cũng đã có những thay đổi về mặt pháp luật để bảo hộ những đối tượng phi truyền thống này. Ví dụ, Luật Nhãn hiệu Trung Quốc sửa đổi năm 2013 đã xóa bỏ điều kiện nhãn hiệu phải là dấu hiệu “*nhìn thấy được*” và bảo hộ đối với nhãn hiệu âm thanh [98].

Luật SHTT sửa đổi 2022 đã bảo hộ nhãn hiệu âm thanh. Cụ thể, Việt Nam đã sửa đổi khoản 1 điều 72 Luật SHTT rằng “*dấu hiệu âm thanh thể hiện được dưới dạng đồ họa*” được bảo hộ như nhãn hiệu, tuy nhiên sửa đổi này vẫn cần bổ sung nhằm phù hợp với thực tiễn pháp lý quốc tế bởi Mỹ hay Liên minh Châu Âu cho phép nhãn hiệu âm thanh có thể được mô tả qua lời văn, từ tượng thanh, nốt nhạc, khuông nhạc. Đồng thời, cần bổ sung quy định những trường hợp âm thanh không được bảo hộ do không đáp ứng được điều kiện khả năng phân biệt như các âm thanh thông thường hay âm thanh chỉ mang tính chức năng hoặc các âm thanh thuộc phạm vi bị loại trừ bảo hộ. Âm thanh thông thường có thể là tiếng cười, nói, tiếng chim hót, tiếng còi tàu,... Âm thanh mang tính chức năng là âm thanh được tạo ra bởi hoạt động bình thường của sản phẩm hoặc cần thiết cho mục đích sử dụng của sản phẩm hoặc dịch vụ. Cuối cùng, sửa đổi quy định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu để phù hợp với nhãn hiệu âm thanh [81].



Theo quy định hiện nay của pháp luật Việt Nam, một nhãn hiệu được xác định là nổi tiếng khi xem xét số lượng quốc gia bảo hộ nhãn hiệu đó [51] và số lượng quốc gia công nhận nhãn hiệu là nổi tiếng [51]. Hiệp định CPTPP yêu cầu các nước không được lấy tiêu chí số lượng các quốc gia đã công nhận nhãn hiệu nổi tiếng hoặc đã nằm trong danh mục nhãn hiệu nổi tiếng để quyết định việc có hay không bảo hộ nhãn hiệu nổi tiếng đó [34]. Tuy nhiên, luật SHTT 2022 không loại bỏ hai tiêu chí này mà chỉ sửa đổi câu mở đầu “*Việc xem xét, đánh giá một nhãn hiệu là nổi tiếng được lựa chọn từ một số hoặc tất cả các tiêu chí sau đây:*”. Sửa đổi này sẽ gây khó khăn cho các chủ thể bởi họ sẽ không nắm được trong trường hợp nào một số tiêu chí được áp dụng hoặc khi nào tất cả các tiêu chí được áp dụng khi xác định nhãn hiệu nổi tiếng. Vì vậy, Việt Nam cần loại bỏ hai tiêu chí này nhằm đáp ứng yêu cầu nội luật hoá của Hiệp định CPTPP. Đồng thời, cần có hướng dẫn chi tiết tại các văn bản dưới luật về phương pháp áp dụng các tiêu chí.

Đối với sáng chế, Việt Nam mới chỉ bảo hộ đối với sáng chế dạng sản phẩm và quy trình [51] trong khi Hiệp định CTTPP bảo hộ sáng chế dạng sử dụng tức là những giải pháp đã được biết đến nếu như chúng được sử dụng theo một cách mới hoặc là phương pháp mới của một sản phẩm đã được biết đến [34]. Vì vậy, Việt Nam cần phải mở rộng đối tượng được bảo hộ đối với sáng chế, vốn chưa được nội luật hoá trong luật SHTT 2022. Ngoài ra, đối với kiểu dáng công nghiệp Việt Nam cũng cần mở rộng phạm vi, đối tượng bảo hộ đối với kiểu dáng được chứa đựng trong một phần sản phẩm thay vì chỉ bảo hộ kiểu dáng tổng thể bên ngoài của sản phẩm [34] bởi đây là quy định của Hiệp định CPTPP nhưng chưa đưa vào luật SHTT 2022.

Ba là, hoàn thiện pháp luật về quy trình thẩm định, xác lập quyền sở hữu công nghiệp để thích ứng với việc mở rộng phạm vi bảo hộ cho nhãn hiệu âm thanh, nhãn hiệu mùi, kiểu dáng công nghiệp của một phần sản phẩm,

sáng chế dạng sử dụng... Những quy trình xác lập quyền phải đảm bảo tính hiệu quả, đơn giản, minh bạch, và tạo thuận lợi bên nộp đơn và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin.

Bốn là, đối với việc sử dụng tài sản trí tuệ vào giao dịch bảo đảm, pháp luật về giao dịch bảo đảm cần quy định rõ hơn các loại tài sản trí tuệ có thể sử dụng làm tài sản bảo đảm. Điều này sẽ giúp các doanh nghiệp khởi nghiệp dễ dàng hơn khi tiếp cận các nguồn vốn đầu tư. Cùng với đó, Việt Nam cũng cần học hỏi kinh nghiệm từ các nước phát triển nhằm thúc đẩy hoạt động cho vay có bảo đảm bằng tài sản trí tuệ.

Năm là, cần hoàn thiện pháp luật theo hướng cân bằng giữa lợi ích việc bảo hộ quyền SHTT, cụ thể là đối với Dữ liệu bí mật hoặc Các dữ liệu khác liên quan đến dược phẩm và quyền tiếp cận thuốc của cộng đồng. Tại Tuyên bố Doha 2001 [76], tất cả các thành viên của WTO, bao gồm các quốc gia thành viên CPTPP [34] đã ghi nhận tầm quan trọng, sự cần thiết và phù hợp đạo đức của việc áp dụng linh hoạt các quy định của TRIPS nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng. lạm dụng độc quyền sáng chế đối với dược phẩm đã vấp phải rất nhiều sự phản đối ngay từ những vòng đàm phán đầu tiên của Hiệp định TPP, và sau này là Hiệp định CPTPP khi nó trực tiếp ảnh hưởng đến quyền tiếp cận thuốc của cộng đồng, đặc biệt là tại các quốc gia nghèo, hoặc đang phát triển.

Trên cơ sở vận dụng linh hoạt các điều khoản tùy nghi của Hiệp định TRIPS, tinh thần của Tuyên bố Doha trên cơ sở phù hợp với các cam kết trong Hiệp định CPTPP, Việt Nam cần áp dụng một số biện pháp để bảo vệ sức khỏe cộng đồng và ngăn chặn việc lạm dụng độc quyền sáng chế đối với dược phẩm. Các quy định về chuyển giao quyền sử dụng sáng chế bắt buộc trong lĩnh vực dược phẩm cần được nới lỏng. Theo đó, Việt Nam có thể áp dụng linh hoạt điều 18.40 của Hiệp định CPTPP nhằm cho phép chuyển giao

quyền sử dụng sáng chế trong lĩnh vực dược phẩm. Hiện nay, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam cũng đã quy định cụ thể các căn cứ bắt buộc chuyển giao sáng chế như: áp dụng sáng chế vì mục đích công cộng, đảm bảo đáp ứng các nhu cầu cấp thiết của xã hội; Chủ sở hữu sáng chế không thực hiện nghĩa vụ sử dụng sáng chế hoặc thực hiện hành vi phản cạnh tranh... Tuy nhiên, không phải lúc nào cơ quan có thẩm quyền cũng có đầy đủ căn cứ nhằm bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế. Đồng thời người được chuyển giao quyền sử dụng sáng chế dược phẩm theo quyết định bắt buộc khi thực hiện sản xuất cũng bị hạn chế rất nhiều về quy mô sản xuất và phạm vi sử dụng.

Để đáp ứng yêu cầu của xã hội đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh, việc nhập khẩu song song dược phẩm sẽ là một giải pháp và pháp luật hiện hành của Việt Nam đã cho phép việc nhập khẩu này trên cơ sở học thuyết cạnh quyền đối với nhãn hiệu. Thực tế tại Việt Nam, đối với các loại thuốc nước ngoài, đặc biệt là các loại thuốc được sản xuất theo quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế, thường có giá thấp hơn so với thuốc được sản xuất theo sự cho phép của chủ sở hữu sáng chế, mặc dù đã bao gồm thuế nhập khẩu. Mặc dù cơ chế này đã được tạo điều kiện thông qua Luật sở hữu trí tuệ, tuy nhiên, việc cấp phép lưu hành, mức thuế áp dụng, hay cơ chế điều chỉnh giá thuốc... vẫn còn nhiều bất cập dẫn đến tình trạng nhiều tổ chức, doanh nghiệp không mấy mặn mà với chính sách nhập khẩu song song này. Vì vậy, Việt Nam cần tạo điều kiện thuận lợi thông qua các hành lang pháp lý nhằm cân bằng lợi ích trong bối cảnh bình thường với bối cảnh dịch bệnh khẩn cấp, đối với việc nhập khẩu song song các loại dược phẩm. Việt Nam cũng nên xem xét việc quy định hành vi lạm dụng quyền SHTT là một trong những hành vi phản cạnh tranh, đặc biệt đối với trường hợp độc quyền sử dụng sáng chế. Trong thực tế, việc độc quyền sử dụng sáng chế không những đem về các lợi ích kinh tế cho chủ sở hữu quyền mà còn rất nhiều đặc ân đi kèm.

Tuy nhiên, để cân bằng lợi ích giữa các chủ thể, pháp luật về SHTT vẫn trao cho chủ sở hữu quyền những độc quyền trong một thời gian nhất định. Thời hạn đó là chấp nhận được khi nó đã được nghiên cứu kỹ dựa trên cơ sở cân bằng lợi ích của công chúng và chủ sở hữu.

Cuối cùng, mặc dù Việt Nam đã nội luật hoá hầu hết các cam kết về quyền SHTT theo Hiệp định CPTPP thông qua việc sửa đổi, bổ sung luật SHTT 2022, tuy nhiên cần phải chi tiết hoá để các quy định đó mang tính khả thi. Cụ thể, Việt Nam cần nhanh chóng đưa ra các hướng dẫn chi tiết cho những quy định mới trong luật SHTT 2022 thông qua các văn bản dưới luật như Nghị định, Thông tư, Quyết định, hay văn bản hướng dẫn. Điều này sẽ tạo ra một hành lang pháp lý vững chắc, có tính liên kết không những giúp chủ sở hữu quyền mà còn bao gồm các cơ quan chức năng thực hiện quyền SHTT. Chủ sở hữu quyền SHTT sẽ hiểu được quyền, nghĩa vụ, và lợi ích hợp pháp của mình, qua đó giúp họ chủ động hơn trong việc bảo hộ và khai thác quyền. Các cơ quan chức năng hoặc chuyên trách sẽ có đầy đủ cơ sở pháp lý trong quá trình bảo hộ quyền SHTT, tránh những trường hợp như chồng chéo trách nhiệm trong công tác quản lý, thực thi quyền SHTT hoặc chậm trễ trong việc giải quyết hồ sơ đăng ký bảo hộ.

#### *4.2.1.2 Giải pháp hoàn thiện pháp luật về thực thi quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương*

Nhằm nâng cao năng lực thực thi quyền SHTT, Việt Nam cần tập trung chính vào các nhiệm vụ dưới đây.

Một là, đầu mối của cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp hành chính cần được tinh giảm [64]. Theo quy định hiện tại của pháp luật Việt Nam, cụ thể là Luật SHTT, Tòa án, Thanh tra chuyên ngành, Công an, Hải quan, Quản lý thị trường, Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT. Điều này cho thấy hệ thống cơ quan có thẩm quyền để xử phạt hành chính trong lĩnh

vực SHTT hiện nay còn công kênh, phức tạp, với nhiều đầu mối dễ gây nên sự chồng chéo khi thực hiện xử phạt.

Một trong số những ví dụ điển hình hiện nay đó là có trường hợp không phân biệt được trách nhiệm giữa nhiệm vụ theo chức năng thường xuyên (nhiệm vụ điều tra và xác minh của cơ quan công an) và thẩm quyền được trao thêm (thẩm quyền xử phạt hành chính). Cụ thể, khi có hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp liên quan đến hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý quy định tại Điều 12 và 13 của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP thuộc thẩm quyền xử phạt của cả 04 cơ quan là Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ, Quản lý thị trường, Hải quan, và Công an [52]. Trong khi đó, đối với các hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực SHCN nêu tại Điều 14 của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP thuộc thẩm quyền xử phạt của 03 cơ quan là Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ, Quản lý thị trường, Hải quan [52].

Có thể thấy, sự chồng chéo về phạm vi, trách nhiệm, và thẩm quyền trong quy định của pháp luật đã gây ra sự lúng túng cho các cơ quan có thẩm quyền khi xử lý vi phạm. Ngoài những vấn đề nêu trên thì năng lực của các cơ quan thực thi hành chính cũng còn hạn chế. Nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật mới chỉ đáp ứng được một số nhiệm vụ cơ bản. Tại một số địa phương, cơ quan thực thi hành chính thậm chí còn chưa có lực lượng chuyên trách về SHTT. Vì vậy, khi phát sinh các tranh chấp hoặc các hành vi xâm phạm quyền SHTT, đội ngũ này vẫn phải phụ thuộc vào ý kiến giám định của tổ chức giám định hoặc ý kiến của cơ quan chuyên môn dẫn đến tình trạng rất nhiều vụ việc bị kéo dài thời gian xử lý, chất lượng giải quyết chưa cao.

Vì vậy, việc cấp thiết lúc này là phải sắp xếp lại bộ máy các cơ quan có thẩm quyền xử lý xâm phạm quyền SHTT bằng biện pháp hành chính theo hướng tinh giảm, thu gọn các đầu mối [58]. Cụ thể, phải thực hiện việc rà

soát, đánh giá năng lực, hiệu quả của từng đơn vị chuyên trách để từ đó làm căn cứ xây dựng, thực hiện phương án sắp xếp, phân công lại trong bộ máy thực thi quyền SHTT [56]. Cần lưu ý rằng, việc thu gọn các đầu mối xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT phải thực hiện song song với việc phân định rõ phạm vi, chức năng, và thẩm quyền của mỗi cơ quan chuyên trách, tăng cường chất lượng hoạt động trên cơ sở thực hiện chuyên môn hóa về tổ chức và nhân sự trong các cơ quan này. Điều này không chỉ hướng đến việc thu gọn các đầu mối các cơ quan có thẩm quyền, tiết kiệm tài lực của Nhà nước mà còn cần tiếp cận vấn đề xuất phát từ bản chất dân sự của quyền SHTT, xóa bỏ tình trạng hành chính hóa các quan hệ dân sự về SHTT.

Bên cạnh việc sắp xếp lại thì việc thiết lập một cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin chuyên môn giữa các cơ quan bảo vệ quyền SHTT là cần thiết. Điều này nhằm tạo sự thống nhất, nhất quán trong nhận định và cách thức xử lý các vụ việc có cùng nội dung, bản chất vi phạm. Cuối cùng, các cơ quan bảo vệ quyền SHTT cũng cần công bố công khai các vụ việc được xử lý để qua đó rút kinh nghiệm trong hoạt động của mỗi cơ quan.

Hai là, nâng cao hiệu quả thực hiện các biện pháp kiểm soát biên giới đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất liên quan đến SHTT [56]. Cuối năm 2019, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan đã ban hành Chỉ thị số 7988/CT-TCHQ, Kế hoạch 441/KH-TCHQ chỉ đạo các đơn vị trong ngành triển khai thực hiện, nhằm tăng cường quản lý nhà nước về hải quan, chủ động phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi gian lận, giả mạo xuất xứ, ghi nhãn hàng hóa không đúng quy định, xâm phạm quyền SHTT. Theo quy định hiện nay thì việc tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá bị nghi ngờ xâm phạm quyền SHTT được áp dụng đối với tất cả các đối tượng quyền SHTT. Tuy nhiên, quy định này thậm chí còn cao hơn tiêu chuẩn của Hiệp định TRIPS hay thậm chí là Hiệp định CPTPP.

Đối với Hiệp định TRIPS, các quốc gia thành viên được yêu cầu áp dụng biện pháp tạm dừng làm thủ tục thông quan đối với hàng hóa giả mạo nhãn hiệu và sao chép lậu quyền tác giả. Thậm chí, Hiệp định CPTPP cũng chỉ yêu cầu mở rộng biện pháp này đối với hàng hóa mang nhãn hiệu tương tự gây nhầm lẫn. Thực tế nếu áp dụng các biện pháp này đối với các đối tượng như sáng chế, thiết kế bố trí mạch tích hợp, bí mật thương mại... là không khả thi và thiếu hiệu quả vì việc xác định các yếu tố xâm phạm đối với những đối tượng nêu trên là không dễ. Điều này làm gián đoạn quá trình lưu thông hàng hóa tại cửa khẩu, thậm chí một vài cơ quan hải quan tại cửa khẩu không đủ điều kiện để thực hiện. Hơn nữa, quy định này sẽ tạo ra một loạt các thủ tục hành chính, có khả năng bị lạm dụng, trong khi mục tiêu của Hiệp định CPTPP là tinh gọn và đơn giản hóa chính các thủ tục này. Việc ngăn chặn hàng hóa nghi ngờ vi phạm quyền SHTT vẫn có thể thực hiện được sau khi thông quan vì cơ quan chức năng bảo vệ quyền SHTT vẫn còn đủ thời gian và điều kiện để xác định các hành vi xâm phạm [56].

Có thể thấy, quy định hiện nay vô hình trung đã tạo ra gánh nặng không cần thiết cho cơ quan hải quan trong việc kiểm tra, giám sát hàng hoá tại biên giới. Hơn nữa đối với các hạn chế của hải quan về mặt thiết bị, phương tiện kỹ thuật, và nguồn nhân lực rất dễ dẫn đến tình trạng những nhiễu, gây phiền hà cho doanh nghiệp, ảnh hưởng chung đến việc lưu thông hàng hóa. Vì vậy, để tăng cường hiệu quả của các biện pháp kiểm soát biên giới đối với hàng hóa xuất nhập khẩu liên quan đến SHTT, cần phải sửa đổi quy định của Luật SHTT theo hướng thu hẹp phạm vi và đối tượng hàng hoá về SHTT bị kiểm soát tại biên giới [56]. Kiểm soát biên giới chỉ nên áp dụng đối với hàng hoá bị nghi ngờ giả mạo nhãn hiệu, hàng hóa mang nhãn hiệu tương tự gây nhầm lẫn, hoặc hàng hóa được sao chép lậu quyền tác giả. Tổng cục Hải quan có thể trực tiếp tham khảo, lấy ý kiến của các doanh nghiệp thường xuyên bị thiệt hại do hàng hóa bị

giả mạo nhãn hiệu và sao chép lậu quyền tác giả để xây dựng danh sách hàng hóa phải lưu ý kiểm soát trong quá trình làm thủ tục hải quan.

Số liệu và danh sách hàng hóa thường xuyên bị xâm phạm cũng có thể được lấy từ chính các vụ việc do Tổng cục Hải quan hoặc cơ quan chức năng các tỉnh xử lý. Ví dụ, Cục Kiểm tra sau thông quan sẽ trực tiếp kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan để làm rõ hành vi gian lận, giả mạo xuất xứ, ghi nhãn hàng hóa không đúng quy định, xâm phạm quyền SHTT, chuyển tải bất hợp pháp và xử lý theo quy định đối với các nhóm mặt hàng. Các nhóm mặt hàng sẽ được tập trung kiểm tra theo chuyên đề bao gồm: nhóm mặt hàng thép (khớp nối bằng thép; bánh xe thép; thép tiền chế; ống đồng); nhóm mặt hàng điện tử (mạch điện; máy xử lý dữ liệu; sản phẩm điện tử và linh kiện); nhóm máy móc, thiết bị (máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng; máy hút bụi; máy cắt cỏ); nhóm mặt hàng giày dép và túi xách [37]. Ngoài ra, Vụ Thanh tra - Kiểm tra của Tổng cục Hải quan có trách nhiệm điều tra, xác minh đối với các trường hợp có dấu hiệu rủi ro cao về gian lận, giả mạo xuất xứ, ghi nhãn không đúng quy định, chuyển tải bất hợp pháp. Theo đó, Vụ sẽ tập trung xử lý các nhóm mặt hàng bao gồm: Nhóm mặt hàng điện tử, mạch điện; máy xử lý dữ liệu; sản phẩm điện tử và linh kiện; nhóm mặt hàng xe đạp, xe đạp điện và linh kiện; pin năng lượng mặt trời; bao và túi nhựa; ghim đóng thùng; vỏ bình ga [55].

Bên cạnh việc thu gọn đối tượng hàng hóa kiểm soát tại biên giới thì Luật SHTT đã bổ sung thẩm quyền cho phép Hải quan được chủ động tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu bị nghi ngờ giả mạo nhãn hiệu, hàng hóa mang nhãn hiệu tương tự gây nhầm lẫn, hoặc hàng hóa được sao chép lậu quyền tác giả để đáp ứng cam kết của Hiệp định CPTPP [56]. Quy định này cho phép Hải quan chủ động trong việc xử lý hành



vi xâm phạm, tránh trường hợp bỏ lọt tội phạm, mất thời gian, chi phí trong khi chờ đợi yêu cầu từ chủ thể quyền.

Tuy nhiên, quy định trên cũng cần được sửa đổi và hướng dẫn chi tiết theo Luật Hải quan để bảo đảm tính khả thi trong công tác kiểm soát biên giới. Bên cạnh đó, Tổng cục Hải quan cũng cần nâng cao năng lực chuyên môn của cán bộ hải quan thông qua các buổi tập huấn, đào tạo nghiệp vụ, bồi dưỡng chuyên môn trong việc phân loại, nhận biết hàng hóa có khả năng hoặc nghi ngờ giả mạo nhãn hiệu, hàng hóa mang nhãn hiệu tương tự gây nhầm lẫn, hoặc hàng hóa được sao chép lậu quyền tác giả. Chỉ khi năng lực của cán bộ cơ quan hải quan được nâng cao, việc bổ sung thẩm quyền chủ động tạm dừng làm thủ tục hải quan mới phát huy hiệu quả trong việc kiểm soát hàng hóa nghi ngờ giả mạo nhãn hiệu, hàng hóa mang nhãn hiệu tương tự gây nhầm lẫn, hoặc hàng hóa được sao chép lậu quyền tác giả.

Ba là, quy định các chế tài xử phạt theo hướng đủ mạnh, đảm bảo tính răn đe, và ngăn ngừa các hành vi tái phạm trong tương lai. Tuy nhiên, các chế tài này vẫn phải đảm bảo việc tránh lạm dụng các thủ tục hành chính, gây phiền hà đối với hoạt động thương mại. Cần nghiên cứu bổ sung vào Luật SHTT quy định về bồi thường thiệt hại trong những trường hợp khó xác định thiệt hại với mức bồi thường thiệt hại theo luật định đủ lớn để bảo đảm tính răn đe. Ngoài ra, đối với các hành vi cố ý xâm phạm thì tòa án phải có thẩm quyền buộc bên xâm phạm phải trả một khoản tiền bồi thường bổ sung, với tính chất trừng phạt, đặc biệt là các vụ kiện về hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan, giả mạo nhãn hiệu, và xâm phạm quyền đối với sáng chế [56]. Nhằm đáp ứng yêu cầu trên, Việt Nam phải sửa đổi Điều 205 luật SHTT vì điều này chỉ quy định một cách chung chung về mức bồi thường thiệt hại về vật chất do Tòa án ấn định nhưng không quá 500 triệu đồng [48], và không cho phép tòa án tăng mức bồi thường đối với hành vi cố ý xâm phạm. Đối với

chế tài hình sự, cần từng bước hình sự hóa thêm một số hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đã được liệt kê theo yêu cầu của Hiệp định CPTPP [34]. Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 2015 chỉ có 2 điều quy định [10] về Tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan và Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp với rất ít loại hành vi.

Bốn là, Việt Nam cần nhanh chóng hoàn thiện việc công bố án lệ về SHTT bởi vì trong số 56 án lệ đã công bố (29 án lệ dân sự, 10 án lệ kinh doanh thương mại) nhưng chưa có án lệ nào liên quan đến quyền SHTT. Hệ thống án lệ không chỉ cho phép thẩm phán, các cán bộ thực thi, các luật sư, học giả và sinh viên luật có thể tiếp cận và nghiên cứu các bản án về SHTT, để có được một cái nhìn đầy đủ, toàn diện các khía cạnh biểu hiện của quyền SHTT trong thực tế, về thực trạng các giao dịch liên quan đến tài sản trí tuệ, cách giải quyết của tòa án đối với các vụ xâm phạm quyền SHTT, mà còn hỗ trợ họ trong việc phát hiện những lỗ hổng, điểm chưa tương thích giữa thực tế và pháp luật, từ đó có thể kiến nghị, đề xuất các phương án hoàn thiện. Vô hình trung sẽ thúc đẩy việc áp dụng pháp luật SHTT thống nhất; lý luận về pháp luật SHTT sẽ không ngừng được bổ sung bởi hệ thống án lệ phong phú [56].

Việc phát triển hệ thống án lệ dân sự về SHTT cũng sẽ góp phần nâng cao năng lực của tòa án trong việc xét xử các tranh chấp quyền SHTT nâng cao năng lực thực thi bằng cơ chế khởi kiện dân sự. Bởi vì, chỉ khi các tranh chấp về quyền SHTT được thực hiện thông qua cơ chế này, thì các chủ thể quyền SHTT mới được bảo vệ đầy đủ, trọn vẹn, được hưởng các chế tài dân sự mà biện pháp hành chính không thể mang lại cho họ như chế tài bồi thường thiệt hại. Hơn nữa, cơ chế khởi kiện dân sự sẽ đảm bảo tính minh bạch, dân chủ, công khai, chặt chẽ về thủ tục để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Cơ chế này sẽ cho phép đánh giá đầy đủ các tình tiết, chứng cứ, lập luận của các bên để đưa ra quyết định chính xác, đúng với

thực tế bởi các hành vi xâm phạm quyền SHTT ngày càng tinh vi, phức tạp, có tổ chức, và gây thiệt hại vô cùng lớn đối với chủ thể quyền. Đồng thời cơ chế công bố bản án cần được hoàn thiện theo hướng số hóa nội dung bản án thay vì chỉ scan bản gốc nhằm tạo thuận lợi cho việc tra cứu và xây dựng cơ sở dữ liệu riêng về bản án, quyết định về SHTT, đồng thời tiến tới công bố các quyết định hành chính về SHTT.

Cuối cùng, Việt Nam cần nhanh chóng nghiên cứu và xây dựng, hoặc nâng cấp hệ thống đánh giá năng lực thực thi quyền SHTT theo Hiệp định CPTPP. Hệ thống này cần tổng hợp các kinh nghiệm quốc tế trong việc thực thi quyền SHTT và bao gồm các tiêu chí đánh giá tính hiệu quả của các cơ chế thực thi quyền SHTT. Bên cạnh đó, hệ thống cần đưa ra được các cách thức, biện pháp để phát hiện và xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHTT theo quy định của pháp luật Việt Nam [9].

#### ***4.2.2 Giải pháp tăng cường năng lực tổ chức thực hiện các cam kết quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương***

Việc tổ chức thực hiện các cam kết về bảo hộ quyền SHTT thể hiện hiệu quả quá trình nội luật hóa các cam kết của Việt Nam theo Hiệp định CPTPP (Chương 18 của Hiệp định CPTPP) cũng như ý thức về trách nhiệm thành viên của Việt Nam. Tuy nhiên, với tư cách là thành viên chính thức của Hiệp định CPTPP và là một trong những quốc gia đầu tiên phê chuẩn Hiệp định, cũng như phê chuẩn các thành viên mới, Việt Nam cũng như các thành viên còn lại cần có giải pháp cụ thể đối với các cam kết bị đình chỉ tại Chương 18. Theo đó, cần có những nghiên cứu chuyên sâu hơn nhằm đánh giá tác động của các cam kết bị đình chỉ lên hiệu quả thực hiện các cam kết về quyền SHTT theo Hiệp định CPTPP hiện tại. Đối với các quốc gia phát triển như Vương Quốc Anh hay Hoa Kỳ, họ sẽ tận dụng triệt để lợi thế về thị

trường nhằm tái khởi động các cam kết bị đình chỉ của Chương 18 trong trường hợp gia nhập bởi các cam kết này vốn đã tương thích với hệ thống pháp luật và nền tảng khoa học kỹ thuật vững mạnh của họ [45].

Thành viên của Hiệp định CPTPP cần phải cân nhắc kỹ lưỡng khi đồng ý hoặc không đồng ý cho các quốc gia mới tham dự bởi thực tế cam kết về quyền SHTT vẫn còn tồn tại. Hơn nữa, ngay từ thời điểm đầu tiên khi đàm phán Hiệp định TPP và sau này là Hiệp định CPTPP, mục tiêu của các quốc gia đang phát triển là thâm nhập vào thị trường thương mại tự do của các quốc gia phát triển như Hoa Kỳ, trong đó có Việt Nam. Việc Hoa Kỳ rút khỏi Hiệp định là nguyên nhân chính dẫn đến việc đình chỉ các cam kết về quyền SHTT. Trường hợp chấp thuận đơn gia nhập của Hoa Kỳ hoặc Vương Quốc Anh, các quốc gia thành viên sẽ phải đối mặt với các thách thức từ các cam kết quyền SHTT bị đình chỉ vốn đặt ra yêu cầu sâu hơn về nội dung bảo hộ quyền, rộng hơn về phạm vi bảo hộ quyền, và khắt khe hơn đối với hệ thống bảo vệ và thực thi quyền SHTT. Ở chiều ngược lại, các quốc gia này sẽ có nhiều cơ hội tham gia sâu hơn thị trường thương mại tự do. Bên cạnh đó, việc đánh giá hiệu quả thực thi cam kết cũng là cơ sở giúp Việt Nam rút kinh nghiệm cho quá trình đàm phán các Hiệp định thương mại tự do khác trong tương lai.

Đối với Việt Nam, việc tổ chức thực hiện không chỉ gắn với trách nhiệm các cơ quan thuộc bộ máy nhà nước mà còn gắn với nhận thức, ý thức tuân thủ của cộng đồng bởi quyền SHTT là quyền tư nên trong quá trình khai thác và sử dụng quyền các hành vi xâm phạm vô tình hoặc cố ý là không tránh khỏi xuất phát từ chính các chủ thể tư đó. Chính vì vậy, cần nâng cao năng lực hệ thống các cơ quan xác lập quyền cũng như các cơ quan thực thi quyền. Trước hết, hệ thống này cần được tổ chức hợp lý; công chức cần được

đào tạo chuyên nghiệp và có đầy đủ kiến thức tương ứng như phân trên đã phân tích.

Cơ sở cho việc hoàn thiện hệ thống tổ chức hiện thực hóa nghĩa vụ trên cũng đã được thể hiện qua việc Việt Nam đã hoàn thiện danh mục các luật, pháp lệnh, nghị định cần chỉnh sửa, bổ sung, hoặc ban hành mới nhằm đảm bảo thực thi và phù hợp với các cam kết trong Hiệp định CPTPP. Vào ngày 24 tháng 10 năm 2018, trong Báo cáo số 522/BC-CP của Chính phủ về thuyết minh Báo cáo về Hiệp định CPTPP gửi Quốc hội, theo đó Luật Sở hữu trí tuệ là một trong các văn bản luật được kiến nghị sửa đổi, bổ sung nhưng chưa đưa được vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018 và năm 2019 [61]. Ngày 12 tháng 11 năm 2018, Nghị quyết số 72/2018/QH14 (Nghị quyết số 72/2018) về Phê chuẩn Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương kèm các văn kiện liên quan đã ban hành danh mục các luật cần phải sửa đổi, bổ sung theo lộ trình cam kết trong Hiệp định CPTPP [54]. Tiếp theo tinh thần của Nghị quyết số 72/2018, vào ngày 24 tháng 12 năm 2018, Văn phòng chính phủ có Công văn số 12477/VPCP-QHQ thông báo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về hoàn thiện kế hoạch thực hiện Hiệp định CPTPP.

Ngày 24 tháng 01 năm 2019, Chính phủ đã đưa ra Quyết định số 121/QĐ-TTg về phê duyệt kế hoạch thực hiện Hiệp định CPTPP. Theo đó, nhiệm vụ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là hoàn thiện Tờ trình phê chuẩn các điều ước quốc tế trong năm 2022. Đồng thời, Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) phải hoàn thiện Tờ trình về dự án Luật, Nghị định hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi trong năm 2021. Ngay sau đó, ngày 01 tháng 02 năm 2019, cục SHTT đã ra Thông báo số 1926/TB-SHTT về việc áp dụng một số quy định của Hiệp định CPTPP.

Khi thực hiện nhiệm vụ soạn thảo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ, Bộ KH&CN và Bộ Công thương đã tập trung đánh giá hiện trạng của một số chính sách đề nghị sửa đổi trong lĩnh vực SHTT tại Việt Nam hiện nay. Các nội dung chính bao gồm:

(i) Quy định rõ về tác giả, người biểu diễn và quyền của họ trong các trường hợp chuyển nhượng quyền;

(ii) Quy định về khuyến khích khai thác đối tượng sở hữu công nghiệp và giống cây trồng được tạo ra từ nhiệm vụ khoa học công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

(iii) Tạo thuận lợi cho quá trình thực hiện thủ tục đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan và thủ tục xác lập quyền SHCN;

(iv) Quy định về đảm bảo mức độ bảo hộ thoả đáng trong bảo hộ quyền SHTT;

(v) Tăng cường hiệu quả hoạt động hỗ trợ về SHTT

(vi) Nâng cao hiệu quả của hoạt động bảo vệ quyền SHTT;

(vii) Bảo đảm thi hành đầy đủ và nghiêm túc các cam kết quốc tế của Việt Nam về bảo hộ SHTT trong quá trình hội nhập.

Ngày 16 tháng 06 năm 2022, Quốc hội biểu quyết thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ với tỷ lệ 95,58%.

Bên cạnh các cơ quan nhà nước có chức năng thực hiện các cam kết về bảo hộ quyền SHTT theo Hiệp định CPTPP, cần chú trọng đến nhận thức và ý thức của công chúng, của chủ thể quyền cũng như hệ thống các tổ chức hỗ trợ, hỗ trợ cho chủ thể quyền SHTT.

Nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo hộ và thực thi quyền SHTT là giải pháp trọng tâm nhằm tăng cường năng lực tổ chức thực hiện các cam kết quyền SHTT theo Hiệp định CPTPP. Cần phải khẳng định rằng ý thức của cộng đồng đóng vai trò quan trọng trong việc bảo hộ quyền SHTT, vì chỉ khi

doanh nghiệp và đặc biệt là cá nhân tẩy chay hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc sao chép lậu...thì lúc đó việc bảo hộ và thực thi quyền SHTT mới thực sự phát huy được hết hiệu quả của nó. Nói cách khác, để thành công trong tất cả mọi lĩnh vực thì ý thức của con người đóng vai trò quan trọng nhất. Bởi vì khi chúng ta tạo ra được một ý thức hệ về quyền SHTT thông qua giáo dục và phổ biến pháp luật cho người dân, doanh nghiệp thì việc bảo hộ quyền SHTT sẽ dễ dàng hơn do có sự đồng nhất và hiểu biết.

Nhiệm vụ nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo hộ và thực thi quyền SHTT tuy không mới, đã được nhắc đi nhắc lại rất nhiều trong các hội nghị, hội thảo, hay trên các phương tiện truyền thông, mạng xã hội nhưng thật sự đến thời điểm hiện tại vẫn còn tồn tại rất nhiều vấn đề do cách tiếp cận chưa đúng, cách tư vấn, đào tạo chưa bám vào thực tiễn, thiếu tính chuyên sâu. Vì vậy, cần có những giải pháp cụ thể hơn nữa đối với những vấn đề nêu trên. Cần phải chia nhóm đối tượng để tiến hành các hình thức giáo dục, tuyên truyền phù hợp cho từng nhóm nhằm nâng cao nhận thức về bảo hộ và thực thi quyền SHTT. Đối với cá nhân, cơ quan chức năng có thể nghiên cứu các chương trình giáo dục dành riêng cho quyền SHTT để đưa vào trường học các cấp, cơ sở đào tạo, thực hiện tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông như báo, đài, hay mạng xã hội. Điều này có ý nghĩa rất lớn bởi vì nguyên nhân chủ yếu của các hành vi xâm phạm quyền SHTT của các cá nhân xuất phát từ việc hạn chế, thiếu hiểu biết về pháp luật SHTT.

Bên cạnh đó, tác giả trực tiếp sáng tạo nên tác phẩm, sáng chế cũng cần hiểu và ý thức được quyền lợi và nghĩa vụ của mình để bảo vệ sản phẩm trí tuệ do họ làm ra. Bằng không, dù có cố gắng đến thế nào cũng sẽ không đạt được kết quả mong muốn. Đối với doanh nghiệp, cần phải tăng cường hơn nữa hiểu biết của doanh nghiệp về quyền SHTT thông qua việc hỗ trợ tư vấn miễn phí về pháp luật. Sau hai năm kể từ khi Hiệp định CPTPP chính thức có hiệu lực đối

với Việt Nam, có 69% doanh nghiệp nghe nói hoặc biết sơ bộ về Hiệp định này, 25% doanh nghiệp có hiểu biết nhất định về Hiệp định. Tuy nhiên, cứ 20 doanh nghiệp mới có 01 doanh nghiệp biết rõ về các cam kết của Hiệp định CPTPP liên quan tới hoạt động kinh doanh của mình [29]. Đây là một con số khiêm tốn cho thấy việc phổ cập pháp luật về SHTT theo Hiệp định CPTPP cho doanh nghiệp chưa đầy đủ, còn thiếu hiệu quả. Cần phải làm rõ cho các doanh nghiệp hiện nay hiểu rằng chính họ phải ý thức việc bảo hộ tài sản SHTT của mình vì nó là điểm cốt lõi trong hoạt động sản xuất kinh doanh, bằng không họ sẽ bất lợi. Trước khi tiến hành hoạt động kinh doanh, họ phải xác định rõ các vấn đề như: đặt tên doanh nghiệp, sản phẩm dự kiến sản xuất có hình dáng, kích thước, nhãn hiệu thế nào,... Đặc biệt, bộ phận pháp chế phải đảm bảo việc tiến hành các thủ tục xác lập quyền, khai thác quyền trong và ngoài nước, cập nhật pháp luật thường xuyên để tránh việc có thể vô tình xâm phạm quyền SHTT.

Hoạt động tư vấn pháp luật miễn phí cần được tổ chức bài bản hơn, đi vào thực chất hơn nữa với việc thiết kế riêng cho từng nhóm ngành thay vì chỉ làm một cách chung chung bởi vì Việt Nam có rất nhiều nhóm ngành xuất khẩu thế mạnh như: thủy sản, nông sản, dệt may,... Đối với quyền tác giả, quyền liên quan, cần phải xây dựng, mở rộng các tổ chức chuyên nghiệp có chức năng tư vấn, làm trung gian cho các tác giả, nhà sản xuất, người biểu diễn như các tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan. Việc xã hội hóa các dịch vụ về quyền SHTT nhằm hỗ trợ các chủ thể quyền thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật sẽ góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động của việc bảo hộ và thực thi quyền SHTT.

Nhiệm vụ trọng tâm tiếp đó là hỗ trợ phát triển và xây dựng các dịch vụ giám định SHCN, đội ngũ giám định viên SHCN. Kinh nghiệm từ các nước có nền kinh tế phát triển, đặc biệt là nền công nghiệp hiện đại thì giám định



SHCN là một khâu vô cùng quan trọng [64]. Chúng hỗ trợ cơ quan chức năng trong việc xác định hành vi, tính chất, mức độ xâm phạm, và mức độ thiệt hại trong quá trình xử lý các vụ xâm phạm quyền SHCN [58]. Việt Nam đã tạo ra hành lang pháp lý tương đối đầy đủ đối với hoạt động giám định nhưng thực tế hiện nay chỉ có duy nhất một tổ chức được thành lập đó là Viện Khoa học sở hữu trí tuệ thuộc Bộ KH&CN với nguồn nhân lực vô cùng hạn chế. Nguyên nhân một phần đến từ việc tổ chức kiểm tra nghiệp vụ SHCN để cấp thẻ giám định viên, đây là một yêu cầu bắt buộc cho việc thành lập tổ chức giám định, chưa được thực hiện. Quy định hiện nay của Luật SHTT về các chuyên ngành giám định không phù hợp với thực tiễn, từ đó dẫn đến tình trạng nhiều chuyên gia không đủ điều kiện để được cấp Thẻ giám định viên. Để giải quyết vấn đề trên thì cần phải nghiên cứu, xây dựng khung chương trình đào tạo và kiểm tra nghiệp vụ giám định SHCN.

Chính vì vậy, cần tạo ra cơ chế để khuyến khích, thúc đẩy nhằm thu hút những người có trình độ chuyên môn sâu nhờ kinh nghiệm công tác vào đội ngũ giám định viên SHCN. Ví dụ, có thể bổ sung một số tiêu chuẩn đặc cách cấp thẻ giám định viên đối với những trường hợp đã hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực pháp luật về SHTT và lĩnh vực chuyên ngành giám định trong một thời gian dài. Hơn nữa, xã hội hóa việc phát triển đội ngũ giám định viên SHCN cũng là một giải pháp nhằm đẩy nhanh quá trình cấp thẻ giám định viên [58].

Cuối cùng, việc phối hợp giữa các tổ chức hỗ trợ chủ thể quyền SHTT cần được thay đổi, sắp xếp để đảm bảo hiệu quả tối đa của việc khai thác và bảo hộ quyền SHTT. Cụ thể, đối với các tổ chức tập thể đại diện quyền SHTT bên cạnh việc hỗ trợ các chủ thể trong việc khai thác quyền, các tổ chức này cần tích cực và chủ động hỗ trợ nhau trong quá trình bảo hộ quyền SHTT. Bên cạnh việc tổ chức các diễn đàn, hội thảo, hoặc tọa đàm nhằm nâng cao hiểu biết, trao đổi

kinh nghiệm, các tổ chức này cần lưu ý việc thiết lập các đầu mối, cơ chế trao đổi thông tin nhanh chóng, tiện lợi, và dễ tiếp cận. Điều này sẽ gia tăng hiệu quả bảo hộ quyền SHTT bởi các hành vi xâm phạm quyền hiện nay diễn ra vô cùng tinh vi, có tổ chức, với sự hỗ trợ của công nghệ.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Tóm lại, nhằm nâng cao hiệu quả của bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ theo cam kết của Hiệp định CPTPP thì các biện pháp cần được triển khai đồng bộ. Trước hết, cần phải hoàn thiện cơ chế, chính sách và pháp luật về thực thi quyền sở hữu trí tuệ để tránh sự chồng chéo giữa các bộ luật hay các văn bản pháp luật khác nhau, đặc biệt là các luật chuyên ngành. Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030 đã khẳng định rõ nhiệm vụ, giải pháp về rà soát, hoàn thiện quy định pháp luật sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; bảo đảm các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ phù hợp tính chất dân sự của quyền này; nghiên cứu, đề xuất chế tài xử lý các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đủ sức răn đe và chú trọng chống hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ; và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất, nhập khẩu của doanh nghiệp, khuyến khích đầu tư nước ngoài và chuyển giao công nghệ.

Việc sửa đổi, bổ sung, và hướng dẫn thi hành sau khi sửa đổi Luật sở hữu trí tuệ hiện nay đang được triển khai theo định hướng của chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030. Bên cạnh đó, việc nâng cao năng lực nguồn nhân lực của các cơ quan thực thi quyền sở hữu trí tuệ được xác định là nhiệm vụ quan trọng nhất bởi nguồn nhân lực chuyên nghiệp về sở hữu trí tuệ ở các cơ quan này còn thiếu cả về chất lượng và số lượng. Cục sở hữu trí tuệ đã và đang triển khai xây dựng đề án liên quan đến phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp về sở hữu trí tuệ, bao gồm các hoạt động đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về sở hữu trí tuệ cho cán bộ chuyên trách của các cơ quan thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

Cuối cùng, hiệu quả của hoạt động thực thi quyền sở hữu trí tuệ phụ thuộc rất lớn vào sự tham gia và nỗ lực của tất cả các chủ thể. Cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan thực thi quyền sở hữu trí tuệ đóng vai trò quan trọng

trong việc xây dựng chính sách, pháp luật cũng như nhanh chóng phát hiện các vi phạm để kịp thời xử lý. Chủ thể quyền phải chủ động hơn trong việc bảo vệ quyền của mình thay vì phụ thuộc hoàn toàn vào cơ quan quản lý nhà nước hay cơ quan thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Lợi ích từ bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ hiệu quả sẽ đóng góp quan trọng cho việc thúc đẩy, hỗ trợ các hoạt động đổi mới sáng tạo, từ đó tạo nên một môi trường kinh doanh bình đẳng, minh bạch dựa trên nguyên tắc cạnh tranh lành mạnh. Đây là chìa khóa nhằm thu hút đầu tư nước ngoài, chuyển giao công nghệ, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

## KẾT LUẬN

Trên cơ sở xác định đối tượng và phạm vi nghiên cứu, luận án đã lần lượt giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu để đạt được mục đích đã đề ra. Kết quả nghiên cứu của luận án thể hiện qua một số điểm sau đây:

1. Luận án đã làm rõ các khái niệm, đặc điểm, nội dung của quyền sở hữu trí tuệ và chính sách bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của các quốc gia. Thông qua đó, luận án đã góp phần nhận diện đầy đủ và chính xác yêu cầu bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, đặc biệt là Hiệp định CPTPP.

2. Luận án đã hệ thống và phân tích cụ thể các cam kết về quyền SHTT theo Hiệp định CPTPP của Việt Nam, bao gồm thực trạng nội luật hóa các cam kết của Việt Nam về quyền tác giả và quyền liên quan, bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, về thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Đồng thời, luận án cũng đem đến cái nhìn chân thực và toàn diện về thực tiễn thực hiện các cam kết của Việt Nam về bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp, và các biện pháp thực thi quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định CPTPP.

3. Luận án đã nghiên cứu, đề xuất và làm rõ phương hướng về nội luật hóa và thực thi các cam kết về quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định Đối tác và Toàn diện xuyên Thái Bình Dương.

4. Khác với phần lớn các nghiên cứu trước đây, luận án tập trung nghiên cứu sâu sắc các vấn đề sau đây:

Một là: Nhận diện rõ mục tiêu mà các cam kết về quyền SHTT của Hiệp định CPTPP hướng đến, các cam kết này đa phần đặt ra các yêu cầu cao hơn, rộng hơn và sâu hơn so với các Hiệp định trước đó, tiêu biểu là Hiệp định TRIPS.

Hai là: Luận án tập trung phân tích và làm rõ từng yêu cầu đặt ra của các cam kết về quyền SHTT theo Hiệp định CPTPP. Qua đó, luận án cung cấp một cái nhìn cụ thể và toàn diện hơn về nội dung và thực trạng về cách thức thực hiện và thực thi các cam kết về quyền SHTT theo Hiệp định CPTPP.

Ba là: Luận án đã đưa ra những gợi mở cho Việt Nam nhằm đảm bảo thực hiện và thực thi đầy đủ, kịp thời, và chính xác các cam kết về quyền SHTT theo Hiệp định CPTPP .

## DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Khắc Chinh (2021), *“Impacts of the interlectual property chapter under the comprehensive and progresive agreement for trans-pacific partnership on vietnam’s pharmaceutical market”*, Tạp chí Công Thương, số 20 – Tháng 8/2021(tr.14-19)

2. Nguyễn Khắc Chinh (2021), *“Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật thích ứng các cam kết về việc sở hữu trí tuệ theo hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương”*, Tạp chí Công Thương, số 21–Tháng 9/2021(tr.15 - 21)

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### I. Tiếng Việt

1. Anh Tú – Thu Mai, Công thông tin điện tử Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, “*Việt Nam chính thức gia nhập hiệp ước về quyền tác giả*”, tại: <https://bvhttdl.gov.vn/viet-nam-chinh-thuc-gia-nhap-hiep-uoc-ve-quyen-tac-gia-20211129091226339.htm>
2. Báo điện tử của Đảng cộng sản Việt Nam, “*6 tháng đầu năm, cấp hơn 3.410 giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả*”, tại: <https://dangcongsan.vn/tu-tuong-van-hoa/6-thang-dau-nam-cap-hon-3410-giay-chung-nhan-dang-ky-quyen-tac-gia-528157.html>
3. Báo điện tử của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, “*Công bố toàn văn Hiệp định TPP bằng tiếng Anh, Pháp, Tây Ban Nha và bản dịch tiếng Việt*”, tại: <http://baochinhphu.vn/Viet-Nam-va-CPTPP/Cong-bo-toan-van-Hiep-dinh-TPP-bang-tieng-Anh-Phap-Tay-Ban-Nha-va-ban-dich-tieng-Viet/247482.vgp>
4. Bảo Như, Cục Sở hữu trí tuệ, “*Thúc đẩy bảo hộ sáng chế: Góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia*”, tại: [https://ipvietnam.gov.vn/web/guest/tisc-vietnam/-/asset\\_publisher/11mujowMs6e3/content/thuc-ay-bao-ho-sang-che-gop-phan-nang-cao-nang-luc-can-tranh-quoc-gia](https://ipvietnam.gov.vn/web/guest/tisc-vietnam/-/asset_publisher/11mujowMs6e3/content/thuc-ay-bao-ho-sang-che-gop-phan-nang-cao-nang-luc-can-tranh-quoc-gia)
5. Báo điện tử của Bộ Văn hóa, Thể thao, và Du lịch, “*Thanh tra ngành VH TTDL đã xử phạt hành chính hơn 740 tổ chức, cá nhân trong năm 2020*”, tại: <https://toquoc.vn/thanh-tra-bo-vhttdl-da-xu-phat-hanh-chinh-hon-740-to-chuc-ca-nhan-trong-nam-2020-20210423135210817.htm>



6. Báo điện tử Chính phủ, “*Đột kích kho hàng lậu lớn tại Lào Cai*”, tại: <https://baochinhphu.vn/dot-kich-kho-hang-lau-lon-tai-lao-cai-102275286.htm>
7. Báo điện tử Chính phủ, “*Triệt phá kho hàng giả, hàng nhái lớn nhất miền Bắc*”, tại: <https://baochinhphu.vn/triet-pha-kho-hang-gia-hang-nhai-lon-nhat-mien-bac-102289311.htm>
8. Báo điện tử Chính phủ, “*Công bố toàn văn Hiệp định TPP bằng tiếng Anh, Pháp, Tây Ban Nha và bản dịch tiếng Việt*”, tại: <http://baochinhphu.vn/Viet-Nam-va-CPTPP/Cong-bo-toan-van-Hiep-dinh-TPP-bang-tieng-Anh-Phap-Tay-Ban-Nha-va-ban-dich-tieng-Viet/247482.vgp>
9. Bộ Khoa học và Công nghệ, Đề án nghiên cứu khoa học cấp Bộ, “*Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả cơ chế thực thi quyền sở hữu trí tuệ đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế*”, Hà Nội, 2014
10. Bộ Luật hình sự số 100/2015/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2015.
11. Bộ Luật hình sự số 12/2017/QH14 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2017.
12. Chính sách giải quyết tên miền thống nhất, tại: <https://www.icann.org/resources/pages/policy-2012-02-25-en>
13. Công ước Stockholm về việc thành lập Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới 1967.
14. Công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật 1886.
15. Công ước Paris về bảo hộ sở hữu công nghiệp 1983.
16. Cổng thông tin điện tử Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, “*Bắc Kạn: Tổ chức tốt công tác phổ biến pháp luật về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan*”, tại: <https://bvhttdl.gov.vn/bac-kan-to-chuc-tot-cong-tac->

pho-bien-phap-luat-ve-bao-ho-quyen-tac-gia-quyen-lien-quan-2021062414154568.htm

17. Cục Sở hữu trí tuệ, “*Cục Sở hữu trí tuệ thử nghiệm hệ thống “Thư viện số về sở hữu công nghiệp” trên nền tảng WIPO Publish*”, tại: [https://www.ipvietnam.gov.vn/tin-tuc-su-kien/-/asset\\_publisher/7xsjBfqhCDAV/content/cuc-so-huu-tri-tue-thu-nghiem-he-thong-thu-vien-so-ve-so-huu-cong-nghiep-tren-nen-tang-wipo-publish](https://www.ipvietnam.gov.vn/tin-tuc-su-kien/-/asset_publisher/7xsjBfqhCDAV/content/cuc-so-huu-tri-tue-thu-nghiem-he-thong-thu-vien-so-ve-so-huu-cong-nghiep-tren-nen-tang-wipo-publish)
18. Cục sở hữu trí tuệ, “*Hội thảo “Bảo hộ dữ liệu thử nghiệm nông hóa phẩm” trong khuôn khổ phi dự án “Hỗ trợ thực thi Hiệp định CPTPP trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ”*”, tại: [https://ipvietnam.gov.vn/hoat-ong-shcn-trong-nuoc/-/asset\\_publisher/7xsjBfqhCDAV/content/hoi-thao-bao-ho-du-lieu-thu-nghiem-nong-hoa-pham-trong-khuon-kho-phi-du-an-ho-tro-thuc-thi-hiep-inh-cptpp-trong-linh-vuc-so-huu-tri-tue](https://ipvietnam.gov.vn/hoat-ong-shcn-trong-nuoc/-/asset_publisher/7xsjBfqhCDAV/content/hoi-thao-bao-ho-du-lieu-thu-nghiem-nong-hoa-pham-trong-khuon-kho-phi-du-an-ho-tro-thuc-thi-hiep-inh-cptpp-trong-linh-vuc-so-huu-tri-tue)
19. Cục Sở hữu trí tuệ, “*Việt Nam gia nhập Hiệp ước Budapest về nộp lưu chủng vi sinh*”, tại: [https://www.ipvietnam.gov.vn/hoat-ong-shcn-quoc-te/-/asset\\_publisher/7xsjBfqhCDAV/content/viet-nam-gia-nhap-hiep-uoc-budapest-ve-nop-luu-chung-vi-sinh](https://www.ipvietnam.gov.vn/hoat-ong-shcn-quoc-te/-/asset_publisher/7xsjBfqhCDAV/content/viet-nam-gia-nhap-hiep-uoc-budapest-ve-nop-luu-chung-vi-sinh)
20. Cục Sở hữu trí tuệ, “*Hoạt động sở hữu công nghiệp tại địa phương 2020*”, tại: [https://ipvietnam.gov.vn/tin-tuc-su-kien/-/asset\\_publisher/7xsjBfqhCDAV/content/hoat-ong-so-huu-cong-nghiep-cua-cac-ia-phuong-nam-2020](https://ipvietnam.gov.vn/tin-tuc-su-kien/-/asset_publisher/7xsjBfqhCDAV/content/hoat-ong-so-huu-cong-nghiep-cua-cac-ia-phuong-nam-2020)
21. Cục Sở hữu trí tuệ, “*Tình hình nộp đơn đăng ký và văn bằng bảo hộ các đối tượng sở hữu công nghiệp của các tỉnh thành phố của Việt Nam trong những năm gần đây*”, tại: [https://www.ipvietnam.gov.vn/tin-tuc-su-kien/-/asset\\_publisher/7xsjBfqhCDAV/content/tinh-hinh-nop-on-ang-ky-va-van-bang-bao-ho-cac-oi-tuong-so-huu-cong-nghiep-cua-cac](https://www.ipvietnam.gov.vn/tin-tuc-su-kien/-/asset_publisher/7xsjBfqhCDAV/content/tinh-hinh-nop-on-ang-ky-va-van-bang-bao-ho-cac-oi-tuong-so-huu-cong-nghiep-cua-cac)

ting-thanh-pho-cua-viet-nam-trong-nhung-nam-gan-  
ay?inheritRedirect=false

22. Cục Sở hữu trí tuệ, “*Hợp tác quốc tế về sở hữu trí tuệ năm 2020: Nỗ lực vượt qua những thách thức của đại dịch*”, tại: [https://ipvietnam.gov.vn/tin-tuc-su-kien/-/asset\\_publisher/7xsjBfqhCDAV/content/hop-tac-quoc-te-ve-so-huu-tri-tue-nam-2020-no-luc-vuot-qua-nhung-thach-thuc-cua-ai-dich](https://ipvietnam.gov.vn/tin-tuc-su-kien/-/asset_publisher/7xsjBfqhCDAV/content/hop-tac-quoc-te-ve-so-huu-tri-tue-nam-2020-no-luc-vuot-qua-nhung-thach-thuc-cua-ai-dich)
23. Cục Sở hữu trí tuệ, “*Hợp tác quốc tế về Sở hữu trí tuệ năm 2021: Nỗ lực vượt qua khó khăn trong đại dịch Covid-19*”, tại: [https://ipvietnam.gov.vn/vi\\_VN/web/guest/tin-tuc-su-kien/-/asset\\_publisher/7xsjBfqhCDAV/content/hop-tac-quoc-te-ve-so-huu-tri-tue-nam-2021-no-luc-vuot-qua-kho-khan-trong-ai-dich-covid-19](https://ipvietnam.gov.vn/vi_VN/web/guest/tin-tuc-su-kien/-/asset_publisher/7xsjBfqhCDAV/content/hop-tac-quoc-te-ve-so-huu-tri-tue-nam-2021-no-luc-vuot-qua-kho-khan-trong-ai-dich-covid-19)
24. Cục Sở hữu trí tuệ, “*Cục Sở hữu trí tuệ chính thức triển khai dự án Nâng cao năng lực thẩm định đơn sáng chế do JICA tài trợ*”, tại: [https://www.ipvietnam.gov.vn/vi\\_VN/web/guest/tin-tuc-su-kien/-/asset\\_publisher/7xsjBfqhCDAV/content/cuc-so-huu-tri-tue-chinh-thuc-trien-khai-du-an-nang-cao-nang-luc-tham-inh-on-sang-che-do-jica-tai-tro](https://www.ipvietnam.gov.vn/vi_VN/web/guest/tin-tuc-su-kien/-/asset_publisher/7xsjBfqhCDAV/content/cuc-so-huu-tri-tue-chinh-thuc-trien-khai-du-an-nang-cao-nang-luc-tham-inh-on-sang-che-do-jica-tai-tro)
25. Cục Sở hữu trí tuệ, “*Hội thảo trực tuyến “Nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ” trong khuôn khổ phi dự án “Hỗ trợ thực thi Hiệp định CPTPP trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ”*”, tại: [https://www.ipvietnam.gov.vn/tin-tuc-su-kien/-/asset\\_publisher/7xsjBfqhCDAV/content/hoi-thao-truc-tuyen-nang-cao-nhan-thuc-ve-so-huu-tri-tue-trong-khuon-kho-phi-du-an-ho-tro-thuc-thi-hiep-inh-cptpp-trong-linh-vuc-so-huu-tri-tue](https://www.ipvietnam.gov.vn/tin-tuc-su-kien/-/asset_publisher/7xsjBfqhCDAV/content/hoi-thao-truc-tuyen-nang-cao-nhan-thuc-ve-so-huu-tri-tue-trong-khuon-kho-phi-du-an-ho-tro-thuc-thi-hiep-inh-cptpp-trong-linh-vuc-so-huu-tri-tue)
26. Cục Sở hữu trí tuệ, “*Hợp tác quốc tế về sở hữu trí tuệ: góp phần thúc đẩy công cuộc hội nhập kinh tế quốc tế*”, tại:

- [https://www.ipvietnam.gov.vn/tin-tuc-su-kien/-/asset\\_publisher/7xsjBfqhCDAV/content/hop-tac-quoc-te-ve-so-huu-tri-tue](https://www.ipvietnam.gov.vn/tin-tuc-su-kien/-/asset_publisher/7xsjBfqhCDAV/content/hop-tac-quoc-te-ve-so-huu-tri-tue)
27. Cục Sở hữu trí tuệ, “*Hợp tác quốc tế về sở hữu trí tuệ năm 2020: Nỗ lực vượt qua những thách thức của đại dịch*”, tại: [https://ipvietnam.gov.vn/tin-tuc-su-kien/-/asset\\_publisher/7xsjBfqhCDAV/content/hop-tac-quoc-te-ve-so-huu-tri-tue-nam-2020-no-luc-vuot-qua-nhung-thach-thuc-cua-ai-dich](https://ipvietnam.gov.vn/tin-tuc-su-kien/-/asset_publisher/7xsjBfqhCDAV/content/hop-tac-quoc-te-ve-so-huu-tri-tue-nam-2020-no-luc-vuot-qua-nhung-thach-thuc-cua-ai-dich)
  28. Dự thảo của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ.
  29. Hà Anh, Báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam, “*Nhìn lại hai năm thực thi CPTPP từ góc nhìn doanh nghiệp*”, tại: <https://dangcongsan.vn/kinh-te-va-hoi-nhap/nhin-lai-hai-nam-thuc-thi-cptpp-tu-goc-nhin-doanh-nghiep-579461.html>
  30. Hà Anh, Bộ Văn hóa, Thể thao, và Du lịch “*Bộ VH TTDL sẽ "nói dài cánh tay" bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan trên môi trường số*”, tại: <https://bvhttdl.gov.vn/bo-vhttdl-se-noi-dai-can-h-tay-bao-ho-quyen-tac-gia-quyen-lien-quan-tren-moi-truong-so-20201202143549478.htm>
  31. Hà An, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, “*Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong bảo vệ bản quyền*”, tại: <https://bvhttdl.gov.vn/day-manh-hop-tac-quoc-te-trong-bao-ve-ban-quyen-20201101111857465.htm>
  32. Hạnh An, Cục bản quyền tác giả, “*Cục Bản quyền tác giả tổ chức cuộc họp trực tuyến với Hiệp hội Phân phối nội dung ở nước ngoài của Nhật Bản (CODA)*”, tại: <http://www.cov.gov.vn/tin-tuc/cuc-ban-quyen-tac-gia-to-chuc-cuoc-hop-truc-tuyen-voi-hiep-hoi-phan-phoi-noi-dung-o-nuoc-ngoai-cua-nhat-ban-coda>
  33. Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP).

34. Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP).
35. Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS).
36. Hiệp Định Về Quan Hệ Thương Mại Giữa Việt Nam Và Hoa Kỳ 2000
37. Hoài Thu, Thanh Tra Bộ Tài chính, “*Tổng cục Hải quan: Đẩy mạnh phòng, chống gian lận xuất xứ hàng hóa*”, tại: [https://mof.gov.vn/webcenter/portal/thanhtrabtc/pages\\_r/l/chi-tiet-tin-thanh-tra-btc?dDocName=MOFUCM203806](https://mof.gov.vn/webcenter/portal/thanhtrabtc/pages_r/l/chi-tiet-tin-thanh-tra-btc?dDocName=MOFUCM203806).
38. Kiều Thị Thanh, Sách chuyên khảo, “*Hội nhập quốc tế về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam*”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013.
39. Lan Anh, Công thông tin điện tử Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, “*Tăng cường năng lực quản lý và thực thi có hiệu quả pháp luật bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan*”, tại: <https://bvhttdl.gov.vn/tang-cuong-nang-luc-quan-ly-va-thuc-thi-co-hieu-qua-phap-luat-bao-ho-quyen-tac-gia-quyen-lien-quan-20200327102635765.htm>
40. Lê Hồng Hạnh (chủ biên) và Đinh Thị Mai Phương, “*Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam – những vấn đề lý luận thực tiễn*”, NXB Chính trị Quốc gia, năm 2004
41. Lê Mai Thanh, “*Khai thác thương mại quyền sở hữu trí tuệ đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa*”, Tạp chí Thông tin khoa học xã hội số 1 năm 2021.
42. Lê Mai Thanh, “*Bàn về vấn đề bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trên cơ sở Bộ luật dân sự và Luật sở hữu trí tuệ*”, Viện Nhà nước và Pháp luật, Số 3/2005, trang 33 - 35, 66.

43. Lê Mai Thanh, “*Hiệp định thương mại tự do trong bối cảnh Việt Nam hội nhập kinh tế*”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, 2014, Số 4.
44. Lê Mai Thanh, “*Mô hình pháp luật sở hữu trí tuệ các nước và gợi mở đối với Việt Nam*”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, 2014, số 3.
45. Lê Mai Thanh, “*Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ*”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 10/2016, tr.61-69
46. Lê Nết, “*Quyền sở hữu trí tuệ*”, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2005
47. Lê Thị Bích Thủy, “*Hoàn thiện pháp luật Việt Nam nhằm bảo đảm sự cân bằng, hài hòa lợi ích trong bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ*”, Hội thảo khoa học về Hoàn thiện dự thảo luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Sở hữu trí tuệ, Khoa Luật – ĐHQGHN, ngày 12 tháng 05 năm 2022.
48. Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.
49. Luật sở hữu trí tuệ sửa đổi 2009, số 36/2009/QH12 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thông qua ngày 19 tháng 06 năm 2009.
50. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật kinh doanh bảo hiểm, sở hữu trí tuệ năm 2019, thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2019.
51. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật sở hữu trí tuệ số 07/2022/QH15 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thông qua ngày 16 tháng 06 năm 2022.
52. Nghị định số 99/2013/NĐ-CP của Chính phủ về Quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp, thông qua ngày 29 tháng 08 năm 2014.

53. Nghị quyết Số: 36a/NQ-CP về “Chính Phủ Điện Tử” của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thông qua ngày 14 tháng 10 năm 2015.
54. Nghị quyết số: 72/2018/QH14, Phê chuẩn Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương cùng các văn kiện liên quan bởi Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, , thông qua ngày 12 tháng 11 năm 2018.
55. Ngọc Linh, Tạp chí Tổng cục hải quan, “Chống gian lận xuất xứ năm 2021: Tập trung phân tích thông tin phát hiện vi phạm”, tại: <https://haiquanonline.com.vn/chong-gian-lan-xuat-xu-nam-2021-tap-trung-phan-tich-thong-tin-phat-hien-vi-pham-141940.html>
56. Nguyễn Thị Bích Thảo, “*Hoàn thiện các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ nhằm thực thi cam kết của Việt Nam trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới*”, Hội thảo khoa học về Hoàn thiện dự thảo luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Sở hữu trí tuệ, Khoa Luật – ĐHQGHN, ngày 12 tháng 05 năm 2022.
57. Nguyễn Thị Hoàng Hạnh, “*Chuyển hướng trong bảo hộ quốc tế đối với quyền sở hữu trí tuệ*”, 2015 Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Luật học, Tập 31, Số 1, tr. 50-61.
58. Nguyễn Thị Hoàng Hạnh, “*Hoàn thiện pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam nhằm thực thi Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030*”, Hội thảo khoa học về Hoàn thiện dự thảo luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Sở hữu trí tuệ, Khoa Luật – ĐHQGHN, ngày 12 tháng 05 năm 2022.
59. Nguyễn Thị Quế Anh và Nguyễn Bích Thảo, “*Tác động của các quy định về sở hữu trí tuệ trong hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương đối với việc hoàn thiện pháp luật sở hữu trí tuệ Việt*

- Nam*”, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Luật học, Tập 35, Số 3, tr. 9-19, năm 2019
60. Nguyễn Thị Quế Anh, “*Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong bối cảnh toàn cầu hóa và những tác động đến các chuẩn mực bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới*”, Hội thảo khoa học về Hoàn thiện dự thảo luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Sở hữu trí tuệ, Khoa Luật – ĐHQGHN, ngày 12 tháng 05 năm 2022
  61. Phần A.1, Bộ Công thương, Báo cáo đánh giá tác động của chính sách dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ trình Chính phủ ngày 20 tháng 03 năm 2019.
  62. Phương Anh, Bộ Văn hóa, Thể thao, và Du lịch, “*Bảo vệ quyền tác giả không chỉ là việc của nhà quản lý*”, tại: <https://bvhttdl.gov.vn/bao-ve-ban-quyen-tac-gia-khong-chi-la-viec-cua-nha-quan-ly-20191201215515539.htm>
  63. Quỳnh Vũ, Báo Nhân dân, “*Trách nhiệm của tác giả trong việc bảo vệ tác quyền*”, tại: <https://nhandan.vn/binh-luan-phe-phan/trach-nhiem-cua-tac-gia-trong-viec-bao-ve-tac-quyen-362994>
  64. Quyết định số: 1068/QĐ –TTg, Phê duyệt chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030, thông qua ngày 22 tháng 08 năm 2019 bởi Thủ tướng chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
  65. Quyết định số: 121/QĐ-TTg, Phê duyệt kế hoạch thực hiện Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) thông qua ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
  66. Quyết định Số: 88/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án tăng cường năng lực quản lý và thực thi có hiệu quả pháp



luật bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 thông qua ngày 20 tháng 01 năm 2017.

67. Thanh Thanh, Báo Điện tử đài tiếng nói Việt Nam, “*Trung tâm Bảo vệ Quyền Tác giả Âm nhạc Việt Nam thu hơn 150 tỷ đồng trong năm 2020*”, tại: <https://vov.vn/van-hoa/trung-tam-bao-ve-quyen-tac-gia-am-nhac-viet-nam-thu-hon-150-ty-dong-trong-nam-2020-830233.vov>
68. Thanh Thủy, Cổng thông tin điện tử Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, “*Ninh Thuận: Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn*”, tại: <https://bvhttdl.gov.vn/ninh-thuan-tuyen-truyen-pho-bien-phap-luat-ve-quyen-tac-gia-quyen-lien-quan-cho-cac-to-chuc-ca-nhan-tren-dia-ban-20211210093027684.htm>
69. Thông tư Liên tịch số 07/2012/TTLT-BTTTT-BVHTTDL của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian trong việc bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan trên môi trường mạng Internet và mạng viễn thông, ngày 19 tháng 06 năm 2012.
70. Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới, “*Cẩm nang sở hữu trí tuệ: Chính sách, pháp luật và áp dụng*”, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2006.
71. Trần Kiên, “*Sự xung đột giữa quyền con người và quyền sở hữu trí tuệ*”, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2020
72. Trang thông tin điện tử công bố bản án, quyết định của tòa án, “*Tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ*”, tại: <https://congbobanan.toaan.gov.vn/0t15at1cvn1/Tra-cu-ban-an>
73. Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc Việt Nam- VCPMC; (2) Trung tâm Quyền tác giả văn học Việt Nam- VLCC; (3) Hiệp hội Công nghiệp ghi âm Việt Nam- RIAV; (4) Hiệp hội Quyền sao chép Việt

- Nam-VIETRRO; (5) Hội bảo vệ quyền của Nghệ sĩ biểu diễn âm nhạc Việt Nam (APPA).
74. Trung tâm WTO, “CPTPP là hiệp định đầu tiên đưa Việt Nam lên vị thế mới trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế”, ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại: <https://trungtamwto.vn/chuyen-de/22483-cptpp-la-hiep-dinh-dau-tien-dua-viet-nam-len-vi-the-moi-trong-qua-trinh-hoi-nhap-kinh-te-quoc-te>
75. Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển truyền thông KH&CN, “*Việt Nam gia nhập Thỏa ước La-hay về đăng ký quốc tế kiểu dáng công nghiệp*”, tại: [https://ipvietnam.gov.vn/tin-tuc-su-kien/-/asset\\_publisher/7xsjBfqhCDAV/content/viet-nam-gia-nhap-thoa-uoc-la-hay-ve-ang-ky-quoc-te-kieu-dang-cong-nghiep](https://ipvietnam.gov.vn/tin-tuc-su-kien/-/asset_publisher/7xsjBfqhCDAV/content/viet-nam-gia-nhap-thoa-uoc-la-hay-ve-ang-ky-quoc-te-kieu-dang-cong-nghiep)
76. Tuyên bố Doha 2001 về Hiệp định TRIPS và sức khỏe cộng đồng.
77. Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII.
78. Vân Anh, Báo Điện tử đài tiếng nói Việt Nam, “*Vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan ở Việt Nam khá nghiêm trọng*”, tại: <https://vov.vn/cong-nghe/vi-pham-quyen-tac-gia-quyen-lien-quan-o-viet-nam-kha-nghiem-trong-814803.vov>
79. Vụ Chính sách thương mại đa biên – Bộ Công thương, “*Hiệp định CPTPP chính thức có hiệu lực đối với Việt Nam từ ngày 14/01/2019*”, tại: <http://www.moit.gov.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/hiep-%C4%91inh-cptpp-chinh-thuc-co-hieu-luc-%C4%91oi-voi-viet-nam-tu-ngay-14-01-2019-13567-22.html>
80. Vũ Thị Hải Yến, “*Bàn về quy định của luật sở hữu trí tuệ Việt Nam liên quan đến giới hạn quyền tác giả, quyền liên quan*”, Tạp chí luật học , Số 7, 2010.

81. Vũ Thị Hải Yên, “*Hoàn thiện quy định của Luật Sở hữu trí tuệ liên quan đến nhãn hiệu hình ba chiều và nhãn hiệu âm thanh*”, Hội thảo khoa học về Hoàn thiện dự thảo luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Sở hữu trí tuệ, Khoa Luật – ĐHQGHN, ngày 12 tháng 05 năm 2022.

## ***II. Tài liệu tham khảo tiếng nước ngoài***

82. Andrew Webster and Kathryn Packer, “*Innovation and the Intellectual Property System*”, Kluwer Law International, 1996
83. Baker & McKenzie, Proposed Amendments to the Patent Law and Draft IP Provision in the Foreign Investment Law, 12 February 2019, at:<https://www.lexology.com/library/detail.aspx?g=504c996b-a1fa-4dba-aed7-b72b5ad6b072>.
84. Bryan Mercurio, TRIPS-Plus Provisions in FTAs: Recent Trends [M]// Lorand Bartels, Federico Ortino, Regional Trade Agreements and the WTO Legal System, London: Oxford University Press (2006) 216.
85. Bryan Christopher Mercurio, “*Beyond the Text: The Significance of the Anti-Counterfeiting Trade Agreement*”, Journal of International Economic Law Vol.15 (2012) 29.
86. Copyright law of the United States.
87. Eckl A. (2013) Kant and Hegel on Property. In: Luetge C. (eds) Handbook of the Philosophical Foundations of Business
88. John Locke, Two Treatises of Government (P. Laslett, ed., Cambridge: Cambridge University Press, 1970), Second Treatise, Sec. 27.
89. Kanaga Raja, “*Concerns raised over ACTA at TRIPS Council*”, TWN Info Service on WTO and Trade Issues, 2010.
90. Kamil Idris, Intellectual Property – A Power Tool for Economic Growth, WIPO, 2003.

91. Karl Marx, *Economic and Philosophic Manuscripts of 1844* (New York: International Publishers, 1964)
92. Lionel Bently and Brad Sherman, “*Intellectual Property Law*”, 4th Edition, Oxford University Press, 2014, page 2.
93. Neil Netanel, “*Copyright and a Democratic Civil Society*”, *The Yale Law Journal* Vol. 106, No. 2 (Nov., 1996), pp. 283-387.
94. Timothy P Trainer, *Intellectual Property Enforcement: A Reality Gap (Insufficient Assistance, Ineffective Implementation)?* [J], *The John Marshall Review of Intellectual Property Law* 01 (2008) 72.
95. Ruth L. Okediji “*WIPO-WTO relations and the Future of Global Intellectual Property Norms*”, *Netherlands Yearbook of International Law*, Volume 39 December 2008, page 69-125.
96. Thomas Jefferson, *Notes on the State of Virginia* (New York: Norton, 1972).
97. Trade Mark Act 1994 (United Kingdom).
98. Trademark Law of the People’s Republic of China 2013.
99. U.S. Embassy Montevideo, “*Summary of the Trans-Pacific Partnership Agreement*”, tại: <https://uy.usembassy.gov/summary-trans-pacific-partnership-agreement/>
100. William M. Landes & Richard A. Posner, “*The Economic Structure of Intellectual Property*”, Belknap Press of Harvard University Press, 2003.
101. William Fisher, Morton Horwitz, and Thomas Reed, eds., *American Legal Realism* (New York: Oxford University Press, 1993).